

Số: 38 /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Lạng Sơn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐBĐVN.

le 16/2 *anh*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2013/TT-BTNMT
ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Lạng Sơn được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Lạng Sơn và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP
BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Lạng Sơn	3
2	Huyện Bắc Sơn	5
3	Huyện Bình Gia	17
4	Huyện Cao Lộc	30
5	Huyện Chi Lăng	43
6	Huyện Đình Lập	58
7	Huyện Hữu Lũng	68
8	Huyện Lộc Bình	82
9	Huyện Tràng Định	98
10	Huyện Văn Lãng	115
11	Huyện Văn Quan	128

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ba Toa	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 45"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Đèo Giang	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 48"	106° 44' 51"					F-48-58-A-d
chùa Tiên	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 45' 13"					F-48-58-B+46-D
khối Trần Hưng Đạo	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 1	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 2	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn							
núi Văn Vĩ	SV	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 49' 28"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
làng Khôn Lải	DC	P. Đông Kinh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 27"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
khối 2	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 41"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
khối 5	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 45' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 49"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
chợ Kỳ Lừa	KX	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 34"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 08"	106° 44' 41"					F-48-58-A-d
khối 7	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 39"	106° 44' 52"					F-48-58-A-d
khối 9	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
khối 10	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 58"	106° 45' 02"					F-48-58-A-d
cầu Bến Bắc	KX	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 56"	106° 44' 50"					F-48-58-A-d
động Tam Thanh	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 21"	106° 44' 36"					F-48-58-A-d
núi Tô Thị	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 22"	106° 44' 38"					F-48-58-A-d
khối 6	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 29"	106° 46' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 25"	106° 46' 18"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 46' 15"					F-48-58-B+46-D
chợ Đông Kinh	KX	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 11"	106° 45' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Phai Vệ	SV	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 09"	106° 45' 43"					F-48-58-B+46-D
bản Áng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 43' 42"					F-48-58-A-d
thôn Chi Mạc - Nà Kéo	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 54"	106° 44' 28"					F-48-58-A
thôn Đoổng Ớn	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 14"	106° 45' 05"					F-48-58-A
khao Hổ	SV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 46"	106° 44' 26"					F-48-58-A
thôn Hoàng Thanh	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 44' 30"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Pịt	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 42"	106° 44' 45"					F-48-58-A
bản Khuổi Khuốc	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 12"	106° 43' 12"					F-48-58-A-d
bản Khuổi Phát	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 50"	106° 43' 03"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn			21° 50' 52"	106° 44' 20"	21° 52' 20"	106° 42' 20"	F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lục Khoang	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 31"	106° 45' 21"					F-48-58-B+46-D
bản Mới	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 59"	106° 44' 06"					F-48-58-A
bản Nà Đon	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 54"	106° 44' 21"					F-48-58-A
thôn Nà Lướt	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 39"	106° 44' 48"					F-48-58-A
bản Nà Pàn	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 49"	106° 44' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Sên - Tổng Huồng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 58"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
đập Nà Tâm	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 12"	106° 44' 38"					F-48-58-A
thôn Nà Tâm - Lục Mi	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 55"	106° 44' 43"					F-48-58-A
thôn Pàn Pè	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 06"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
bản Phai Trần	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 02"	106° 45' 07"					F-48-58-B+46-D
thôn Quán Hồ - Phả Lạn	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 42"	106° 44' 16"					F-48-58-A
thôn Tàng Khảm	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 26"	106° 44' 02"					F-48-58-A
thôn Vĩ Thượng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 24"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
làng Bình Cầm	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 43"	106° 47' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Pát	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 40"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Phở	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 54"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn			21° 50' 28"	106° 47' 50"	21° 50' 05"	106° 45' 35"	F-48-58-B+46-D
hồ Lầu Xá	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 20"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Mai Thành	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 20"	106° 46' 08"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Chuông 1	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
thôn Nà Chuông 2	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
làng Pá Lải	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 33"	106° 45' 49"					F-48-58-B+46-D
thôn Phai Duốc	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 39"	106° 46' 39"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Đưa	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 23"	106° 46' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mỏ	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 46' 21"					F-48-58-B+46-D
thôn Rọ Phải	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 52"	106° 45' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Trung Cấp	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 47' 18"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Nhàng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 52' 11"	106° 42' 47"					F-48-58-A-d
bản Cao Kiệt	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 18"	106° 43' 28"					F-48-58-A-d
bản Khau Dải	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
thôn Khau Puông	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 13"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
bản Khòn Thía	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 06"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d
bản Khuôn Nghiều	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 19"	106° 42' 43"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
bản Khuôn Nhà	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 57"	106° 43' 16"						F-48-58-A-d
bản Khuôn SLác	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 15"	106° 44' 08"						F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn			21° 52' 15"	106° 42' 02"	21° 50' 35"	106° 43' 55"		F-48-58-A-d
bản Loổng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 01"	106° 43' 37"						F-48-58-A-d
thôn Nà Me	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 43' 21"						F-48-58-A-d
bản Nà Pọng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 44"	106° 44' 07"						F-48-58-A-d
bản Nà Púng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 47' 38"	106° 42' 18"						F-48-58-A-d
bản Nà Quang	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 24"	106° 43' 11"						F-48-58-A-d
bản Pác Cáp	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 33"	106° 43' 09"						F-48-58-A-d
bản Pác Moong	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 28"						F-48-58-A-d
bản Phai Yên	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 19"	106° 42' 38"						F-48-58-A-d
bản Phiêng Cù	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 26"						F-48-58-A-d
khuai Púồng	SV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 26"	106° 42' 37"						F-48-58-A-d
suối Quảng Lạc	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn			21° 47' 39"	106° 42' 00"	21° 50' 35"	106° 43' 55"		F-48-58-A-d
cầu Quán Loổng	KX	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 12"						F-48-58-A-d
cầu Bắc Sơn	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 07"	106° 19' 05"						F-48-57-B-a
núi Bó Sáng	SV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 39"	106° 19' 04"						F-48-57-B-a
cầu Nà Cướm	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 10"	106° 19' 24"						F-48-57-B-a
suối Nặm Dù	TV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 54' 25"	106° 19' 42"	21° 54' 29"	106° 18' 16"		F-48-57-B-a
thôn Vĩnh Thuận	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 18' 27"						F-48-57-B-a
thôn Yên Lãng	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 19' 04"						F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 07"	106° 21' 42"	21° 54' 07"	106° 20' 22"		F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 50"	106° 20' 38"						F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 58"	106° 20' 28"						F-48-57-B-a
thôn Đông Đăng 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 16"	106° 21' 08"						F-48-57-B-a
thôn Đông Đăng 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 22"	106° 21' 00"						F-48-57-B-a
thôn Lân Hát	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 02"	106° 21' 50"						F-48-57-B-a
thôn Mỏ Hao	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 21' 37"						F-48-57-B-c
thôn Nội Hòa	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 21' 14"						F-48-57-B-a
suối Phai Trang	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 08"	106° 21' 44"	21° 53' 12"	106° 20' 49"		F-48-57-B-a
suối Rá Riêng	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 53' 12"	106° 20' 49"	21° 54' 04"	106° 20' 16"		F-48-57-B-a
núi Tán Rươi	SV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 30"	106° 21' 25"						F-48-57-B-a
thôn Trí Yên	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 14"	106° 20' 40"						F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 21"	106° 10' 11"	21° 50' 41"	106° 12' 39"	F-48-57-A-d
thôn Bình An	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 11' 57"					F-48-57-A-d
đèo Bò Đái	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 11' 23"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 30"	106° 09' 30"					F-48-57-A-d
súoi Cáp	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 49' 56"	106° 11' 02"	21° 49' 33"	106° 10' 52"	F-48-57-A-d
núi Chiu Uyt	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 05"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d
thôn Hoan Thượng	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 10"	106° 09' 28"					F-48-57-A-d
súoi Hoan Thượng	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 58"	106° 09' 39"	21° 48' 19"	106° 09' 42"	F-48-57-A-d
thôn Hoan Trung 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 58"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 20"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 39"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 3	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 4	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 08"	106° 12' 29"					F-48-57-A-d
thôn Hương Cốc 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 11' 01"					F-48-57-A-d
thôn Hương Cốc 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 09"	106° 11' 41"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiếm	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
núi Khura Mu	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 11' 25"					F-48-57-A-d
núi Lân Bường	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 28"	106° 10' 57"					F-48-57-A-d
thôn Lân Vi	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d
núi Ma	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 54"	106° 09' 09"					F-48-57-A-d
núi Nà Bon	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 28"	106° 12' 36"					F-48-57-A-d
thôn Pá Te	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 32"	106° 10' 15"					F-48-57-A-d
núi Phai Páng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 12"					F-48-57-A-d
núi Sa Bàng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 58"	106° 11' 32"					F-48-57-A-d
thôn Áng Nộc	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 57"	106° 19' 18"					F-48-57-B-c
súoi Bản Ghè	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn			21° 51' 06"	106° 18' 09"	21° 50' 38"	106° 18' 25"	F-48-57-B-c
thôn Bình Thượng	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 43"	106° 19' 12"					F-48-57-B-c
thôn Dục Thúm	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 10"	106° 20' 27"					F-48-57-B-c
súoi Dục Thúm	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 18' 58"	21° 52' 07"	106° 20' 21"	F-48-57-B-c
thôn Lân Nghiến	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 17' 12"					F-48-57-B-c
thôn Làng Khau	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c
thôn Nà Nọt	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 20' 33"					F-48-57-B-c
thôn Táp Già	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 52"	106° 17' 35"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 52' 39"	106° 12' 47"	21° 54' 31"	106° 17' 51"	F-48-57-A-b
suối Bản Sao	TV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 53' 45"	106° 13' 39"	21° 54' 38"	106° 13' 21"	F-48-57-A-b
thôn Bó Đáy	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 43"	106° 14' 46"					F-48-57-A-b
thôn Bó Mạ	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 56"	106° 15' 07"					F-48-57-B-a
núi Gón Cáu	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 34"	106° 12' 47"					F-48-57-A-b
bản Khẩu Mo	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 04"					F-48-57-B-a
thôn Khau Ràng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 14' 12"					F-48-57-A-b
thôn Khuôn Ngàn	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 08"	106° 14' 52"					F-48-57-A-b
thôn Lân Páng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
thôn Lân Rò	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 55' 12"	106° 16' 41"					F-48-57-B-a
suối Lân Rò	TV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 54' 31"	106° 17' 48"	21° 54' 42"	106° 16' 57"	F-48-57-B-a
cầu Mương Mèo	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 40"	106° 16' 15"					F-48-57-B-a
thôn Nà Giáo	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 52"	106° 14' 27"					F-48-57-A-b
bản Nà Lại	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 00"	106° 12' 38"					F-48-57-A-b
cầu Nà Mưa 1	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-a
cầu Nà Mưa 2	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 17"	106° 15' 26"					F-48-57-B-a
thôn Nà Nhi	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 21"	106° 13' 21"					F-48-57-A-b
đèo Nặm Dù	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 31"	106° 17' 51"					F-48-57-B-a
cầu Nguyễn	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 32"	106° 15' 48"					F-48-57-B-a
núi Pắc Chao	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 18"	106° 16' 10"					F-48-57-B-a
thôn Pác Yéng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 33"	106° 15' 39"					F-48-57-B-a
cầu Pó Hương	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-B-a
đập Pò Rái	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 14' 44"					F-48-57-A-b
núi Sa Khăm	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 11"	106° 16' 53"					F-48-57-B-a
núi Toong Chai	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 14' 34"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 59"	106° 19' 29"	21° 52' 07"		F-48-57-B-c
bản Bó Bín	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 20' 04"					F-48-57-B-c
đèo Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 12"	106° 23' 05"					F-48-57-B-d
núi Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 23"	106° 23' 46"					F-48-57-B-d
núi Cái Khoáng	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 26"	106° 23' 45"					F-48-57-B-d
núi Co Cái (Ko Cái)	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 10"	106° 22' 42"					F-48-57-B-d
núi Khoản Huyền	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 23' 13"					F-48-57-B-d
núi Lăng Mỏ	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 01"	106° 22' 08"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lương Minh	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 39"	106° 22' 07"					F-48-57-B-c
thôn Ma Hiu	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 11"	106° 20' 25"					F-48-57-B-c
thôn Minh Đán	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 59"	106° 21' 46"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Nhài	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 21' 00"					F-48-57-B-c
thôn Nà Nuầy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 49' 55"	106° 19' 53"					F-48-57-B-c
núi Nà Rọc	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
bản Nà Tuáy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 02"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Nông Lục	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 28"	106° 21' 35"					F-48-57-B-c
đỉnh Nông Lục	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 35"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
suối Phai Lân	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 57"	106° 20' 15"	21° 50' 58"	106° 21' 23"	F-48-57-B-c
hồ Tam Hoa	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 29"	106° 20' 20"					F-48-57-B-c
thôn Tiên Hội	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 21' 02"					F-48-57-B-c
suối Tiên Hội	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 50' 58"	106° 21' 23"	21° 52' 08"	106° 21' 44"	F-48-57-B-c
bản Toóc Mương	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 20' 07"					F-48-57-B-c
thôn Xuân Giao	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 24"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
hồ Bắc Mỏ	TV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 18' 10"					F-48-57-B-a
cầu Gò Nộc	KX	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 55"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 1	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 46"	106° 19' 06"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 2	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 35"	106° 19' 22"					F-48-57-B-a
thôn Lân Kìng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 19' 13"					F-48-57-B-a
thôn Lân Páng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 39"	106° 19' 53"					F-48-57-B-a
núi Mỏ Ảng	SV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 25"	106° 18' 45"					F-48-57-B-a
thôn Nà Hó	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 57"	106° 18' 16"					F-48-57-B-a
thôn Pắc Lũng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 29"	106° 18' 56"					F-48-57-B-a
thôn Pắc Mỏ	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 38"	106° 18' 02"					F-48-57-B-a
thôn Tá Liếng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 18' 29"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 1	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 11"	106° 19' 45"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 2	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 36"	106° 19' 34"					F-48-57-B-a
thôn Bản Đẳng	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 47"	106° 18' 57"					F-48-57-B-a
thôn Bản Liếng	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 17' 49"					F-48-57-B-a
thôn Bản Thí	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 57' 21"	106° 18' 54"					F-48-57-B-a
núi Bó Qua	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
khuổi Cái	TV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn			21° 55' 09"	106° 15' 56"	21° 55' 56"	106° 15' 48"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Gỗ	KX	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 09"	106° 19' 52"					F-48-57-B-a
đèo Kéo Ngoà	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 30"	106° 18' 31"					F-48-57-B-a
thôn Lân Luống	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 52"	106° 20' 24"					F-48-57-B-a
thôn Long Hưng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 51"	106° 19' 47"					F-48-57-B-a
thôn Minh Quang	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 02"	106° 19' 29"					F-48-57-B-a
thôn Nà Rào	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 56"	106° 19' 10"					F-48-57-B-a
đèo Nàng Tiên	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 57' 02"	106° 19' 16"					F-48-57-B-a
thôn Ngọc Môn	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 34"	106° 17' 47"					F-48-57-B-a
suối Pắc Khuổi	TV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn			21° 55' 06"	106° 17' 39"	21° 55' 56"	106° 16' 45"	F-48-57-B-a
thôn Rạ Lá	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 05"	106° 18' 18"					F-48-57-B-a
đèo Tam Canh	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 33"	106° 20' 10"					F-48-57-B-a
thôn Tân Rã	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 42"	106° 17' 29"					F-48-57-B-a
suối Tân Rã	TV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn			21° 55' 36"	106° 17' 58"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
thôn Thủy Hội	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 43"	106° 15' 53"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đảo 1	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 19' 37"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đảo 2	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 50"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 45' 27"	106° 13' 17"	21° 46' 39"	106° 17' 13"	F-48-57-A-d
thôn An Uy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 50"	106° 14' 26"					F-48-57-A-d
thôn Độc Máy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 18' 30"					F-48-57-B-c
bản Đắc Hạ	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 18"	106° 17' 18"					F-48-57-B-c
bản Đắc Trung	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 42"	106° 18' 00"					F-48-57-B-c
thôn Địa Phận	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 30"	106° 16' 48"					F-48-57-B-c
thôn Gia Hòa	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 51"	106° 15' 13"					F-48-57-B-c
núi Kho Lân Đăm	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 57"	106° 15' 01"					F-48-57-D-a
bản Lân Páng	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 49"	106° 13' 34"					F-48-57-A-d
thôn Làng Khả	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 23"	106° 13' 31"					F-48-57-A-d
làng Lộp Liu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Mỹ Ba	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 14"	106° 15' 35"					F-48-57-B-c
thôn Nà Tu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 03"	106° 16' 08"					F-48-57-B-c
núi Pá Đầy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 57"	106° 13' 35"					F-48-57-A-d
núi Pá Nửa	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 14' 32"					F-48-57-C-b
làng Quán	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
đèo Tân Thành	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 13' 17"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Tát Ủy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 24"	106° 14' 05"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 1	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 13' 46"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 2	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 44"	106° 14' 39"					F-48-57-A-d
suối Thái Hòa	TV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 46' 06"	106° 15' 18"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
đèo Bốn Đình	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 54"	106° 18' 00"					F-48-57-D-a
núi Canh Tung	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 07"	106° 19' 10"					F-48-57-D-a
làng Cô Kê	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 18"	106° 14' 17"					F-48-57-C-b
suối Cô Kê	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 37"	106° 14' 06"	21° 41' 28"	106° 13' 50"	F-48-57-C-b
làng Cô Thi	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 17"	106° 15' 54"					F-48-57-D-a
suối Đầy	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 20"	106° 15' 28"	21° 42' 43"	106° 15' 48"	F-48-57-D-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 27"	106° 16' 13"					F-48-57-D-a
suối Hoãn	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 43' 56"	106° 14' 42"	21° 43' 21"	106° 14' 35"	F-48-57-C-b
đèo Khưa Lay	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 08"	106° 15' 34"					F-48-57-D-a
làng Lân Giềng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 18' 05"					F-48-57-D-a
làng Lân Lác	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
làng Lân Lừa	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 57"	106° 16' 39"					F-48-57-D-a
làng Lân Nặng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 40' 42"	106° 13' 35"					F-48-57-C-b
thôn Làng Chu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 58"	106° 15' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Đầy	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 16' 19"					F-48-57-D-a
thôn Làng Đồng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 16' 47"					F-48-57-B-c
làng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 57"	106° 17' 08"					F-48-57-D-a
làng Mùng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 12"	106° 18' 02"					F-48-57-D-a
thôn Nà Niệc	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 53"	106° 17' 36"					F-48-57-D-a
thôn Pá Lét	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 02"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
núi Pá Lét	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 25"	106° 15' 56"					F-48-57-D-a
làng Phù Luông	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 13"	106° 13' 48"					F-48-57-C-b
núi Tá Han	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 18' 31"					F-48-57-D-a
đèo Ta Hang	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 03"	106° 18' 50"					F-48-57-D-a
núi Vóp	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 02"	106° 17' 03"					F-48-57-D-a
thôn Đơn Riệc 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 23"	106° 20' 27"					F-48-57-B-a
núi Dục Cúm	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 42"	106° 21' 49"					F-48-57-B-a
làng Lân Đầy	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 20' 32"					F-48-57-B-a
làng Lân Hát	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 28"	106° 21' 29"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Lay	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 49"	106° 19' 50"					F-48-57-B-a
thôn Nà Riêng 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 30"	106° 20' 19"					F-48-57-B-a
cầu Rá Riêng	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 14"	106° 20' 15"					F-48-57-B-a
núi Sa Mon	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 48"	106° 20' 33"					F-48-57-B-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 54"	106° 20' 09"					F-48-57-B-a
thôn Bó Tát	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 07"	106° 14' 24"					F-48-57-A-d
núi Bó Tát	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 14' 30"					F-48-57-A-d
thôn Cầu Hìn	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 45"	106° 15' 40"					F-48-57-B-c
thôn Đôn Úy	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 14"	106° 15' 25"					F-48-57-B-c
thôn Dục Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 14' 53"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiếm	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
làng Mỏ Rẹ	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 01"	106° 15' 11"					F-48-57-B-c
làng Nà Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-c
làng Nà Tử	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 08"	106° 15' 43"					F-48-57-B-c
thôn Nam Hương	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 46"	106° 15' 20"					F-48-57-B-c
súoi Nam Hương	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 50' 47"	106° 16' 16"	21° 49' 26"	106° 15' 27"	F-48-57-B-c
súoi Ràng Khảm	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 49' 16"	106° 15' 23"	21° 47' 35"	106° 14' 16"	F-48-57-B-c
làng Sa Khao	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 54"	106° 15' 18"					F-48-57-B-c
núi Sa Khao	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 37"	106° 14' 37"					F-48-57-A-d
đèo Keng Nghiều	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 31"	106° 16' 28"					F-48-57-B-c
thôn Lân Riều	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 34"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
khau Luông	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 55"	106° 15' 01"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Đầu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 16' 38"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Khuyn	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 12"	106° 16' 27"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Pia	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 18"	106° 16' 01"					F-48-57-B-a
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 58"	106° 16' 01"					F-48-57-B-c
làng Nà Nâm	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 01"	106° 15' 45"					F-48-57-B-c
thôn Nà Riễn	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 16' 04"					F-48-57-B-c
làng Nà Yêu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 52"	106° 16' 58"					F-48-57-B-a
núi Sa Gieng	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 09"	106° 15' 38"					F-48-57-B-a
thôn Thẩm Luông	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 16' 33"					F-48-57-B-c
khau Cái	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 28"	106° 12' 35"					F-48-57-C-b
súoi Hoan	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 37"	106° 11' 36"	21° 43' 56"	106° 14' 42"	F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Húng Rù	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 43' 33"	106° 14' 31"					F-48-57-C-b
suối Khuyết	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 26"	106° 13' 34"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
bản Lân Hoài	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 51"	106° 12' 11"					F-48-57-C-b
núi Lân Hoài	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 07"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d
núi Lân Lường	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 44"	106° 13' 43"					F-48-57-C-b
suối Mật	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 44' 03"	106° 12' 10"	21° 44' 41"	106° 12' 29"	F-48-57-C-b
thôn Nà Gổ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 22"	106° 13' 40"					F-48-57-C-b
thôn Nà Thí	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 05"	106° 14' 26"					F-48-57-C-b
suối Phàn	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 45' 13"	106° 11' 19"	21° 45' 30"	106° 12' 38"	F-48-57-A-d
núi Phía Thín	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 05"	106° 13' 11"					F-48-57-A-d
núi Pho Ti	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 32"	106° 10' 05"					F-48-57-A-d
thôn Phong Thịnh	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 31"	106° 12' 54"					F-48-57-A-d
suối Roòng	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 56"	106° 12' 09"	21° 45' 37"	106° 12' 25"	F-48-57-A-d
bản Suối Mật	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 51"	106° 12' 52"					F-48-57-C-b
thôn Tân Vũ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d
núi Văn Khánh	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 17"	106° 14' 22"					F-48-57-C-b
thôn Yên Thành	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 55"	106° 13' 12"					F-48-57-C-b
thôn Bắc Mỏ	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 37"	106° 07' 24"					F-48-57-A-c
thôn Bản Hoàng	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 57"	106° 08' 24"					F-48-57-A-d
thôn Bình An	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 06' 42"					F-48-57-A-c
khuổi Bốc	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 51' 59"	106° 10' 45"	21° 52' 08"	106° 09' 53"	F-48-57-A-d
đèo Bụt	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 44"	106° 09' 43"					F-48-57-A-d
khuổi Cái	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 53' 03"	106° 07' 54"	21° 53' 38"	106° 09' 07"	F-48-57-A-b
khu Co	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
làng Hoàng Keng	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
thôn Khau Bao	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 53' 01"	106° 10' 25"					F-48-57-A-b
thôn Long Bài	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 48"	106° 08' 37"					F-48-57-A-d
bản Luồng Phái	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 06' 55"					F-48-57-A-c
thôn Minh Sơn	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 07' 14"					F-48-57-A-c
thôn Nà Càng	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d
bản Nà Lân	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 08' 40"					F-48-57-A-d
bản Nà Lối	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 08' 50"					F-48-57-A-d
thôn Nà Lung	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 04"	106° 07' 32"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Mâu	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 09' 47"					F-48-57-A-d
suối Nay	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 52' 31"	106° 10' 56"	21° 53' 33"	106° 09' 31"	F-48-57-A-b
suối Nghinh Tường	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 48' 42"	106° 07' 10"	21° 49' 35"	106° 06' 20"	F-48-57-A-c
làng Ngọc Lâu	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 46"	106° 09' 03"					F-48-57-A-b
thôn Ngọc Lâu	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 21"	106° 09' 31"					F-48-57-A-d
suối Phai Mường	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 50' 57"	106° 08' 39"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-d
núi Phía Vô	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 41"	106° 09' 21"					F-48-57-A-d
núi Phò Khạm	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 46"	106° 09' 24"					F-48-57-A-d
khau Pía	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 09' 49"					F-48-57-A-d
núi Pía Tin	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 53' 33"	106° 06' 46"					F-48-57-A-a
khau Piao	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 10' 27"					F-48-57-A-d
thôn Pò Đồn	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 54"	106° 08' 54"					F-48-57-A-d
thôn Suối Tát	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 53' 31"	106° 09' 30"					F-48-57-A-b
thôn Suối Tín	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 53' 15"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
núi Tam Tấu	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 54' 45"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
suối Tát	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 52' 11"	106° 09' 30"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-b
thôn Thâm Phè	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 08' 24"					F-48-57-A-d
thôn Thâm Si	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 05' 48"					F-48-57-A-c
suối Tó	TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn			21° 53' 38"	106° 09' 07"	21° 54' 44"	106° 10' 04"	F-48-57-A-b
núi Trà Cà	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 08' 11"					F-48-57-A-b
làng Tuồng Lão	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 09' 48"					F-48-57-A-b
khau Vạ	SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 55"	106° 10' 29"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thắng A	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 10' 08"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thắng B	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
thôn Yên Mỹ	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 08' 10"					F-48-57-A-d
làng Cốc Pải	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 32"	106° 21' 48"					F-48-57-B-c
đèo Keng Căng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 44"	106° 22' 01"					F-48-57-B-c
núi Keng Giàn	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 31"	106° 23' 19"					F-48-57-B-d
đèo Keng Nhuội	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 12"	106° 20' 02"					F-48-57-D-a
đèo Khoản Huyền	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 59"	106° 22' 59"					F-48-57-B-d
núi Khoang Cướm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 58"	106° 23' 20"					F-48-57-B-d
thôn Lân Cà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Cà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân Cầm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 41"	106° 23' 04"					F-48-57-B-d
núi Lân Cầm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 23' 35"					F-48-57-B-d
làng Lân Đáy	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 11"	106° 20' 46"					F-48-57-D-a
thôn Lân Gà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gặt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 34"	106° 22' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lân Hoàn	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 15"	106° 21' 39"					F-48-57-D-a
núi Lân Lúc	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 52"	106° 21' 41"					F-48-57-B-c
núi Lân Nà	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 55"	106° 21' 58"					F-48-57-B-c
làng Lân Nậm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 20' 12"					F-48-57-B-c
núi Lân Nậm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 21' 06"					F-48-57-B-c
đèo Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 20' 11"					F-48-57-B-c
núi Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 35"	106° 20' 17"					F-48-57-B-c
núi Lân Po	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 20' 42"					F-48-57-B-c
làng Lân Rì	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 52"	106° 20' 40"					F-48-57-D-a
đèo Lân Rươi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 20' 43"					F-48-57-B-c
núi Lân Rươi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 38"	106° 20' 45"					F-48-57-B-c
làng Lân Tựa	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-a
đèo Lân Tựa	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
thôn Làng Huyền	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 35"	106° 21' 16"					F-48-57-B-c
thôn Làng Mỏ	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Làng Rộng	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 15"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
thôn Làng Thắm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 21' 28"					F-48-57-B-c
núi Nàng Tiên	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Noóc Mò	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 53"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c
làng Pá Khắt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 40"	106° 19' 24"					F-48-57-B-c
thôn Pá Ó	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 26"	106° 19' 59"					F-48-57-B-c
núi Phạ Lác	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 30"	106° 22' 19"					F-48-57-B-c
suối Phai Lầu	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn			21° 45' 48"	106° 20' 24"	21° 47' 28"	106° 21' 27"	F-48-57-B-c
hồ Phai Thuổng	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 42"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Thâm Vót	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 33"	106° 20' 51"					F-48-57-B-c
núi Xa Eng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 50"	106° 21' 43"					F-48-57-B-c
thôn Bản Cầm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 13' 37"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Cắm	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 55' 04"	106° 13' 31"	21° 56' 33"	106° 13' 43"	F-48-57-A-b
thôn Bản Khuông	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 11' 27"					F-48-57-A-b
thôn Bản Soong	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 44"	106° 12' 31"					F-48-57-A-b
khuổi Cay	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 07"	106° 12' 17"	21° 55' 37"	106° 12' 51"	F-48-57-A-b
núi Cò Luông	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 48"	106° 13' 58"					F-48-57-A-b
núi Cúc Vặt	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 13' 30"					F-48-57-A-b
khau Khá	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 11' 35"					F-48-57-A-b
bản Khau Bao	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 06"	106° 11' 29"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Dạ	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 07"	106° 14' 14"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Tâm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 56"	106° 11' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuôn	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 54' 12"	106° 11' 19"					F-48-57-A-b
thôn Lọ Riêng	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 39"	106° 13' 01"					F-48-57-A-b
làng Nà Soọc	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 12' 48"					F-48-57-A-b
bản Nà U	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 46"	106° 13' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Cái	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 00"	106° 12' 41"					F-48-57-A-b
núi Pò Luông	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 32"	106° 12' 39"					F-48-57-A-b
núi Quan Mốc	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 57"	106° 12' 33"					F-48-57-A-b
khau Rằm	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 23"	106° 11' 43"					F-48-57-A-b
suối Vạn Thủy	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 53"	106° 10' 29"	21° 56' 45"	106° 13' 51"	F-48-57-A-b
khau Xin	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 39"	106° 13' 06"					F-48-57-A-b
làng Xoong Mèo	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 51"	106° 11' 55"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 46' 39"	106° 17' 13"	21° 49' 59"	106° 19' 29"	F-48-57-B-c
thôn Bản Đắc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 33"	106° 19' 01"					F-48-57-B-c
suối Bản Đắc	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 47' 04"	106° 18' 40"	21° 46' 56"	106° 18' 10"	F-48-57-B-c
thôn Bảo Luân	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 20"	106° 18' 46"					F-48-57-B-c
đèo Kéo Gàn	SV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 41"	106° 18' 06"					F-48-57-B-c
làng Khau	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 06"	106° 17' 41"					F-48-57-B-c
làng Khiến	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Làng Dọc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 48' 42"	106° 17' 17"					F-48-57-B-c
thôn Liên Hương	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 02"	106° 16' 52"					F-48-57-B-c
thôn Liên Lạc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Liên Lạc 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
suối Nà Khoang	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 50' 26"	106° 18' 41"	21° 50' 08"	106° 16' 40"	F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Nà Lày	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 18' 26"					F-48-57-B-c
làng Rào	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 09"	106° 17' 21"					F-48-57-B-c
thôn Sông Hóa 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Sông Hóa 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
làng Suối Bốc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 46' 59"	106° 16' 43"					F-48-57-B-c
thôn Suối Luông	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 03"	106° 18' 51"					F-48-57-B-c
hồ Vũ Lăng	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 24"	106° 18' 02"					F-48-57-B-c
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 41"	106° 09' 42"	21° 46' 37"	106° 11' 34"	F-48-57-A-d
núi Bó Diệc	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 46"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-d
núi Co Bầy	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 39"	106° 10' 38"	21° 47' 13"	106° 11' 07"	F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 13"	106° 11' 07"	21° 46' 37"	106° 11' 36"	F-48-57-A-d
thôn Kha Hạ	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 11' 55"					F-48-57-A-d
núi Khau Luông	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 12' 50"					F-48-57-A-d
thôn Khuôn Bồng	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 31"	106° 06' 56"					F-48-57-A-c
thôn Lân Kẽm	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 38"	106° 08' 49"					F-48-57-A-d
núi Lũng Om	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 05"	106° 11' 18"					F-48-57-A-d
núi Lũng Pán	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 21"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
thôn Minh Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 10"	106° 08' 48"					F-48-57-A-d
thôn Ngã Hai	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 43"	106° 09' 45"					F-48-57-A-d
khuổi Nọi	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 46' 18"	106° 09' 31"	21° 47' 36"	106° 10' 22"	F-48-57-A-d
thôn Quang Thái	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 08' 26"					F-48-57-A-d
thôn Quang Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 40"	106° 10' 30"					F-48-57-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 13"	106° 08' 11"					F-48-57-A-d
đèo Thống Nhất	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 30"	106° 08' 43"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Lâm	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 17"	106° 09' 25"					F-48-57-A-d
quốc lộ 1B	KX	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 50' 41"	106° 12' 39"	21° 52' 39"	106° 12' 47"	F-48-57-A-d
suối Bà Đông	TV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 13' 15"	21° 52' 52"	106° 14' 29"	F-48-57-A-d
núi Bó Giá	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 14' 32"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Sơn	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 12' 41"					F-48-57-A-d
núi Keng Chón (Ceng Chón)	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 25"	106° 14' 01"					F-48-57-A-d
đèo Keng Gà	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 04"	106° 14' 29"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khưa Mu	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 11' 43"					F-48-57-A-d
khau Kiêng	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 11' 28"					F-48-57-A-d
núi Nà Bao	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 14' 09"					F-48-57-A-b
thôn Nà Danh	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 50"	106° 12' 52"					F-48-57-A-d
thôn Nà Giá	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 37"	106° 13' 52"					F-48-57-A-b
thôn Nà Pán	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 12' 51"					F-48-57-A-d
thôn Nà Quế	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 27"	106° 12' 56"					F-48-57-A-d
thôn Nà Rộng	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 13' 42"					F-48-57-A-d
thôn Phúc Tiến	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 12' 31"					F-48-57-A-d
núi Thẩm Vài	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 20"	106° 13' 21"					F-48-57-A-d
cầu Đông Mạ	KX	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 09"	106° 22' 25"					F-48-57-B-a
làng Lũng Nọi	DC	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 11"	106° 22' 25"					F-48-57-B-a
làng Phai Cam	DC	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 39"	106° 21' 54"					F-48-57-B-a
thôn Bản Khoang	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 53"	106° 29' 10"					F-48-57-B-b
thôn Bản Pát	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 19"	106° 30' 46"					F-48-58-A-a
suối Bản Pi Oà (Bản Pyòa)	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 22"	106° 28' 57"	21° 56' 08"	106° 29' 31"	F-48-57-B-b
thôn Bản Pía	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 12"	106° 29' 24"					F-48-57-B-b
suối Bình La	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 05"	106° 29' 34"	21° 54' 47"	106° 29' 47"	F-48-57-B-b
núi Chong Tu	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 33"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a
thôn Cốc Phường	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 39"	106° 27' 57"					F-48-57-B-b
suối Cốc Phường	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 58' 43"	106° 27' 59"	21° 57' 15"	106° 28' 55"	F-48-57-B-b
núi Khun Pi Ất (Khun Piệt)	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 02"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Khuổi Luông	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 03"	106° 28' 57"					F-48-57-B-b
khau Làng	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 34"	106° 31' 52"					F-48-58-A-a
núi Ma Thái	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 17"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
núi Mạ Cửa	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 14"	106° 31' 24"					F-48-58-A-a
suối Nà Vằng	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 25"	106° 31' 41"	21° 55' 24"	106° 30' 57"	F-48-58-A-a
suối Nưa Thong	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 58' 12"	106° 28' 48"	21° 57' 13"	106° 28' 51"	F-48-57-B-b
bản Nưa Thoong	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 49"	106° 29' 13"					F-48-57-B-b
suối Quan Thu	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 29"	106° 30' 58"	21° 54' 49"	106° 29' 48"	F-48-58-A-a
núi Sam Siêu	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 27' 28"					F-48-57-B-b
suối Trung Thượng	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 55' 25"	106° 30' 56"	21° 55' 03"	106° 30' 24"	F-48-58-A-a
thôn Bản Duộc	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 08"	106° 15' 31"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Bản Duộc	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 02"	106° 16' 26"						F-48-57-B-a
suối Bản Duộc	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 04"	106° 15' 59"	21° 59' 12"	106° 14' 35"		F-48-57-B-a
suối Bản Duộc	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 57' 55"	106° 16' 48"	21° 58' 04"	106° 15' 59"		F-48-57-B-a
khuai Bao	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 26"	106° 12' 24"						F-48-57-A-b
núi Khai Hai	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 17' 24"						F-48-57-B-a
khuổi Kinh	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 56' 45"	106° 13' 51"	21° 58' 33"	106° 13' 30"		F-48-57-A-b
bản Khúc Khuyết	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 38"	106° 13' 44"						F-48-57-A-b
núi Khuổi Cường	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 01' 04"	106° 12' 13"						F-48-45-C-d
bản Khuổi Khiếc	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 35"	106° 11' 02"						F-48-57-A-b
thôn Khuổi Kinh	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 56' 58"	106° 13' 55"						F-48-57-A-b
thôn Khuổi Nhuan	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 12' 41"						F-48-57-A-b
núi Ma Này	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 00' 07"	106° 12' 44"						F-48-45-C-d
suối Mây Đầy	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			22° 01' 22"	106° 11' 17"	22° 00' 00"	106° 11' 47"		F-48-45-C-d
núi Mây Khoang	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"						F-48-57-A-b
bản Nà Chỉ	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 14' 33"						F-48-57-A-b
suối Nà Chỉ	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 56' 45"	106° 15' 12"	21° 58' 36"	106° 13' 52"		F-48-57-A-b
suối Nà Dát	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 21"	106° 12' 11"	21° 58' 55"	106° 12' 37"		F-48-57-A-b
bản Nà Lào	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 17"	106° 12' 06"						F-48-57-A-b
khuổi Nhuan	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 59' 18"	106° 11' 56"	21° 58' 38"	106° 13' 01"		F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 17"	106° 12' 47"						F-48-57-A-b
thôn Tà Chu	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 14"	106° 14' 30"						F-48-57-A-b
suối Tà Chu	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 36"	106° 13' 52"	22° 00' 04"	106° 14' 47"		F-48-57-A-b
bản Tà Vàng	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 10"	106° 13' 31"						F-48-57-A-b
khuổi Tang	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			22° 00' 17"	106° 13' 14"	21° 58' 56"	106° 12' 43"		F-48-57-A-b
thôn Bản Cù	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 20' 55"						F-48-45-D-a
suối Bản Cù	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 08' 53"	106° 21' 53"	22° 08' 08"	106° 21' 04"		F-48-45-D-a
thôn Bằng Giang 1	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 56"	106° 20' 57"						F-48-45-D-a
thôn Bằng Giang 2	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 49"	106° 20' 56"						F-48-45-D-a
núi Bó Quan	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 08"	106° 26' 12"						F-48-45-D
suối Cáo Chòm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 13' 16"	106° 23' 59"	22° 11' 10"	106° 23' 23"		F-48-45-D
khuai Chòm	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 56"	106° 23' 28"						F-48-45-D
thôn Đội Cấn 1	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 03"	106° 22' 16"						F-48-45-D-a
thôn Đội Cấn 2	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 28"	106° 23' 29"						F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Từ	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 13' 21"	106° 23' 28"					F-48-45-D
núi Khuổi Pàn	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 16"	106° 23' 37"					F-48-45-D
núi Kốc Po	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 40"	106° 23' 28"					F-48-45-D
khuổi Lìn	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 12' 58"	106° 20' 37"	22° 12' 02"	106° 20' 33"	F-48-45-D-a
thôn Nà Lò	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 00"	106° 21' 18"					F-48-45-D-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 07' 22"	106° 21' 14"					F48-45-D-c
khuổi Ngào	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 12' 19"	106° 22' 15"	22° 10' 11"	106° 22' 30"	F-48-45-D-a
núi Phình Lốc	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 10' 18"	106° 24' 01"					F-48-45-D
thôn Tân Lập	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 07' 07"	106° 21' 43"					F-48-45-D-c
khuổi Thắm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 11' 14"	106° 21' 18"	22° 10' 40"	106° 20' 08"	F-48-45-D-a
thôn Vĩnh Quang	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 29"	106° 26' 40"					F-48-45-D
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 09' 21"	106° 25' 32"	22° 07' 37"	106° 25' 58"	F-48-45-D
thôn Bản Phán	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 26"	106° 19' 40"					F-48-57-B-a
suối Bản Phán	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 20' 24"	21° 59' 34"	106° 19' 13"	F-48-57-B-a
đèo Khau Ra	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 19"	106° 20' 16"					F-48-57-B-a
khao Khuổi Hang	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 43"	106° 21' 50"					F-48-57-B-a
núi Khuổi Hò	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 31"	106° 21' 38"					F-48-45-D-c
suối Khuổi Ký	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 57' 02"	106° 20' 52"	21° 57' 02"	106° 21' 34"	F-48-57-B-a
núi Khuổi Luồng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 53"	106° 21' 41"					F-48-45-D-c
núi Lũng Nhù	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 21' 13"					F-48-45-D-c
bản Nà Cui	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 27"	106° 21' 11"					F-48-57-B-a
bản Nà Rường	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 56"	106° 21' 25"					F-48-57-B-a
thôn Phai Danh	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 21"	106° 22' 23"					F-48-57-B-a
hồ Phai Danh	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 27"	106° 22' 08"					F-48-57-B-a
núi Phia Cùm	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 39"	106° 20' 56"					F-48-45-D-c
bản Phia Không	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 04"	106° 21' 01"					F-48-57-B-a
đèo Phia Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 55' 53"	106° 20' 58"					F-48-57-B-a
núi Phia Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 08"	106° 21' 28"					F-48-57-B-a
núi Rơi	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 09"	106° 22' 22"					F-48-45-D-c
bản Thắm Sáng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 40"	106° 21' 29"					F-48-57-B-a
suối Thắm Sáng	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 59' 37"	106° 21' 17"	21° 59' 12"	106° 21' 29"	F-48-57-B-a
thôn Thuần Như	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 18"	106° 21' 33"					F-48-57-B-a
suối Thuần Như	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 58' 49"	106° 21' 30"	21° 57' 34"	106° 21' 35"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tòng Chu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 57' 20"	106° 21' 35"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 226	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 21"	106° 23' 58"	22° 08' 05"	106° 24' 01"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 02"	106° 23' 36"	22° 04' 32"	106° 26' 17"	F-48-45-D-d
sông Bắc Giang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 35"	106° 20' 56"	22° 07' 12"	106° 28' 16"	F-48-45-D-d
súoi Bắc Me	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 53"	106° 21' 57"	22° 06' 23"	106° 22' 38"	F-48-45-D-c
súoi Cao Lan	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 20"	106° 23' 54"	22° 05' 35"	106° 23' 23"	F-48-45-D-d
súoi Cốc Lùng	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 09' 11"	106° 27' 37"	22° 08' 40"	106° 27' 31"	F-48-45-D
khuổi Đắc	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 06' 15"	106° 20' 49"	22° 06' 47"	106° 21' 41"	F-48-45-D
bản Khau Phại	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 43"	106° 28' 34"					F-48-45-D
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 01"	106° 24' 01"					F-48-45-D-d
khuổi Khuy	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 59"	106° 24' 12"	22° 05' 55"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d
thôn Kim Đồng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 20' 42"					F-48-45-D-c
khuổi Linh	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 53"	106° 24' 47"	22° 06' 25"	106° 25' 13"	F-48-45-D-d
khau Linh	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 29"	106° 24' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Buồn	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 15"	106° 23' 24"					F-48-45-D-d
thôn Nà Cạp	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 03"	106° 25' 55"					F-48-45-D-d
bản Nà Deng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 49"	106° 24' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Háng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 43"	106° 23' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Kít	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 14"	106° 25' 08"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nát	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 50"	106° 23' 00"					F-48-45-D-d
thôn Nà Sla	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 38"	106° 27' 32"					F-48-45-D
bản Nà Sli	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 03"	106° 23' 22"					F-48-45-D-d
thôn Nà Ven	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
súoi Nà Ven	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 08' 02"	106° 23' 38"	22° 05' 52"	106° 23' 06"	F-48-45-D-d
thôn Nặm Slin	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
khau Phại	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 52"	106° 28' 01"					F-48-45-D
bản Pò My	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 04"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
bản Quyến	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 26' 50"					F-48-45-D-d
núi Thọ Văn	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 07"	106° 27' 58"					F-48-45-D
bản Văn Can	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 25' 37"					F-48-45-D-d
thôn Văn Mịch	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 26"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
cầu Văn Mịch	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 42"	106° 23' 28"					F-48-45-D-d
thôn Vàng Phía	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 04"	106° 27' 05"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 37"	106° 25' 58"	22° 06' 41"	106° 26' 20"	F-48-45-D-d
thôn Bản Hoay	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 58' 13"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
thôn Bản Huân	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 07"	106° 27' 17"					F-48-57-B-b
suối Bản Huân	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 54"	106° 27' 17"	21° 56' 20"	106° 27' 11"	F-48-57-B-b
thôn Bản Nghiệch	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 25"	106° 27' 22"					F-48-57-B-b
suối Cốc Múc	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 57' 22"	106° 25' 22"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Cốc Sa	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 08"	106° 27' 46"					F-48-57-B-b
thôn Còn Quan	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 08"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
sông Còn Quan	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 00"	106° 27' 20"	21° 54' 06"	106° 28' 45"	F-48-57-B-b
suối Còn Tàu Ư' (Còn Tàu)	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 25' 17"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Khuôn Tát	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 46"	106° 28' 00"					F-48-57-B-b
bản Mỏ Hấu	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 22"	106° 28' 41"					F-48-57-B-b
thôn Nà Bản	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 52"	106° 26' 07"					F-48-57-B-b
suối Nà Bản	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 57' 57"	106° 26' 19"	21° 56' 47"	106° 26' 12"	F-48-57-B-b
thôn Nà Dẩn	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 09"	106° 28' 39"					F-48-57-B-b
bản Nà Kéo	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 05"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Nà Khoang	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 43"	106° 28' 18"					F-48-57-B-b
thôn Nà Ngựa	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 25"	106° 26' 28"					F-48-57-B-b
suối Nà Ngựa	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 09"	106° 25' 52"	21° 56' 20"	106° 26' 23"	F-48-57-B-b
bản Nà Om	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 21"	106° 28' 27"					F-48-57-B-b
thôn Nam Tiến	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 57' 27"	106° 25' 18"					F-48-57-B-b
suối Phi Phạ	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 54' 06"	106° 28' 45"	21° 54' 05"	106° 28' 44"	F-48-57-B-b
núi Pò Thu Kiều	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 57' 44"	106° 26' 15"					F-48-57-B-b
khau Quân	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 58' 25"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
thôn Bản Chu	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 12' 08"	106° 19' 15"					F-48-45-D-a
khuổi Buông	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 19' 05"	22° 12' 59"	106° 18' 32"	F-48-45-D-a
khuổi Dầy	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			245° 78' 60"	63° 71' 40"	245° 56' 20"	63° 59' 50"	F-48-45-D-a
suối Hưng Đạo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 46"	106° 15' 47"	22° 11' 27"	106° 19' 39"	F-48-45-D-a
suối Kéo Liềng	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 08' 26"	106° 20' 58"	22° 07' 08"	106° 21' 19"	F-48-45-D-a
khuổi Khiếc	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 30"	106° 18' 18"	22° 13' 34"	106° 17' 41"	F-48-45-D-a
thôn Nà Bura	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 12' 59"	106° 18' 32"					F-48-45-D-a
thôn Nà Dạ	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 14' 10"	106° 16' 55"					F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Nà Dạ	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 60"	106° 17' 23"	22° 14' 02"	106° 16' 57"	F-48-45-D-a
thôn Pác Khiết	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 13' 40"	106° 17' 40"					F-48-45-D-a
thôn Pàn Deng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 12"	106° 19' 27"					F-48-45-D-a
thôn Pàn Slèo	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 50"	106° 20' 16"					F-48-45-D-a
đường tỉnh 226	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia			21° 59' 30"	106° 23' 31"	22° 04' 21"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d
thôn Bản Hối	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 54"	106° 24' 38"					F-48-45-D-d
thôn Bản Tân	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 22' 34"					F-48-45-D-d
thôn Bản Tiến	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 56"	106° 24' 34"					F-48-45-D-d
suối Cao Lan	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 23' 38"	22° 04' 20"	106° 23' 54"	F-48-45-D-d
cầu Cao Lan	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
núi Đông Ké	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 40"	106° 25' 02"					F-48-57-B-b
núi Đông Nim	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 22' 05"					F-48-45-D-c
đèo Khau Phụ	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 30"	106° 23' 31"					F-48-57-B-b
khuổi Khem	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 21"	106° 25' 21"	22° 01' 10"	106° 25' 56"	F-48-45-D-d
thôn Khuổi Con	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 23' 16"					F-48-45-D-d
thôn Khuổi Ổ	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 47"	106° 24' 15"					F-48-45-D-d
thôn Nà Khuổng	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 57"	106° 25' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Mạ	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 23' 30"					F-48-45-D-d
thôn Nà Mười	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 11"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nèn	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 25' 21"					F-48-45-D-d
cầu Nà Thú	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 23' 42"					F-48-45-D-d
cầu Nà Toòng	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 23' 43"					F-48-45-D-d
thôn Pàn Pên 1	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 19"	106° 24' 16"					F-48-45-D-d
thôn Pàn Pên 2	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 23' 44"					F-48-45-D-d
thôn Phiêng Nưa	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 24"	106° 26' 02"					F-48-57-B-b
thôn Bản Muổng	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 35"					F-48-57-B-a
suối Bản Quá	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 56' 17"	106° 17' 42"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
khuổi Càn	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 59' 27"	106° 16' 53"	21° 59' 46"	106° 15' 58"	F-48-57-B-a
thôn Cốc Mặn	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 41"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Đồng Hương	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 18' 03"					F-48-57-B-a
bản Khuổi Càn	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 59' 56"	106° 15' 55"					F-48-57-B-a
khuổi Kì	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 58' 18"	106° 17' 15"	21° 58' 53"	106° 17' 34"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Cam	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 59' 08"	106° 17' 29"	21° 59' 58"	106° 17' 35"	F-48-57-B-a
thôn Nà Cươc	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 56' 09"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
suối Nà Cươc	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 56' 39"	106° 17' 17"	21° 56' 01"	106° 16' 41"	F-48-57-B-a
thôn Nà Vò	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 24"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Nà Vường	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 41"					F-48-57-B-a
bản Quá	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 56' 03"	106° 17' 17"					F-48-57-B-a
khuổi Quân	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 57' 47"	106° 17' 51"	21° 58' 53"	106° 17' 38"	F-48-57-B-a
thôn Viên Minh	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 59' 52"	106° 16' 32"					F-48-57-B-a
suối Bắc Me	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 05"	106° 22' 20"	22° 05' 53"	106° 21' 57"	F-48-45-D-c
thôn Bản Quân	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 02' 44"	106° 20' 45"					F-48-45-D-c
suối Bản Quân	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 02' 42"	106° 20' 26"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Đình Cam	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 52"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
suối Đình Cam	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 26"	106° 19' 59"	22° 05' 30"	106° 21' 36"	F-48-45-D-c
thôn Kèo Giếng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 24"	106° 20' 06"					F-48-45-D-c
núi Khau Mạ	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 56"	106° 20' 52"					F-48-45-D-d
thôn Mò Mè	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 44"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
thôn Nà Ngần	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 02' 34"	106° 18' 55"					F-48-45-D-c
suối Nà Ngần	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 02' 34"	106° 18' 55"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Nà Tèo	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 15"	106° 19' 46"					F-48-45-D-c
thôn Nà Tổng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 21' 26"					F-48-45-D-c
suối Nà Tổng	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 38"	106° 22' 18"	21° 03' 05"	106° 22' 21"	F-48-45-D-c
thôn Pác Giấm	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 23"	106° 21' 33"					F-48-45-D-c
núi Pò Pán	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 09"	106° 22' 16"					F-48-45-D-c
núi Tinh Lay	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 15"	106° 22' 12"					F-48-45-D-c
sông Bắc Giang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 10' 30"	106° 16' 34"	22° 07' 35"	106° 20' 56"	F-48-45-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 29"	106° 20' 04"					F-48-45-D-a
suối Hát Lọc	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 10' 12"	106° 17' 44"	22° 10' 07"	106° 17' 24"	F-48-45-D-a
bản Khuổi Là	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 24"	106° 15' 57"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Ngành	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 22"	106° 20' 00"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Slâm	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 22"	106° 16' 29"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Slang	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 32"	106° 15' 35"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Toong	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 17' 17"					F-48-45-D-a
khuổi Là	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 09' 14"	106° 15' 12"	22° 09' 33"	106° 17' 09"	F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Liềng	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 20' 32"					F48-45-D-c
khuổi Lùng	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 51"	106° 19' 42"					F-48-45-D-a
thôn Nà Kéo	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 34"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Nà Lùng	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 15"	106° 18' 18"					F-48-45-D-a
súoi Pác Cáp	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 09' 30"	106° 19' 00"	22° 08' 09"	106° 20' 00"	F-48-45-D-a
bản Sang Dưới	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 23"	106° 15' 26"					F-48-45-D-a
khuổi Slang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 48"	106° 15' 27"	22° 09' 14"	106° 15' 12"	F-48-45-D-a
khuổi Slum	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 58"	106° 13' 54"	22° 08' 46"	106° 14' 27"	F-48-45-C-b
khuổi Toong	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 49"	106° 16' 56"	22° 08' 46"	106° 17' 22"	F-48-45-D-a
bản Vàng Puộc	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 39"	106° 20' 29"					F-48-45-D-a
khuổi Bùng	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 55' 53"	106° 10' 02"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b
khuổi Cát	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 10' 05"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
bản Cốc Pục	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 43"	106° 07' 50"					F-48-57-A-b
khuổi Cọn	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 20"	106° 10' 42"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
khuổi Điện	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 55' 03"	106° 09' 41"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b
khuổi Hấu	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 22"	106° 08' 51"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
núi Kéo Dìn	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 14"	106° 07' 11"					F-48-57-A-a
thôn Khuổi Bổng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 03"	106° 10' 15"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Cát	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 32"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Cọn	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 10' 34"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Liềng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Mùi	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 52"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Nà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 27"	106° 07' 41"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Phung	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 08"	106° 08' 28"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Tỏi	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 07"	106° 11' 31"					F-48-57-A-b
núi Lầu Bạu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 21"	106° 08' 37"					F-48-57-A-b
khuổi Liềng	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 54' 50"	106° 08' 01"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
bản Lũng Li	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 57"	106° 07' 18"					F-48-57-A-a
núi Lũng Li	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 06' 46"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
bản Mạ Deng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 50"	106° 11' 52"					F-48-57-A-b
núi Mạ Khoang	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"					F-48-57-A-b
súoi Mạ Khoang	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 21"	106° 11' 13"	21° 57' 36"	106° 11' 58"	F-48-57-A-b
khuổi Mùi	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 58"	106° 10' 26"	21° 57' 55"	106° 10' 45"	F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Nà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 28"	106° 07' 43"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
thôn Nà Mang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 28"	106° 10' 43"					F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 01"	106° 12' 32"					F-48-57-A-b
sưởi Phiêng Hà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 59' 00"	106° 10' 35"	21° 57' 08"	106° 12' 54"	F-48-57-A-b
núi Pía Ká	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 54' 52"	106° 07' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Dầu Siâu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 49"	106° 09' 47"					F-48-57-A-b
núi Pò Khuổi Lùng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 26"	106° 09' 35"					F-48-57-A-b
núi Pò Phạ Khiếc	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 18"	106° 09' 29"					F-48-57-A-b
núi Pò Tăng Khằng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 37"	106° 11' 13"					F-48-57-A-b
bản Quang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 20"	106° 08' 31"					F-48-57-A-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 56' 32"	106° 24' 28"	21° 52' 17"	106° 26' 13"	F-48-57-B-b
thôn Bản Dao	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 18"	106° 25' 44"					F-48-57-B-b
thôn Bản Đáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 52' 22"	106° 26' 01"					F-48-57-B-d
cầu Bản Đáp	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 52' 39"	106° 26' 04"					F-48-57-B-b
thôn Bản Năng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 30"	106° 26' 39"					F-48-57-B-b
sưởi Cáp	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 53' 36"	106° 26' 38"	21° 53' 56"	106° 26' 57"	F-48-57-B-b
núi Cốc Phát	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 59"	106° 26' 44"					F-48-57-B-b
thôn Còn Tầu Ư' (Còn Tầu)	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 09"	106° 25' 01"					F-48-57-B-b
đèo Gạm Nha	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 35"	106° 24' 50"					F-48-57-B-b
thôn Giao Thủy	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 48"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
núi Hin Khang	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 31"	106° 26' 58"					F-48-57-B-b
thôn Kéo Coong	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 18"	106° 25' 22"					F-48-57-B-b
núi Kéo Rằm	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 34"	106° 25' 39"					F-48-57-B-b
thôn Lân Kinh	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 09"	106° 24' 15"					F-48-57-B-b
núi Mỏ Roòng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 07"	106° 25' 15"					F-48-57-B-b
thôn Nà Dài	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 18"	106° 26' 30"					F-48-57-B-b
sưởi Nà Dài	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 54' 46"	106° 26' 06"	21° 53' 13"	106° 25' 59"	F-48-57-B-b
thôn Nà Đồng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 36"	106° 26' 08"					F-48-57-B-b
núi Nà Giáo	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 41"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
sưởi Nà Giáo	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 53' 56"	106° 26' 57"	21° 54' 23"	106° 27' 25"	F-48-57-B-b
cầu Nà Pái	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 33"	106° 24' 55"					F-48-57-B-b
thôn Nà Pài	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 39"	106° 24' 41"					F-48-57-B-b
cầu Nà Quân	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 26"	106° 26' 13"					F-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
thôn Nà Vược	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 56"	106° 25' 00"						F-48-57-B-b
thôn Pá Péc	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 15"	106° 25' 04"						F-48-57-B-b
núi Phía Giàng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 52"	106° 24' 14"						F-48-57-B-b
núi Phía Hón	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 19"	106° 25' 19"						F-48-57-B-b
núi Pò Tường	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 00"	106° 25' 42"						F-48-57-B-b
thôn Suối Cáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 07"	106° 26' 23"						F-48-57-B-b
thôn Trà Lầu	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 37"	106° 25' 03"						F-48-57-B-b
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 05' 03"	106° 08' 20"	106° 13' 36"	22° 01' 42"		F-48-45-C-d
thôn Ba Biển	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 31"	106° 10' 53"						F-48-45-C-d
thôn Cặm Tắm	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 01' 36"	106° 12' 45"						F-48-45-C-d
khuổi Cầu	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 05' 20"	106° 10' 17"	22° 04' 01"	106° 10' 07"		F-48-45-C-d
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 35"	106° 06' 33"						F-48-45-C-c
bản Khuổi Giàng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 01"	106° 12' 46"						F-48-45-C-d
bản Khuổi Lào	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 10"	106° 13' 01"						F-48-45-C-d
bản Khuổi Luông	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 22"	106° 12' 18"						F-48-45-C-d
núi Khuổi Ôn	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 22"	106° 13' 56"						F-48-45-C-d
suối Khuổi Sắn	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 02' 53"	106° 08' 52"	22° 03' 35"	106° 09' 54"		F-48-45-C-d
thôn Lân Luông	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 42"	106° 06' 31"						F-48-45-C-c
khuổi Lào	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 04' 07"	106° 13' 00"	22° 02' 55"	106° 12' 48"		F-48-45-C-d
khuổi Lù	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 01' 51"	106° 11' 31"	22° 02' 05"	106° 13' 18"		F-48-45-C-d
khau Lùng Qua	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 52"	106° 07' 38"						F-48-45-C-d
thôn Nà Lặng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 13' 21"						F-48-45-C-d
thôn Nà Tàn	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 31"	106° 08' 16"						F-48-45-C-d
khuổi Nà Tàn	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 03' 55"	106° 07' 05"	22° 04' 29"	106° 08' 28"		F-48-45-C-d
khau Slam Lải	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 05' 00"	106° 07' 58"						F-48-45-C-d
khau Tằng	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 26"	106° 09' 54"						F-48-45-C-d
thôn Thạch Lùng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 53"	106° 07' 20"						F-48-45-C-c
thôn Thâm Khôn	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 59"	106° 09' 20"						F-48-45-C-d
khau Vạt	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 07' 47"						F-48-45-C-d
núi Xa Ngâm Con	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 06' 47"	106° 10' 07"						F-48-45-C-d
thôn Yên Hùng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 35"	106° 12' 19"						F-48-45-C-d
suối Yên Hùng	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 03' 28"	106° 11' 07"	22° 03' 11"	106° 11' 08"		F-48-45-C-d
thôn Bắc Hóa	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 53"	106° 10' 16"						F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bắc Hòa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 43"	106° 08' 16"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-45-C-d
thôn Bản Thàng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 13"	106° 08' 04"					F-48-45-C-d
thôn Ca Siêu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
núi Cột Cờ	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 55"	106° 09' 30"					F-48-45-C-d
khuổi Hấu	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 58' 06"	106° 08' 41"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-57-A-b
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 37"	106° 06' 28"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Hấu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 58' 51"	106° 09' 18"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Khâu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 52"	106° 10' 11"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Sứ	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 17"	106° 07' 12"					F-48-45-C-c
khuổi Kiếc	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 50"	106° 10' 12"	21° 59' 42"	106° 10' 55"	F-48-45-C-d
nậm Lâm Xa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 10"	106° 06' 60"	21° 58' 58"	106° 09' 17"	F-48-57-A-b
bản Lộ Sao	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 21"	106° 08' 06"					F-48-45-C-d
khau Lùng Qua	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 03' 10"	106° 07' 05"					F-48-45-C-c
thôn Nà Lù	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 06' 39"					F-48-45-C-c
bản Nà Ngà	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 58"	106° 07' 04"					F-48-45-C-c
bản Nha Càng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 12"	106° 10' 02"					F-48-57-A-b
suối Nhả Càng	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 18"	106° 09' 52"	21° 59' 00"	106° 10' 35"	F-48-57-A-b
núi Pò Vòm	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 10' 13"					F-48-45-C-d
khuổi Sứ	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 02' 60"	106° 07' 14"	22° 01' 59"	106° 06' 57"	F-48-45-C-c
bản Tầu Reng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 37"	106° 09' 16"					F-48-45-C-d
thôn Tổng Nộc	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 24"	106° 07' 25"					F-48-45-C-c
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 42"	106° 13' 36"	21° 59' 34"	106° 19' 14"	F-48-45-D-c
thôn Bản Chúc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 18' 28"					F-48-45-D-c
suối Bản Chúc	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 06"	106° 18' 43"	22° 00' 32"	106° 16' 50"	F-48-45-D-c
khuổi Hấp	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 04' 31"	106° 15' 57"	22° 03' 57"	106° 16' 20"	F-48-45-D-c
bản Khuổi Càn	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 15' 56"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cườm	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 40"	106° 15' 54"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Đắc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 34"	106° 19' 24"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Hấp	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 16"	106° 16' 37"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Lù	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 05"	106° 17' 16"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Lý	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 03"	106° 13' 22"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Moong	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 00"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Y	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 16"	106° 17' 50"					F-48-45-D-c
khuổi Khuy	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 02' 08"	106° 16' 33"	22° 02' 51"	106° 15' 39"	F-48-45-D-c
khuổi Lủ	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 21"	106° 17' 02"	22° 00' 25"	106° 16' 54"	F-48-45-D-c
thôn Nà Lốc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 16' 44"					F-48-45-D-c
thôn Pác Khuông	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 15' 53"					F-48-45-D-c
sông Pác Khuông	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 00' 04"	106° 14' 47"	22° 04' 24"	106° 17' 06"	F-48-45-D-c
cầu Pác Khuông	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 42"	106° 15' 49"					F-48-45-D-c
thôn Pác Là	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 15' 04"					F-48-45-D-c
thôn Pác Luống	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 36"	106° 17' 13"					F-48-45-D-c
suối Pác Luống	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 03' 11"	106° 17' 19"	22° 04' 09"	106° 17' 18"	F-48-45-D-c
núi Pàn Cheng	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 34"	106° 18' 16"					F-48-45-D-c
núi Phia Lèn	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 20"	106° 14' 24"					F-48-45-C-d
núi Phia Mỏn	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 16' 28"					F-48-45-D-c
thôn Pò Sề	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 50"	106° 15' 00"					F-48-45-C-d
khuổi Slác	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 01"	106° 13' 48"					F-48-45-C-d
núi Thám	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 35"	106° 19' 15"					F-48-45-D-c
khuổi Thán	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 24"	106° 17' 52"					F-48-45-D-c
suối Thiện Hoà	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 41"	106° 13' 33"	22° 00' 43"	106° 15' 08"	F-48-45-C-d
núi Thoáng Bóc	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 14' 23"					F-48-45-C-d
thôn Vằng Sâu	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 49"	106° 14' 09"					F-48-45-C-d
khuổi Y	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 33"	106° 17' 55"	22° 00' 25"	106° 17' 07"	F-48-45-D-c
đường tỉnh 226	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 59' 30"	106° 24' 28"	F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 56' 32"	106° 24' 28"	F-48-57-B-b
núi Độc Cươt	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 55' 35"	106° 23' 56"					F-48-57-B-b
thôn Ngọc Quyển	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 56' 49"	106° 22' 57"					F-48-57-B-b
thôn Ngọc Trí	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 57' 24"	106° 22' 49"					F-48-57-B-b
thôn Pắc Nàng	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 23' 25"					F-48-57-B-b
núi Pắc Sào	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 57' 05"	106° 23' 16"					F-48-57-B-b
thôn Tân Thành	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 56' 30"	106° 23' 41"					F-48-57-B-b
thôn Yên Bình	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 58' 48"	106° 23' 28"					F-48-57-B-b
suối Yên Bình	TV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 58' 28"	106° 23' 16"	21° 57' 57"	106° 23' 13"	F-48-57-B-b
sông Bắc Giang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 17"	106° 13' 57"	22° 10' 30"	106° 16' 34"	F-48-45-D-a
khuổi Chì	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 09' 53"	106° 15' 15"	22° 10' 20"	106° 15' 56"	F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Đàng	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 15' 44"	22° 12' 25"	106° 15' 36"	F-48-45-D-a
khau Dụi	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 25"	106° 15' 27"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Đàng	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 57"	106° 15' 40"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Dụi	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 55"	106° 15' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Luông	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 14' 37"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Mản	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 30"	106° 13' 46"					F-48-45-C-b
khuổi Mản	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 45"	106° 13' 16"	22° 12' 10"	106° 13' 55"	F-48-45-C-b
núi Phía Báng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 31"	106° 13' 48"					F-48-45-C-b
núi Phía Mạ	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 22"	106° 14' 34"					F-48-45-C-b
khuổi Quang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 42"	106° 17' 50"	22° 11' 50"	106° 17' 03"	F-48-45-D-a
khuổi Sầu	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 12' 30"	106° 16' 45"	22° 11' 52"	106° 16' 55"	F-48-45-D-a
bản Soong Phụ	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 50"	106° 14' 28"					F-48-45-C-b
khuổi Tền	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 00"	106° 15' 18"	22° 12' 27"	106° 14' 58"	F-48-45-D-a
thôn Vằng Mản	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 16' 33"					F-48-45-D-a
thôn Vằng Ún	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 11"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Bản Mè	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 04' 53"	106° 17' 20"					F-48-45-D-c
thôn bản Pe	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 48"	106° 13' 37"					F-48-45-C-d
núi Cạm Măng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 50"	106° 20' 10"					F-48-45-D-c
núi Đông Lào	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 34"	106° 15' 11"					F-48-45-D-c
khuổi Kép	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 29"	106° 14' 34"	22° 05' 43"	106° 13' 56"	F-48-45-C-d
khuổi Khoan	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 07' 09"	106° 12' 00"	22° 06' 32"	106° 12' 32"	F-48-45-C-d
thôn Khuổi Chặng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 10"	106° 19' 00"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 59"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Kép	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 06"	106° 14' 00"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Ma	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 57"	106° 17' 28"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 18' 15"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 55"	106° 17' 15"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Sắp	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 15"	106° 12' 19"					F-48-45-C-d
khau Liềng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 18' 41"					F-48-45-D-c
khuổi Ma	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 51"	106° 18' 15"	22° 06' 24"	106° 18' 48"	F-48-45-D-c
khuổi Nà	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 34"	106° 12' 56"	22° 04' 51"	106° 17' 21"	F-48-45-D-c
bản Nà Lào	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 44"	106° 15' 47"					F-48-45-D-c
bản Nà Pang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 20"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c
thôn Nà Quảng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 13"	106° 14' 40"					F-48-45-C-d
bản Nà Sám	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 15"	106° 12' 23"					F-48-45-C-d
bản Nà Tâm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 16"	106° 15' 13"					F-48-45-D-c
bản Pác Xoong	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 18' 43"					F-48-45-D-c
thôn Pò Mằm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 34"	106° 16' 32"					F-48-45-D-c
núi Sa Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 19"	106° 17' 56"					F-48-45-D-c
bản Sam Choi	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 39"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Thu Kiều	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 33"	106° 13' 15"					F-48-45-C-d
núi Xa Ngâm	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 11"	106° 11' 02"					F-48-45-C-d
sông Yên Lỗ	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 04' 24"	106° 17' 06"	22° 07' 36"	106° 19' 30"	F-48-45-D-c
khối 1	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 22"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
khối 2	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 45' 48"					F-48-58-B+46-D
khối 4	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 05"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 04"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 12"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc			21° 51' 30"	106° 46' 04"	21° 52' 33"	106° 45' 20"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc			21° 58' 32"	106° 42' 34"	21° 56' 36"	106° 42' 01"	F-48-58-A
khu Dây Thép	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 41' 44"					F-48-58-A
đồi Đồn	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 56"	106° 42' 05"					F-48-58-A
sườn Đồng Đăng	TV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc			21° 57' 34"	106° 42' 25"	21° 56' 40"	106° 41' 24"	F-48-58-A
ga Đồng Đăng	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 41' 43"					F-48-58-A
khu Ga	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 33"	106° 41' 42"					F-48-58-A
cửa khẩu Hữu Nghị	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 30"	106° 42' 32"					F-48-58-A
thôn Kéo Kham	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 26"	106° 42' 08"					F-48-58-A
núi Khỉ Héo	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 35"	106° 41' 51"					F-48-58-A
núi Lán Vài	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 04"	106° 42' 16"					F-48-58-A
khu Nam Quan	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 41' 47"					F-48-58-A
bó Sảng	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 14"	106° 42' 16"					F-48-58-A
khu Vườn Sái	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 42' 07"					F-48-58-A
đường tỉnh 235D	KX	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 12"	106° 42' 47"	21° 59' 27"	106° 45' 00"	F-48-58-A
thôn Cò Luồng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 16"	106° 43' 22"					F-48-58-A
núi Co Mìn	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 37"	106° 43' 15"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Co Mòi	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 29"	106° 43' 01"	21° 57' 34"	106° 42' 28"	F-48-58-A
núi Cốc Chác	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 29"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Cốc Tào	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 01"	106° 44' 51"					F-48-58-A
thôn Cốc Toòng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 32"	106° 44' 27"					F-48-58-A
khuổi Đầy	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 59"	22° 00' 29"	106° 46' 30"	F-48-58-B+46-D
suối Đông Ké	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 12"	21° 58' 53"	106° 44' 34"	F-48-58-A
bản Già Mọc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
núi Già Mọc	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 00"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
khuổi He	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 49"	106° 43' 31"	21° 58' 34"	106° 43' 47"	F-48-58-A
khu Keo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 38"	106° 44' 35"					F-48-58-A
thôn Kéo Có	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 12"	106° 43' 54"					F-48-58-A
đồi Khau Siếm	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 56"	106° 42' 57"					F-48-58-A
khu Ke	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 44"	106° 45' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Khôn Háng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 49"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Khôn Kéo	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 06"	106° 44' 53"					F-48-58-A
bản Khuổi Tao	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 31"	106° 43' 50"					F-48-58-A
bản Li Táng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 47"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
núi Ma Khoét	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 03"	106° 46' 44"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ân	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 52"	106° 45' 51"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Hé	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 45"	106° 43' 14"	21° 58' 11"	106° 43' 20"	F-48-58-A
bản Nà Ke	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 58"	106° 44' 20"					F-48-58-A
núi Nà Kéo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 42' 37"					F-48-58-A
bản Nà Làng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 02"	106° 46' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàn	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 02"	106° 43' 05"					F-48-58-A
bản Nà Phảy	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 15"	106° 44' 41"					F-48-58-A
suối Nà Tát	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 41"	106° 45' 00"	21° 58' 12"	106° 42' 45"	F-48-58-A
bản Pá Deng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 42"	106° 43' 54"					F-48-58-A
núi Pá Tầu	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 57"	106° 44' 20"					F-48-58-A
suối Pác Luộc	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 55"	106° 43' 50"	21° 58' 13"	106° 43' 28"	F-48-58-A
thôn Phạc Táng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 40"	106° 44' 08"					F-48-58-A
bản Pò Coọc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 09"	106° 44' 19"					F-48-58-A
thôn Pò Nhùng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 06"	106° 46' 02"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Pha	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 04"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Trí	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 39' 30"					F-48-58-A
thôn Bản Sắng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 39' 02"					F-48-58-A
thôn Chục Pính	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 39' 17"					F-48-58-A
núi Cốc Khảo	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 27"	106° 40' 00"					F-48-58-A
thôn Cồn Coóc	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 26"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Đông Ké	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 38' 51"					F-48-58-A
núi Giăng Xá	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	106° 38' 26"					F-48-58-A
núi Giăng Xá	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 56"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đèo Kéo Sính	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 39' 19"					F-48-58-A
đập Khánh Khê	KX	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 44"	106° 39' 21"					F-48-58-A
dãy Khảo Lương	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 34"	106° 39' 35"					F-48-58-A
thôn Khau Khe	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 37' 51"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc			21° 52' 21"	106° 39' 54"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
thôn Lũng Pàng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 53"	106° 39' 10"					F-48-58-A
thôn Pá Pách	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 39' 16"					F-48-58-A
thôn Pò Đồn	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-A
thôn Xuân Lũng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 09"	106° 38' 13"					F-48-58-A
đường tỉnh 235	KX	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 54' 09"	106° 56' 07"	21° 56' 05"	106° 56' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Đon	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 55' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rần	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 54' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Vàng	KX	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 56' 32"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Xám	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
súoi Bò Nhúng	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 58' 14"	106° 53' 18"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D
bản Co Riền	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 36"	106° 54' 45"					F-48-58-B+46-D
súoi Cò Riền	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 57' 09"	106° 54' 17"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D
súoi Co Riêng	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 54' 04"	106° 52' 59"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
bản Co Sáu	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 34"	106° 56' 38"					F-48-58-B+46-D
thôn Cồn Nàn	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 53' 39"	106° 57' 08"					F-48-58-B+46-D
núi Đà Nàng	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 06"	106° 55' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Lướt	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 59"	106° 54' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Lị	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 01"	106° 55' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 32"	106° 52' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Đảo	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 05"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Hộc	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 53' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Luộc	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 53' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Mạn	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Nậm	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 53' 59"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Rảo	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 56' 39"	106° 55' 29"	21° 56' 38"	106° 54' 20"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thâm	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Va	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 54' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Ngâm Đắc	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 49"	106° 55' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Pá Cuồng	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Cam	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Cáu	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 56' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Nhùng	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 58' 11"	106° 54' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Sông Danh	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 52"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Luông	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 56' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Toong Trinh	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D
núi Đông Chấn	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 11"	106° 52' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tao	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 46"	106° 54' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Luông	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 06"	106° 51' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Hào	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 57"	106° 51' 38"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tao	TV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 54' 16"	21° 51' 45"	106° 52' 54"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 49"	106° 50' 36"	21° 51' 17"	106° 47' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lim	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 49' 23"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngà	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Càng Nộc	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 16"	106° 49' 19"					F-48-58-B+46-D
bản Co Sla	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 59"	106° 48' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Chùa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Khao Táng	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 56"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Mu	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 54"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Hanh	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 35"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Lướt	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 51"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Sang	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 14"	106° 50' 05"					F-48-58-B+46-D
bản Khuôn Rù	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 48"	106° 48' 27"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Lầy Nọi	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 45"	106° 51' 17"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy Thúa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 06"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
núi Luồng Chanh	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 00"	106° 48' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Bó	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 48"	106° 49' 43"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Linh	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 12"	106° 48' 38"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Lùng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 40"	106° 49' 38"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Pán	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 23"	106° 49' 15"					F-48-58-B+46-D
suoối Nà Pán	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 49' 47"	21° 49' 39"	106° 49' 11"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Rào	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 28"	106° 50' 45"					F-48-58-B+46-D
khuổi Ngà	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 50' 41"	106° 51' 26"	21° 48' 59"	106° 49' 56"	F-48-58-B+46-D
suoối Phai Kiệu	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 52' 36"	106° 49' 15"	21° 50' 25"	106° 47' 53"	F-48-58-B+46-D
bản Pò Lìn	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 12"	106° 50' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Riêng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 16"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
thôn Quán Hàng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 31"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Tênh Slung	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 56"	106° 49' 47"					F-48-58-B+46-D
suoối Tênh Slung	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 26"	106° 50' 55"	21° 50' 25"	106° 47' 53"	F-48-58-B+46-D
bản Thâm Chằng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 50' 18"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Khuông	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 51' 30"					F-48-58-B+46-D
núi Chi Mong	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 52' 35"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Liềng	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	106° 52' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Co Phường	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 48"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
suoối Co Riêng	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 35"	106° 52' 52"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
khuổi Hái	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 24"	106° 52' 33"	21° 53' 37"	106° 52' 51"	F-48-58-B+46-D
núi Hóc Mu	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 50' 54"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Đứa	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 35"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 38"	106° 52' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tèn	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
thôn Pác Bó	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 17"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
suoối Pác Bó	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 41"	106° 50' 46"	21° 53' 29"	106° 50' 22"	F-48-58-B+46-D
khuổi Phầy	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 54' 34"	106° 51' 40"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
khuổi Sần	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 47"	106° 51' 38"	21° 53' 51"	106° 51' 08"	F-48-58-B+46-D
bản Sĩ Huân	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 08"	106° 50' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thín Lài	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tòng Riền	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 44"	106° 50' 44"	21° 53' 59"	106° 51' 27"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 235	KX	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 16"	106° 49' 31"	21° 52' 26"	106° 47' 03"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Cầm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 40"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Lành	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 51"	106° 48' 43"	21° 54' 22"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
thôn Chè Lán	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 49' 26"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Cam	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Co Chí	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 47' 53"					F-48-58-B+46-D
bản Đông Nội	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 49' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Cặp	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 55"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Khâu Song	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 58"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khuân Van	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 01"	106° 48' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Khuôn Linh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 32"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D
suối Lục Luông	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 22"	106° 48' 19"	21° 54' 37"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 47' 00"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 49"	106° 47' 31"	21° 52' 38"	106° 46' 59"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Khác	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Ngọt	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 47' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Nặm Dân	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 47' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Danh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 49' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Khoang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 47' 27"					F-48-58-B+46-D
suối Phai Kiệu	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 52' 36"	106° 49' 15"	21° 51' 59"	106° 48' 37"	F-48-58-B+46-D
bản Phai Tầm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 11"	106° 48' 46"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Pò	SV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 06"	106° 47' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Tầm Liền	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 34"	106° 48' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Chang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 48' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Thốc	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 38"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Khoang	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 40' 58"					F-48-58-A
thôn Còn Quyền	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 40' 59"					F-48-58-A
núi Hang Soòng	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 40' 19"					F-48-58-A
thôn Nà Chà	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 53"	106° 40' 37"					F-48-58-A
thôn Nà Lầm	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 40' 54"					F-48-58-A
thôn Nà Luộc	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 39' 52"					F-48-58-A
núi Nà Luông	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 39' 29"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pá Phiêng	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 45"	106° 40' 52"					F-48-58-A
thôn Pá Poài (Pá Pjài)	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 58"	106° 41' 17"					F-48-58-A
núi Sinh Minh	TV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 40' 14"	21° 56' 14"	106° 41' 33"	F-48-58-A
thôn Tềnh Chè	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 08"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đường tỉnh 234	KX	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc			21° 53' 49"	106° 46' 27"	21° 52' 37"	106° 45' 39"	F-48-58-B+46-D
bản Bó Ma	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 47"	106° 45' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Phầy	SV	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Tào	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 24"	106° 47' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ca	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 46' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Nùng	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 55"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phan	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 46' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Phai Luông	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 59"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Dọn	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 44"	106° 49' 18"					F-48-58-B+46-D
súoi Bản Dọn	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 15"	106° 49' 18"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Giếng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 51' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Héc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 18"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Riền	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 48"	106° 49' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Bó Mạ	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 50' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Cổ Lương	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 49' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Cồn Teng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 13"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
nằm Keng	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 50' 55"	21° 57' 13"	106° 50' 56"	F-48-58-B+46-D
núi Khau Bó	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 32"	106° 48' 01"					F-48-58-B+46-D
núi Khau Vài	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Hốc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 51' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Luông	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 56"	106° 48' 00"					F-48-58-B+46-D
súoi Lục Luông	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 37"	106° 48' 21"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Lục Ngoãng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 33"	106° 48' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Tát	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 19"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 51' 07"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tém	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 30"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Lại	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 57"	106° 49' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Pằng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 20"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D
núi Toong Trính	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 36"	106° 42' 01"	21° 55' 55"	106° 42' 39"	F-48-58-A
thôn Cồn Bó	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 41' 44"					F-48-58-A
bản Cồn Chang	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 41' 11"					F-48-58-A
bản Cồn Chủ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 41' 13"					F-48-58-A
thôn Cồn Kện	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 40' 29"					F-48-58-A
bản Cồn Tòng	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 55' 52"	106° 42' 00"					F-48-58-A
núi Hang Lạn	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 41' 15"					F-48-58-A
thôn Lộc Hồ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 30"	106° 40' 55"					F-48-58-A
thôn Nà Slin	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 14"	106° 41' 10"					F-48-58-A
dãy Núi Tém	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 40' 34"					F-48-58-A
thôn Pác Lùng	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 40' 47"					F-48-58-A
sưởi Pò Bơ	TV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 41"	106° 42' 50"	21° 56' 44"	106° 41' 47"	F-48-58-A
thôn Thâm Mò Biếp	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 41' 47"					F-48-58-A
thôn Hang Riêng	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 21"	106° 40' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Mạ	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 52' 19"	106° 42' 19"	21° 52' 21"	106° 39' 54"	F-48-58-A-d
khuai Mạ	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 22"	106° 42' 47"					F-48-58-A
núi Mạ Xiếc	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 07"	106° 41' 36"					F-48-58-A
thôn Nà Ngườm	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 04"	106° 41' 17"					F-48-58-A
thôn Nà Tậu	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 41' 24"					F-48-58-A-d
thôn Slam Kha	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 04"	106° 40' 45"					F-48-58-A
thôn An Rinh 1	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc							
thôn An Rinh 2	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc							
sưởi Bản Mới	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 47' 52"	106° 48' 49"	21° 49' 19"	106° 48' 50"	F-48-58-B+46-D
khuai Cà	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 05"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Choong Là	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 33"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ái	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Khuai Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 49' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 10"	106° 48' 41"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D
hồ Lệ Minh	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 27"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Mè Mải	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 23"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pính	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 50' 07"	106° 47' 57"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phở Ngầu	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 49' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Lặng	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 49' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Trần	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
thôn Tam Độ	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 25"	106° 49' 21"					F-48-58-B+46-D
thôn Tầm Nguyên	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 15"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Thoang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 50' 16"					F-48-58-B+46-D
ga Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 48"	106° 49' 24"					F-48-58-B+46-D
bản Thông Vèn	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 57"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Cầm	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 38"	106° 39' 04"	21° 46' 44"	106° 39' 55"	F-48-58-A-d
thôn Bản Cầm	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 36"	106° 39' 32"					F-48-58-A-d
khau Chịn	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 51"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
bản Cốc Bầy	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 59"	106° 40' 23"					F-48-58-A-d
thôn Cồn Pheo	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 42' 12"					F-48-58-A-d
bản Kéo Cà	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 28"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Lục Môn	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 11"	106° 38' 26"					F-48-58-A-d
suối Nà Don	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 39' 55"	21° 46' 25"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Đon	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 40' 06"					F-48-58-A-d
suối Nà Múc	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 25"	106° 40' 37"	21° 46' 48"	106° 40' 56"	F-48-58-A-d
bản Nà Múc A	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 47"	106° 40' 40"					F-48-58-A-d
bản Nà Múc B	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 49"	106° 41' 37"					F-48-58-A-d
bản Nà Nam	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 29"	106° 41' 35"					F-48-58-A-d
bản Nà Quàn	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 09"	106° 42' 13"					F-48-58-A-d
suối Pác Ve	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 47' 37"	106° 39' 56"	21° 47' 10"	106° 40' 52"	F-48-58-A-d
cầu Pác Vè	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 20"	21° 45' 49"					F-48-58-A-d
bản Pồ Hốc	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 39' 45"					F-48-58-A-d
bản Quanh Quýt	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 33"	106° 41' 14"					F-48-58-A-d
thôn Sài Hồ	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 41"	106° 39' 40"					F-48-58-C-b
đèo Sài Hồ	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 39' 04"					F-48-58-C-b
bản Suối Cáp	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 38' 41"					F-48-58-C-b
cầu Tầm Danh	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 33"	21° 46' 24"					F-48-58-A-d
thôn Tinh Hồ	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 14"	106° 39' 16"					F-48-58-A-d
thôn Tổng Han	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 38"	106° 40' 56"					F-48-58-A-d
thôn Tổng Méo	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 21"	106° 41' 13"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 238	KX	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 47' 28"	21° 56' 51"	106° 48' 38"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Đầy	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 42"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mạc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 50"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Phường	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 45' 20"	21° 55' 29"	106° 47' 15"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rọc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 22"	106° 46' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Rọc	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 57' 19"	106° 46' 51"	21° 56' 58"	106° 48' 23"	F-48-58-B+46-D
bản Chang Khuổi	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 46' 07"					F-48-58-B+46-D
thôn Cồn Quyền	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 14"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuôn Cuổng	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 47' 38"					F-48-58-B+46-D
khuai Lầu	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D
núi Linh Đeng	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 47' 00"					F-48-58-B+46-D
bản Mu Ngạp	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc							
thôn Nà Lệnh	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 41"	106° 47' 21"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Lệnh	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 29"	106° 47' 15"	21° 55' 45"	106° 47' 37"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mon	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 46' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Nhàn	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 18"	106° 47' 39"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Piao	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 04"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Sla	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 23"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Vá	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 04"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Phường	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 56"	106° 46' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Chả	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 46' 40"					F-48-58-B+46-D
núi Tâm Tường	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 58' 03"	106° 45' 59"					F-48-58-B+46-D
khuai Vài	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 37"	106° 45' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Lò	DC	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc	21° 57' 53"	106° 51' 51"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Nhạc	DC	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc	21° 57' 23"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rọi	DC	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc	21° 57' 44"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Boóc	DC	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 48' 59"					F-48-58-B+46-D
núi Cô Chi	SV	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc	21° 58' 20"	106° 51' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Khuất	DC	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 52' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Cồn Phạc	DC	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc	21° 58' 09"	106° 47' 30"					F-48-58-B+46-D
suối Cồn Phạc	TV	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc			21° 57' 32"	106° 48' 20"	21° 59' 10"	106° 47' 58"	F-48-58-B+46-D
núi Đông Ké	SV	xã Thanh Lò	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 49' 14"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Hiền	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 50' 16"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ham, Khuổi Sường	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 17"	106° 51' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Mây Ồi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 50' 10"					F-48-58-B+46-D
núi Khau Tặc	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 13"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Khâu Tác	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 47"	106° 47' 38"					F-48-58-B+46-D
núi Khổi Uẩn	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 46"	106° 52' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Khuôn Phụng	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 59"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Làng	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 49' 13"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Làng	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 17"	106° 49' 10"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Nà My	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 48"	106° 51' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phạ	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 48"	106° 51' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pheo	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 28"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Quyền	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 27"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Thiên Lập	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 33"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
núi Thín Đăm	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 39"	106° 50' 42"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 55"	106° 42' 39"	21° 54' 25"	106° 43' 51"	F-48-58-A
bản Cốc Châu	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 08"	106° 41' 38"					F-48-58-A
bản Cồn Cọng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 42' 27"					F-48-58-A
thôn Cồn Pheo	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 57"	106° 41' 49"					F-48-58-A
thôn Cồn Tòng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 46"	106° 43' 18"					F-48-58-A
núi Hìn Khao	SV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 56' 31"	106° 42' 48"					F-48-58-A
núi Khau Ngóm	SV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 43' 36"					F-48-58-A
thôn Khuổi Khê	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 43' 21"					F-48-58-A
suối Khuổi Mười	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 41"	106° 42' 14"	21° 55' 21"	106° 42' 21"	F-48-58-A
thôn Khuổi Mười	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 21"	106° 43' 06"					F-48-58-A
thôn Nà Hỏ	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 43' 46"					F-48-58-A
thôn Nà Lại	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 41' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 43' 05"					F-48-58-A
thôn Nà Piài (Nà Pjai)	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 31"	106° 42' 47"					F-48-58-A
bản Phai Cải	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 27"	106° 43' 45"					F-48-58-A
bản Phai Lặng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 43' 07"					F-48-58-A
thôn Pò Nghiều	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 00"	106° 43' 04"					F-48-58-A
thôn Tam Lung	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 01"	106° 43' 25"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thâm Lồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 11"	106° 43' 07"					F-48-58-A
suối Tổng Hênh	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 42' 59"	21° 55' 41"	106° 42' 14"	F-48-58-A
thôn Báo Slao	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 52' 52"	106° 42' 30"					F-48-58-A-d
thôn Bản Tàn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 55"	106° 40' 08"					F-48-58-A-d
suối Bản Tàn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 48' 08"	106° 40' 18"	21° 49' 08"	106° 40' 19"	F-48-58-A-d
bản Kéo Bang	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 38' 40"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Bó	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 38"	106° 41' 38"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Chủ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
suối Khôn Riền	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 48' 38"	106° 41' 37"	21° 50' 03"	106° 41' 06"	F-48-58-A-d
bản Khuôn Danh	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 50"	106° 41' 41"					F-48-58-A-d
thôn Lục Niềng	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 14"	106° 39' 53"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ca	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 39"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lìn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 06"	106° 41' 16"					F-48-58-A-d
suối Nà Lìn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 49' 45"	106° 40' 17"	21° 49' 49"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Mạ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 40"	106° 40' 01"					F-48-58-A-d
bản Nà Sâu	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 40' 16"					F-48-58-A-d
núi Nhọt Pha	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 58"	106° 41' 46"					F-48-58-A-d
bản Nưa Muồn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 59"	106° 39' 02"					F-48-58-A-d
khau Ràng	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 28"	106° 40' 30"					F-48-58-A-d
bản Vằn Minh	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 59"	106° 40' 44"					F-48-58-A-d
thôn Ba Sơn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 59"					F-48-59-A
suối Bản Lẻ	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 26"	106° 58' 52"	21° 54' 10"	106° 58' 49"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lẻ	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 23"	106° 59' 01"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ngõa	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 54"	107° 00' 31"	21° 54' 19"	106° 59' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngõa	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 59' 36"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ranh	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 28"	106° 56' 30"	21° 53' 56"	106° 57' 50"	F-48-58-B+46-D
thôn Co Chí	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 13"					F-48-59-A
thôn Co Khuông	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 58' 28"					F-48-58-B+46-D
suối Co Khuông	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 25"	106° 57' 45"	21° 53' 26"	106° 58' 52"	F-48-58-B+46-D
bản Còn Chủ	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	107° 02' 42"					F-48-59-A
bản Đông Pầu	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 21"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tát	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 41"	107° 02' 35"					F-48-59-A
bản Lũng Vải	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 52' 50"	106° 56' 36"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mò Lèo	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 42"	106° 58' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Rằm	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 58' 48"					F-48-58-B,46-D
bản Nà Sĩa	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	106° 58' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Phiêng Hà	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 43"	107° 00' 04"					F-48-59-A
bản Phiêng Háng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 55' 26"	106° 59' 03"					F-48-58-B+46-D
núi Pi Ang	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 56' 00"	106° 58' 54"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mã	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	107° 02' 17"					F-48-59-A
súoi Pò Mã	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 52"	107° 03' 23"	21° 54' 19"	107° 02' 03"	F-48-59-A
bản Pò Qua	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	107° 00' 30"					F-48-59-A
thôn Pò Riêng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	107° 01' 59"					F-48-59-A
súoi Pò Riêng	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 14"	107° 01' 34"	21° 54' 16"	107° 02' 01"	F-48-59-A
bản Sả Thươn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 59' 44"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tát	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	107° 03' 04"					F-48-59-A
khuổi Tát	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 54' 40"	107° 02' 33"	21° 54' 44"	107° 01' 49"	F-48-59-A
thôn Tầu Lìn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 34"	106° 57' 23"					F-48-58-B+46-D
thôn Thạch Khuyên	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	107° 00' 46"					F-48-59-A
súoi Thạch Khuyên	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 07"	107° 00' 50"	21° 54' 59"	106° 59' 39"	F-48-59-A
bản Thâm Cón	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	107° 01' 12"					F-48-59-A
khau Phạ	SV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 45' 43"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
súoi Bản Bầm	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc			21° 48' 04"	106° 46' 50"	21° 49' 08"	106° 46' 39"	F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Khoác	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 44"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Cải	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Lục Then	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 56"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Háo	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 50"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Sáy	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 08"	106° 45' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Soong	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thà	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 28"	106° 44' 34"					F-48-58-A-d
súoi Tát Uẩn	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 45' 17"	21° 48' 04"	106° 46' 50"	F-48-58-B+46-D
thôn Tát Uẩn	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 32"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Vằng Khoác	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 53"	106° 46' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Yên Hạ	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 30"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thành	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 49' 17"	106° 45' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thủy 1	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 11"	106° 46' 52"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Thủy 2	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 19"	106° 46' 48"					F-48-58-B+46-D
ga Yên Trạch	KX	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	106° 45' 33"	21° 48' 38"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 33' 33"	106° 28' 15"	21° 35' 02"	106° 30' 51"	F-48-57-D-d
thôn Cây Hồng	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 16"	106° 29' 23"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Bành	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 29"	106° 30' 16"					F-48-58-C-c
thôn Lân Bông	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 49"	106° 28' 33"					F-48-57-D-d
thôn Làng Vạc	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 14"	106° 30' 24"					F-48-58-C-c
núi Ngủ	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 06"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d
thôn Pha Lác	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 45"	106° 30' 12"					F-48-58-C-c
thôn Phố Sắt	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 41"	106° 30' 29"					F-48-58-C-c
núi Soi Sây	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
cầu Sông Hoá	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 59"	106° 28' 53"					F-48-57-D-d
ga Sông Hóa	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 31"	106° 29' 17"					F-48-57-D-d
cầu Sông Hoá 2	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 55"	106° 28' 46"					F-48-57-D-d
thôn Trung Mai	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 28"	106° 28' 38"					F-48-57-D-d
thôn Xóm Ná	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 57"	106° 29' 44"					F-48-57-D-d
thôn Yên Thịnh	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 46"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
đường tỉnh 234 A	KX	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng			21° 39' 06"	106° 34' 03"	21° 39' 49"	106° 35' 22"	F-48-58-C-a
đèo Bén	SV	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 34' 36"					F-48-58-C-a
khu Chính	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 32"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
ga Đồng Mỏ	KX	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-a
khu Ga	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
khu Hòa Bình	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 34' 17"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Cút	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 40' 15"	106° 34' 51"					F-48-58-C-a
làng Lũng Than	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Chảo	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 34' 55"					F-48-58-C-a
làng Nà Đon	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 22"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
đèo Rộ	SV	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 33' 49"					F-48-58-C-a
khu Thống Nhất	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 35' 10"					F-48-58-C-a
thôn Bắc Khánh	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 41' 55"					F-48-58-C-b
thôn Bắc Phù	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 34"	106° 39' 28"					F-48-58-C-b
ga Bắc Thủy	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 50"					F-48-58-C-b
thôn Háng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 45"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khâu Lân	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 22"	106° 39' 53"					F-48-58-C-b
thôn Khòn Phường	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 48"	106° 41' 05"					F-48-58-C-b
cầu Khun Cùm	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
thôn Khuổi Kháo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 16"	106° 40' 59"					F-48-58-C-b
núi Lăng Cắc	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 51"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
bản Lấp Lụng	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 40' 40"					F-48-58-C-b
bản Mạ Tàn	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 44"	106° 41' 08"					F-48-58-C-b
bản Nà Cọng	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 24"	106° 40' 08"					F-48-58-C-b
bản Nà Dạ	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 09"	106° 40' 27"					F-48-58-C-b
núi Pô Khên	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 41' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 5	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 41' 05"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 6	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 22"	106° 40' 40"					F-48-58-C-b
bản Thín Khao	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 41' 34"					F-48-58-C-b
bản Tinh Kéo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 26"	106° 40' 42"					F-48-58-C-b
thôn Tổng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 39' 20"					F-48-58-C-b
bản Bó Nam	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 00"	106° 29' 25"					F-48-57-D-b
đèo Cướm	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 28' 29"					F-48-57-B-d
núi Đồng Cải	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 29' 30"					F-48-57-B-d
núi Giã Suồng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 31"	106° 29' 24"					F-48-57-D-b
bản Kéo Nhì	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 06"	106° 29' 02"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Nội	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 29' 11"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Phầy	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 03"	106° 29' 54"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Phị	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 31"	106° 29' 40"					F-48-57-D-b
cầu Kéo Phị	KX	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 23"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b
thôn Khúng Khính	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 26"	106° 29' 16"					F-48-57-D-b
thôn Làng Chiềng	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 30' 19"					F-48-58-C-a
thôn Làng Giao	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 46"	106° 29' 50"					F-48-57-D-b
thôn Làng Tuồng	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 57"	106° 30' 20"					F-48-58-C-a
núi Lũng Bàu	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 30"	106° 29' 12"					F-48-57-D-b
đèo Lũng Đầy	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 49"	106° 28' 07"					F-48-57-D-b
thôn Pá Tào	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 42"	106° 28' 32"					F-48-57-D-b
bản Tham Trang	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 27' 39"					F-48-57-D-b
núi Thang Lũng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 28' 44"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thông Nọc	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 50"	106° 30' 06"					F-48-58-C-a
suối Bo Loóng	TV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng			21° 41' 56"	106° 30' 21"	21° 42' 10"	106° 30' 20"	F-48-58-C-a
thôn Đồng Chùa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 16"	106° 30' 16"					F-48-58-C-a
thôn Đồng Quan	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 29' 53"					F-48-57-D-b
làng Khau Deng	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 50"	106° 31' 07"					F-48-58-C-a
thôn Khau Tao	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 30' 58"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Nưa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 17"	106° 30' 50"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Vạc	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 30' 37"					F-48-58-C-a
thôn Làng Khoác	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 29' 46"					F-48-57-D-b
núi Làng Khoác	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 11"	106° 29' 14"					F-48-57-D-b
núi Lăng Lườn	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chè	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 17"	106° 28' 14"					F-48-57-D-b
làng Lũng Kheo	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 27' 51"					F-48-57-D-b
làng Lũng Khút	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 30"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
làng Lũng Vai	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Lũng Xóm	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 29' 33"					F-48-57-D-b
thôn Nà Canh	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 03"	106° 30' 24"					F-48-58-C-a
làng Nà Pe	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 30' 49"					F-48-58-C-a
làng Nùng Găm	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 38"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
thôn Phai Xá	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 26"	106° 31' 38"					F-48-58-C-a
cầu Ải Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 59"	106° 32' 37"					F-48-58-C-c
thôn Ba Đàn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 21"	106° 31' 27"					F-48-58-C-c
thôn Bãi Hào	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 47"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
đập Bãi Hào	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 55"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
dãy Cai Kinh	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 45"	106° 30' 33"					F-48-58-C-c
cầu Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 31' 14"					F-48-58-C-c
ga Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 09"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
làng Cốc Mìn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
đèo Cơm Nấm	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 42"	106° 32' 33"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Đình	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 26"	106° 31' 48"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Hoá	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Ngầu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 38"	106° 31' 37"					F-48-58-C-c
đèo Lân Li	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Càng	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 38"	106° 31' 32"					F-48-58-C-c
làng Làng Đă	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 41"	106° 31' 45"					F-48-58-C-c
thôn làng Đồn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
thôn Làng Nghĩa	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 31' 25"					F-48-58-C-c
làng Linh Ba	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 51"	106° 30' 55"					F-48-58-C-c
làng Nà Nông	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 32' 24"					F-48-58-C-c
thôn Quán Bàu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 10"	106° 31' 35"					F-48-58-C-c
thôn Quán Thanh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 56"	106° 32' 16"					F-48-58-C-c
núi Quỷ Môn Quan	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 05"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
làng Thành Kho	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 30"	106° 31' 06"					F-48-58-C-c
sông Thương	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 34' 56"	106° 30' 39"	21° 37' 18"	106° 32' 25"	F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới A	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 17"	106° 32' 18"					F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới B	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 32' 42"					F-48-58-C-c
đèo Cắm	SV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
làng Cốc Có	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 45' 30"					F-48-58-D-a
đèo Đông Lèn	SV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 23"	106° 42' 36"					F-48-58-C-b
bản Khau Phụng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 44' 17"					F-48-58-C-b
bản Khau Pỉnh	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 04"	106° 44' 19"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thành	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 15"	106° 45' 12"					F-48-58-D-a
thôn Nà Cài	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 44' 03"					F-48-58-C-b
thôn Nà Dạ	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 12"	106° 44' 46"					F-48-58-C-b
suối Nà Dạ	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 43' 43"	106° 45' 08"	21° 43' 54"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
thôn Nà Hà	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 59"	106° 46' 03"					F-48-58-B
suối Nà Hà	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 44' 04"	106° 45' 32"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
thôn Nà Lằm	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 53"	106° 45' 41"					F-48-58-D-a
suối Nà Lằm	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 42' 55"	106° 47' 05"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
làng Nà Mần	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 34"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhạn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 45"	106° 45' 53"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhì	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 45' 43"					F-48-58-D-a
thôn Nà Pát	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
suối Nà Pát	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 41' 29"	106° 45' 41"	21° 44' 04"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
thôn Nà Tinh	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 53"	106° 44' 21"					F-48-58-C-b
làng Pắc Có	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 41"	106° 45' 35"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Pắc Đét	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 22"	106° 46' 44"					F-48-58-D-a
thôn Pắc Ma	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 46' 16"					F-48-58-D-a
làng Pò Đen	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 46' 04"					F-48-58-D-a
bản Pò Lèn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 42"	106° 44' 06"					F-48-58-C-b
làng Pò Luyến	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 50"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
bản Thai Đăng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 43' 29"					F-48-58-C-b
quốc lộ 279	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 45' 06"	106° 32' 33"	21° 42' 14"	106° 32' 51"	F-48-58-C-a
làng Bó Chinh	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 34' 31"					F-48-58-C-a
làng Bó Lầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 43"					F-48-58-A-c
đèo Ca	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 33' 27"					F-48-58-C-a
suối Cầu Bống	TV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 43' 06"	106° 33' 12"	21° 45' 00"	106° 33' 15"	F-48-58-C-a
thôn Cầu Boóng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 32' 28"					F-48-58-C-a
làng Đầu Cầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 07"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Đông Deng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 25"	106° 31' 08"					F-48-58-C-a
thôn Đông Pầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 32' 56"					F-48-58-C-a
đèo Khau Choong	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 45"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
bản Khòn Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
làng Khòn Tẩu Ủ (Khòn Tẩu)	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
thôn Làng Dộc	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 57"					F-48-58-C-a
thôn Làng Giang	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 32' 59"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mỏ	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 09"	106° 32' 09"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Mần	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 52"	106° 31' 45"					F-48-58-C-a
làng Lũng Mất	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 37"	106° 31' 27"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiêu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 34' 05"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 41"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Lũng Pi	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
đèo Lũng Quan	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 09"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Tạo	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 48"	106° 32' 25"					F-48-58-C-a
làng Nả Chùa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 12"	106° 32' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nả Mần	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 03"	106° 31' 37"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Ngoài	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 36"	106° 33' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Trong	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
hang Nậm Tót	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 33' 27"						F-48-58-A-c
thôn Phai Đeng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 57"	106° 32' 46"						F-48-58-C-a
làng Phai Lầy	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 13"	106° 31' 42"						F-48-58-C-a
làng Pháng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 40"	106° 32' 29"						F-48-58-C-a
làng Phúc Lũng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 55"						F-48-58-C-a
làng Tân Hấu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 33' 31"						F-48-58-C-a
đập Vải Cà	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 20"						F-48-58-C-a
làng Bó Đin	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 31' 40"						F-48-58-C-a
đèo Bó Đin	SV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 04"	106° 31' 21"	21° 39' 47"	106° 31' 36"		F-48-58-C-a
đền Châu Mười	KX	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 22"						F-48-58-C-a
thôn Đơn Xa	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 31' 33"						F-48-58-C-a
làng Kẹm Càng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 32' 10"						F-48-58-C-a
làng Khòn Đông	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 31' 31"						F-48-58-C-a
làng Khòn Ngai	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 43"	106° 33' 16"						F-48-58-C-a
thôn Làng Càng 1	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 13"	106° 32' 26"						F-48-58-C-a
thôn Làng Càng 2	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 58"	106° 32' 41"						F-48-58-C-a
thôn Lũng Do	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 32' 29"						F-48-58-C-a
làng Lũng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 32' 50"						F-48-58-C-a
làng Lũng Mòng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 30"	106° 32' 48"						F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiều	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 32' 35"						F-48-58-C-a
thôn Lũng Tùng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 31' 30"						F-48-58-C-a
thôn Mỏ Ba	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 32"						F-48-58-C-a
thôn Mỏ Cống	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 28"	106° 32' 36"						F-48-58-C-a
suối Nà Lá	TV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 15"	106° 32' 55"	21° 40' 48"	106° 33' 03"		F-48-58-C-a
thôn Pa Ràng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 25"	106° 31' 05"						F-48-58-C-a
làng Phố Cùm	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 12"	106° 31' 14"						F-48-58-C-a
thôn Tùng Cản	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 33' 10"						F-48-58-C-a
làng Bó Luồng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 05"	106° 43' 57"						F-48-58-C-d
suối Co Bơ	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 01"	106° 46' 01"	21° 35' 41"	106° 45' 46"		F-48-58-D-c
làng Co Gạo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 23"	106° 43' 40"						F-48-58-C-d
làng Co Hương	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 37"	106° 42' 30"						F-48-58-C-b
suối Cuồng Nộc	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 46' 03"	21° 37' 41"	106° 43' 54"		F-48-58-D-a
khau Giáo	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 33' 43"	106° 42' 36"						F-48-58-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Gioa	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 38"	106° 45' 38"					F-48-58-D-a
khau Hương	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 17"	106° 44' 36"					F-48-58-C-d
làng Kéo Nà	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 16"	106° 42' 17"					F-48-58-C-d
suối Lật	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 22"	106° 41' 55"	21° 37' 46"	106° 41' 04"	F-48-58-C-b
làng Lũng Ngàn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 21"	106° 43' 31"					F-48-58-C-d
khau Lỵ	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 43' 44"					F-48-58-C-b
thôn Mê Thình	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 29"	106° 44' 43"					F-48-58-C-d
thôn Nà Lia	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 30"	106° 44' 10"					F-48-58-C-d
làng Nà Thàn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 57"	106° 45' 10"					F-48-58-D-c
làng Nà Thặng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 45' 54"					F-48-58-D-c
suối Ó	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 17"	106° 43' 08"	21° 36' 20"	106° 43' 18"	F-48-58-C-d
làng Pá La	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Pá Phèo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 46"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
làng Phai Rinh	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 43' 05"					F-48-58-C-d
suối Phục	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 39' 00"	106° 44' 46"	21° 39' 51"	106° 43' 14"	F-48-58-C-b
làng Quán Chiếu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 43' 46"					F-48-58-C-d
khau Rạn	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 42' 43"					F-48-58-C-d
làng Suối Cáu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 08"	106° 43' 14"					F-48-58-C-d
làng Suối Dầm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 08"	106° 43' 15"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mạ A	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 44' 31"					F-48-58-C-b
thôn Suối Mạ B	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 42' 51"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mỏ	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 33"	106° 44' 44"					F-48-58-C-d
làng Suối Sạn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 46' 07"					F-48-58-D-a
làng Suối Thấu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 45' 43"					F-48-58-D-c
làng Suối Vằm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 43' 19"					F-48-58-C-d
suối Thấu	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 48"	106° 45' 00"	21° 37' 23"	106° 46' 02"	F-48-58-D-c
suối Xà	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 34' 00"	106° 43' 48"	21° 36' 17"	106° 43' 08"	F-48-58-C-d
thôn Bắc Phiềng	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 18"	106° 42' 15"					F-48-58-C-b
suối Bắc Phiềng	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 14"	106° 42' 37"	21° 40' 32"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Bắc Roọc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 41' 22"					F-48-58-C-b
đèo Cắm	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
suối Cắm Thù	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 27"	106° 41' 30"	21° 38' 54"	106° 39' 15"	F-48-58-C-b
thôn Cọ Lái	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 42' 08"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cô Lái	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			20° 40' 53"	106° 42' 10"	21° 40' 32"	106° 41' 59"	F-48-58-C-b
làng Cô Lị	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 36"	106° 41' 36"					F-48-58-C-b
làng Co Mười	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 40' 21"					F-48-58-C-b
làng Dọc Lát	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Hà Nam	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 40' 11"					F-48-58-C-b
làng Kéo Gà	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 39' 46"					F-48-58-C-b
đèo Kéo Lèo	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 45"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Khau Xoong	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
núi Khuôn Kén	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 39' 05"					F-48-58-C-b
làng Nà Chuối	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 06"	106° 41' 33"					F-48-58-C-b
suối Nà Chuối	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 21"	106° 41' 37"	21° 41' 30"	106° 41' 23"	F-48-58-C-b
làng Nà Kham	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 41' 10"					F-48-58-C-b
làng Nà Lá	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 27"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
làng Nà Lằm	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 42' 16"					F-48-58-C-b
làng Nà Mồ	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
làng Rọ Bo	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 41' 11"					F-48-58-C-b
làng Rọ Cút	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 41' 00"					F-48-58-C-b
làng Rọc Sèn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 40' 31"					F-48-58-C-b
núi Tam Tấu	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 35"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Thảm Nạc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 06"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
làng Trung Khìn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 42' 39"					F-48-58-C-b
suối Trung Khìn	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 21"	106° 43' 21"	21° 40' 31"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Tung Hon	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 48"	106° 40' 30"					F-48-58-C-b
làng Vinh Tinh	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 31"	106° 42' 07"					F-48-58-C-b
thôn Bản Lằm	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 04"	106° 44' 36"					F-48-58-C-b
khau Dầm	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 45' 01"					F-48-58-D-a
thôn Hợp Đường	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 44' 00"					F-48-58-C-b
núi Mạ Thang	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 44' 11"					F-48-58-C-b
bản Nư	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 44' 10"					F-48-58-C-b
thôn Thiên Cầm	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 45' 13"					F-48-58-D-a
suối Vạn Tùng	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 05"	106° 44' 30"	21° 40' 37"	106° 44' 01"	F-48-58-C-b
suối Vàng Hỷ	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 00"	106° 44' 43"	21° 41' 27"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 33"	106° 35' 59"	21° 41' 27"	106° 37' 35"	F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Đồn Điền	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 21"	106° 36' 59"					F-48-58-C-a
làng Đồng Chùa	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 37' 18"					F-48-58-C-a
Khu du lịch Hang Gió	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 29"					F-48-58-C-a
làng Hoà Mục	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 42"	106° 36' 58"					F-48-58-C-a
làng Khòn Choong	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 37' 32"					F-48-58-C-b
thôn Khòn Rẹ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 37' 24"					F-48-58-C-a
làng Khòn Vần	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 37' 34"					F-48-58-C-b
thôn Lạng Nắc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 22"	106° 36' 45"					F-48-58-C-a
cầu Lạng Nắc	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 36' 40"					F-48-58-C-a
làng Lũng Khòm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 36' 37"					F-48-58-C-a
làng Nà Bềng	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 36' 41"					F-48-58-C-a
làng Nà Lầm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 37' 20"					F-48-58-C-a
thôn Nà Lốc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 33"	106° 36' 46"					F-48-58-C-a
thôn Nà Mùm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 02"	106° 36' 53"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sèn	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 21"	106° 36' 23"					F-48-58-C-a
thôn Sao Hạ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 55"	106° 36' 36"					F-48-58-C-a
thôn Sao Thượng A	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 57"					F-48-58-C-a
thôn Sao Thượng B	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 44"	106° 36' 49"					F-48-58-C-a
làng Thồng Ngoà	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 44"	106° 36' 12"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 41' 22"	106° 37' 36"	F-48-58-C-a
thôn Tin Đèo	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 06"	106° 37' 38"					F-48-58-C-b
làng Toòng Cóm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 36' 40"					F-48-58-C-a
cầu Vằng Kheo	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 36' 11"	106° 37' 18"					F-48-58-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 18"	106° 37' 37"	21° 42' 00"	106° 40' 20"	F-48-58-C-b
đèo Kéo Gà	SV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 39' 58"					F-48-58-C-b
làng Khau Léch	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 38' 31"					F-48-58-C-b
làng Khòn Khai	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 39' 56"					F-48-58-C-b
làng Khòn Lầu	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Khòn Sào	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 48"	106° 39' 50"					F-48-58-C-b
thôn Khun Khoan	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 38' 51"					F-48-58-C-b
thôn Khun Khuông	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 13"	106° 38' 35"					F-48-58-C-b
thôn Khun Lông	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 34"	106° 39' 36"					F-48-58-C-b
thôn Khun Tiếm	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 20"	106° 38' 50"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Chiềng	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 39"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
thôn Lạng Giai	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 51"	106° 39' 29"					F-48-58-C-b
cầu Lạng Giai	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 58"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Nà Khòn	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 28"	106° 37' 47"					F-48-58-C-b
làng Nà Phiệt	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 39' 02"					F-48-58-C-b
thôn Pa Lái	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 46"	106° 38' 34"					F-48-58-C-b
sông Thương	TV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 22"	106° 37' 36"	21° 42' 02"	106° 40' 14"	F-48-58-C-b
làng Bờ Ải	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 01"	106° 35' 20"					F-48-58-C-c
súoi Cái	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 02"	106° 40' 43"	21° 36' 25"	106° 42' 09"	F-48-58-C-d
thôn Củ Na	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 39' 58"					F-48-58-C-d
làng Dọc Kít	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 49"	106° 38' 56"					F-48-58-C-b
núi Dọc Nghiến	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 22"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
làng Đin Đeng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 36"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
thôn Đồng Ghè	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 21"	106° 35' 25"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Mỏ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 37' 55"					F-48-58-C-b
đèo Hoan	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 12"	106° 38' 11"					F-48-58-C-d
núi Khao Đăm	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 00"	106° 34' 47"					F-48-58-C-c
làng Khuôn Dầu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 36' 24"					F-48-58-C-c
núi Khuôn Mạt	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 33"	106° 37' 50"					F-48-58-C-d
thôn Làng Hạ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 35' 42"					F-48-58-C-c
thôn Làng Hăng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 37' 06"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mùn	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 38' 03"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 36' 07"					F-48-58-C-c
khau Lầu	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 40' 31"					F-48-58-C-d
súoi Lịt	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 51"	106° 41' 08"	21° 36' 19"	106° 39' 22"	F-48-58-C-d
thôn Lũng Châu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 36' 35"					F-48-58-C-a
làng Nà Cai	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 35"	106° 38' 15"					F-48-58-C-b
làng Nà Ké	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 02"	106° 37' 34"					F-48-58-C-b
làng Nà Mỏ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 48"	106° 38' 36"					F-48-58-C-b
núi Nà Mỏ	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 37' 28"					F-48-58-C-d
làng Nà Xoong	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
súoi Pắc Piếng	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 36' 15"	21° 37' 31"	106° 36' 57"	F-48-58-C-a
làng Súoi Bốc	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 41' 16"					F-48-58-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Suối Cái	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 41' 35"					F-48-58-C-d
làng Suối Mu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 22"	106° 38' 14"					F-48-58-C-b
núi Thái Hoà	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 34' 05"					F-48-58-C-c
đèo Trang	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-c
núi Tu Lũng	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 34' 58"					F-48-58-C-c
cầu Tu Lũng	KX	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 52"	106° 35' 16"					F-48-58-C-c
làng Tung Pha	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 39"	106° 38' 43"					F-48-58-C-b
suối Vực Ngườm	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 45"	106° 37' 47"	21° 36' 00"	106° 35' 13"	F-48-58-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 04"	106° 32' 51"	21° 40' 22"	106° 36' 17"	F-48-58-C-c
thôn Chằm Pháng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 42"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Cồn Phiêng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 32' 51"					F-48-58-C-c
suối Dọc Trang	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 11"	106° 34' 50"	21° 38' 15"	106° 33' 54"	F-48-58-C-a
làng Đan Chuông	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 34"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
thôn Đông Mỏ	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Áng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 02"	106° 35' 38"					F-48-58-C-a
suối Khuôn Áng	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 39' 05"	106° 35' 38"	21° 39' 34"	106° 35' 10"	F-48-58-C-a
đèo Khuôn Bạc	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 42"	106° 35' 48"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Phang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 07"	106° 34' 59"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Thúng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
thôn Làng Coóc	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 58"	106° 35' 45"					F-48-58-C-a
thôn Làng Đăng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 35' 43"					F-48-58-C-a
cầu Làng Đăng	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 35' 35"					F-48-58-C-a
thôn Làng Thành	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 21"	106° 33' 13"					F-48-58-C-c
đèo Lũng Tăng	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 33' 39"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 35' 49"					F-48-58-C-a
làng Nà Pa	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 26"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
thôn Núi Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 54"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
đèo Quao	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 03"	106° 34' 20"					F-48-58-C-c
thôn Than Muội	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 33' 00"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 37' 04"	106° 32' 34"	F-48-58-C-a
làng Trung	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 23"	106° 34' 28"					F-48-58-C-a
làng Yên Quang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 03"	106° 33' 59"					F-48-58-C-a
thôn Chợ Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Cồn Khê	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 01"	106° 34' 02"					F-48-58-C-a
làng Cồn Pằng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 59"	106° 33' 07"					F-48-58-C-a
làng Khòn Lân	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 54"	106° 34' 03"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Nghiêng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 19"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Sâu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 15"	106° 34' 10"					F-48-58-C-a
thôn Làng Nong	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Ca	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 34' 57"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Luông	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 35' 07"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Tắng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 34' 15"					F-48-58-C-a
làng Nà Ấng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
thôn Nà Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 07"	106° 32' 53"					F-48-58-C-a
làng Nà Lũng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 12"	106° 35' 12"					F-48-58-C-a
thôn Nà Nưa	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 33' 34"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sâu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Quán Hàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 02"	106° 34' 13"					F-48-58-C-a
suối Tông Nọt	TV	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng			21° 42' 25"	106° 33' 41"	21° 41' 20"	106° 32' 53"	F-48-58-C-a
thôn Tông Nọt	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 33' 02"					F-48-58-C-a
thôn Cô Hồng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 44' 47"	106° 47' 46"					F-48-58-D-a
thôn Hang Vài	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 34"	106° 48' 54"					F-48-58-B
núi Kéo Phạ	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 49' 10"					F-48-58-B
núi Kéo Sao	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 55"	106° 49' 28"					F-48-58-B
thôn Khau Thung	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 47"					F-48-58-B
thôn Khòn Nạo	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 48' 46"					F-48-58-B
thôn Làng Giông	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 54"	106° 48' 06"					F-48-58-B
làng Mạ Tập	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 47' 54"					F-48-58-D-a
suối Nà Hà	TV	xã Vân An	H. Chi Lăng			21° 45' 43"	106° 46' 49"	21° 45' 10"	106° 46' 09"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pằng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 44' 21"	106° 47' 50"					F-48-58-D-a
thôn Nà Thưa	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 21"	106° 48' 44"					F-48-58-B
suối Nà Thưa	TV	xã Vân An	H. Chi Lăng			21° 43' 04"	106° 48' 01"	21° 47' 52"	106° 48' 49"	F-48-58-B
thôn Phai Mò	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 48"	106° 48' 05"					F-48-58-B
núi Phiêng Sang	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 49' 36"					F-48-58-B
thôn Tá Riêng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 10"	106° 47' 44"					F-48-58-B
thôn Tà Sắn	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 29"	106° 46' 20"					F-48-58-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Long	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 36"					F-48-58-D-a
thôn Tân Minh	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 24"	106° 48' 21"					F-48-58-B
khau Tậu	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 57"	106° 49' 20"					F-48-58-B
núi Téng Chên	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 17"	106° 48' 11"					F-48-58-B
thôn Tùng Mẩn	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 46' 50"					F-48-58-B
núi Bó	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 28' 41"					F-48-57-D-b
núi Bó Nọi	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 29' 29"					F-48-57-D-b
núi Cải	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 28' 39"					F-48-57-D-b
làng Chang	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 26' 34"					F-48-57-D-b
làng Chọc Chạy	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 17"	106° 30' 47"					F-48-58-C-a
núi Chùa	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Bay	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 17"	106° 29' 17"					F-48-57-D-b
đèo Cốc Chủ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 25"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Khé	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 26' 54"					F-48-57-D-b
núi Cốc Phầy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 28' 01"					F-48-57-D-b
núi Cốc Thuốt	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 28' 15"					F-48-57-D-b
làng Đông	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 28' 00"					F-48-57-D-b
thôn Đông Khao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 03"	106° 29' 52"					F-48-58-C-a
núi Đưng Hìn	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 27' 45"					F-48-57-D-b
làng Gia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 05"	106° 27' 36"					F-48-57-D-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 19"	106° 27' 22"					F-48-57-D-b
làng Hoàng Sơn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 30' 14"					F-48-58-C-a
thôn Khun Đút	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 26' 45"					F-48-57-D-b
làng Lá Gia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 31"	106° 26' 38"					F-48-57-D-b
làng Lân Man	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 25' 36"					F-48-57-D-b
thôn Làng Đăm	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 26' 49"					F-48-57-D-b
thôn Làng Hao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 29"	106° 26' 14"					F-48-57-D-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 05"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 30' 09"					F-48-58-C-a
núi Lũng Đắc	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Luông	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 41' 07"	106° 28' 52"					F-48-57-D-b
đèo Lũng Luông	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 37"	106° 28' 45"					F-48-57-D-b
núi Lũng Luông	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lũng Na	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 27' 55"					F-48-57-D-b
núi Lũng Om	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 36"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Tàn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 20"	106° 28' 19"					F-48-57-D-b
lân Lũng Thử	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 09"					F-48-57-D-b
thôn Mỏ Cáy	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 51"	106° 26' 35"					F-48-57-D-b
đèo Mỏ Cáy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 27' 09"					F-48-57-D-b
làng Mỏ Kèng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 32"	106° 28' 11"					F-48-57-D-b
thôn Mỏ Rọ	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 47"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
làng Nà Hìn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 14"	106° 27' 34"					F-48-57-D-b
thôn Nà Lai	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 10"	106° 27' 41"					F-48-57-D-b
thôn Nà Lấp	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 28' 34"					F-48-57-D-b
làng Nà Tềng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 47"	106° 27' 06"					F-48-57-D-b
làng Nà Xia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 33"	106° 29' 04"					F-48-57-D-b
núi Pá Lướt	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 28' 20"					F-48-57-D-b
núi Pha Sài	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 28' 26"					F-48-57-D-b
núi Phật Sĩ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 46"	106° 28' 58"					F-48-57-D-b
thôn Phố Cũ	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 45"	106° 30' 01"					F-48-58-C-a
thôn Phố Mới	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 29' 22"					F-48-57-D-b
làng Sà	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
làng San Mào	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 30' 35"					F-48-58-C-a
núi Sẻ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 13"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b
núi Ta Thị	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 26' 10"					F-48-57-D-b
núi Tác Ni	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 27' 21"					F-48-57-D-b
suối Tai Sên	TV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng			21° 38' 55"	106° 26' 37"	21° 37' 54"	106° 26' 29"	F-48-57-D
núi Xà Cáy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 27' 00"					F-48-57-D-b
thôn Xa Đán	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 29' 00"					F-48-57-D-b
núi Xa Khao	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 27' 11"					F-48-57-D-b
núi Xa Khao Đưng Hìn	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Xa Ngang	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 26' 31"					F-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng			21° 43' 12"	106° 41' 19"	21° 46' 40"	106° 44' 20"	F-48-58-C-b
thôn Bản Dù	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
thôn Bản Thí	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 43' 47"					F-48-58-A-d
ga Bản Thí	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 02"	106° 43' 48"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Bó Rươi	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 27"					F-48-58-A-d
làng Cô Hiền	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 56"	106° 43' 35"					F-48-58-A-d
làng Cọn Kheng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 10"	106° 42' 42"					F-48-58-A-d
làng Khau Chỉ	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 19"	106° 42' 52"					F-48-58-A-d
đèo Khau Phạ	SV	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 01"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
làng Nà Cam	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 25"	106° 43' 19"					F-48-58-A-d
làng Nà Khum	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 51"	106° 43' 51"					F-48-58-C-b
thôn Nà Lừu	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 15"	106° 43' 13"					F-48-58-C-b
làng Nà Moong	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 44"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
làng Nà Pá	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 08"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
thôn Nà Pát	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 45"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Phước	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 44' 01"					F-48-58-A-d
làng Nà Tái	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 42"					F-48-58-A-d
làng Nà Táng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 16"	106° 44' 18"					F-48-58-A-d
khau Pinh	SV	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 34"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 1	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 08"	106° 42' 13"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 4	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 41' 32"					F-48-58-C-b
thôn Tinh Lũng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 42' 55"					F-48-58-C-b
làng Viên Sái	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 41' 37"					F-48-58-C-b
làng Bó Bản	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 28' 11"					F-48-57-D-d
làng Bo Loạc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 41"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Bó Mò	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 28' 43"					F-48-57-D-b
núi Bó Mù	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 27' 14"					F-48-57-D-d
làng Canh Tổng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 32"	106° 28' 19"					F-48-57-D-d
làng Đèo Tuồng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b
làng Đin Đeng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 27"	106° 28' 14"					F-48-57-D-d
làng Đồng Tiến	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 29' 20"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 20"	106° 29' 38"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 40"	106° 29' 03"					F-48-57-D-b
làng Góc Hương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Keng Vài	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 04"	106° 27' 10"					F-48-57-D-d
làng Lân Khựt	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 26' 11"					F-48-57-D-b
làng Lân Tầm	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 46"	106° 27' 07"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lũng Áng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 29' 21"					F-48-57-D-d
làng Lũng Nội	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 31' 25"					F-48-58-C-a
làng Lũng Tát	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 28' 35"					F-48-57-D-d
núi Lũng Vài	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 43"	106° 29' 28"					F-48-57-D-b
thôn Nà Cà 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 30' 39"					F-48-58-C-a
thôn Nà Cà 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 31' 10"					F-48-58-C-a
làng Nà Mèo	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 24"	106° 28' 26"					F-48-57-D-d
suối Nà Tang	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 12"	106° 29' 55"	21° 35' 53"	106° 28' 32"	F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 35"	106° 29' 07"					F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 36"	106° 28' 23"					F-48-57-D-d
làng Nặm Tà	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 16"	106° 29' 44"					F-48-57-D-b
núi Nặm Tà	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 29' 50"					F-48-57-D-b
suối Nặm Tà	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 43"	106° 29' 25"	21° 38' 29"	106° 29' 42"	F-48-57-D-b
núi Pa Mìn	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 34' 25"	106° 26' 48"					F-48-57-D-d
núi Sa Sây	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
thôn Thạch Lương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 30' 07"					F-48-58-C-c
thôn Thần Lăng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 36"	106° 27' 38"					F-48-57-D-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 23"	106° 29' 26"					F-48-57-D-d
làng Tùng Nau	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 18"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d
làng Xa Cút	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 28' 27"					F-48-57-D-d
làng Xiệc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 44"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
khu 1	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 47"	107° 05' 52"					F-48-59-C-c
khu 2	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 59"	107° 05' 43"					F-48-59-C-c
khu 3	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 21"	107° 05' 15"					F-48-59-C-c
quốc lộ 31	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 18"	107° 06' 25"	21° 32' 33"	107° 05' 26"	F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 31"	107° 06' 14"	21° 33' 27"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
suối Đình Lập	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 47"	107° 06' 08"	21° 32' 58"	107° 04' 43"	F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 1	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 06"	107° 05' 32"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 2	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 53"	107° 05' 42"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 3	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 52"	107° 05' 53"					F-48-59-C-c
núi Khuổi In	SV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 57"	107° 06' 00"					F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 35"	107° 06' 16"	21° 32' 37"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
cầu Nà Pheo	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 05' 22"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 02' 36"					F-48-71-A-a
khu 2	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 51"	107° 01' 54"					F-48-71-A-a
khu 3	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 53"	107° 01' 16"					F-48-71-A-a
khu 4	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 54"	107° 01' 13"					F-48-71-A-a
khu 5	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 35"	107° 01' 05"					F-48-71-A-a
khu 6	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	107° 01' 22"					F-48-71-A-a
cầu 20	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 26"	107° 01' 00"					F-48-71-A-a
cầu 21	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 40"	107° 01' 09"					F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 29' 28"	107° 02' 34"	21° 27' 16"	107° 00' 44"	F-48-71-A-a
công ty CP chè Thái Bình - Lạng Sơn	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 01' 23"					F-48-71-A-a
sông Bản Mực	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 15"	107° 00' 53"	21° 28' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
suối Đông Sao	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 27' 25"	107° 00' 47"	21° 27' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 33"	21° 28' 59"	107° 01' 10"	F-48-71-A-a
cầu Pắc Lãng	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 02"	107° 01' 28"					F-48-71-A-a
đồi Pốt	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 30"	107° 01' 07"					F-48-71-A-a
khau Trì	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 03"	107° 01' 46"					F-48-71-A-a
quốc lộ 4B	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 52"	107° 12' 37"					F-48-71-A-b
thôn Bản Hả	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 13"	107° 14' 56"					F-48-71-B-a
cầu Bản Hả	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 05"	107° 14' 59"					F-48-71-B-a
núi Khau Pha	SV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 54"	107° 11' 24"					F-48-71-A-b
thôn Khe Cây	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 20"	107° 12' 50"					F-48-71-A-b
cầu Khe Cây	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 26"	107° 13' 13"					F-48-71-A-b
bản Khe Hả	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 23' 23"	107° 10' 55"					F-48-71-A-b
suối Khe Hả	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 08"	107° 14' 35"	21° 24' 23"	107° 15' 44"	F-48-71-A-b
thôn Khe Lim	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 17"	107° 14' 46"					F-48-71-A-b
thôn Khe Mỏ	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 46"	107° 14' 15"					F-48-71-A-b
cầu Khe Mỏ	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 55"	107° 14' 02"					F-48-71-A-b
thôn Khe Pạc	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 37"	107° 13' 41"					F-48-71-A-b
suối Khe Phạ	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 24"	107° 11' 15"	21° 23' 24"	107° 10' 20"	F-48-71-A-b
thôn Khe Trôi	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 11"	107° 12' 23"					F-48-71-A-b
suối Khe Trôi	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 12' 34"	21° 24' 55"	107° 14' 02"	F-48-71-A-b
thôn Khe Váp	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 10' 45"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Váp	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 22' 38"	107° 10' 16"	21° 22' 06"	107° 10' 25"	F-48-71-A-b
làng Nà Pèo	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 36"	107° 13' 01"					F-48-71-A-b
thôn Nà Phai	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 19"	107° 13' 29"					F-48-71-A-b
sông Phố Cũ	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 26' 00"	107° 12' 38"	21° 24' 39"	107° 15' 10"	F-48-71-A-b
thôn Bắc Xa	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 24"	107° 20' 29"					F-48-59-D
núi Bạch Thịnh	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 43' 33"	107° 16' 12"					F-48-59-D
thôn Bản Vần	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 47"	107° 15' 14"					F-48-59-D
thôn Bản Háng	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 54"	107° 17' 24"					F-48-59-D
thôn Bản Mạ	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 41' 10"	107° 18' 30"					F-48-59-D
suối Bản Mạ	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 17"	107° 19' 43"	21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
suối Bản quây	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 42' 32"	107° 15' 13"	21° 39' 52"	107° 16' 10"	F-48-59-D
thôn Bản Quây	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 25"	107° 16' 00"					F-48-59-D
núi Cao Kiết Sơn	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 43' 09"	107° 15' 09"					F-48-59-D
bản Chè Mùng	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 09"	107° 19' 15"					F-48-59-D
suối Chè Mùng	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 38' 33"	107° 21' 31"	21° 40' 15"	107° 19' 43"	F-48-59-D
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 01"	107° 16' 42"					F-48-59-D
thôn Kéo Cẩn	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 53"	107° 15' 53"					F-48-59-D
núi Kéo Máy	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 19' 41"					F-48-59-D
suối Kéo Máy	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 36' 27"	107° 19' 15"	21° 38' 38"	107° 18' 44"	F-48-59-D
núi Khiếu Pài	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 44' 19"	107° 17' 33"					F-48-59-D
núi Kho Bùng	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 05"	107° 21' 31"					F-48-59-D
núi Khuổi Bật	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 33"	107° 19' 21"					F-48-59-D
cầu Khuổi Chanh	KX	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 15"	106° 18' 02"					F-48-59-D
thôn Khuổi Sâu	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 13"	107° 17' 33"					F-48-59-D
suối khuổi Tà	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 37' 47"	107° 19' 35"	21° 37' 10"	107° 15' 55"	F-48-59-D
bản Khuổi Tà	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 53"	107° 19' 05"					F-48-59-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 51"	107° 17' 31"	21° 37' 46"	107° 14' 31"	F-48-59-D
núi Nà Khang	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 18"	107° 17' 41"					F-48-59-D
thôn Nà Thuộc	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 57"	107° 16' 04"					F-48-59-D
thôn Nè Pè	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 26"	107° 15' 30"					F-48-59-D
núi Ngàn La	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 36' 42"	107° 19' 44"					F-48-59-D
núi Pác Cát	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 36' 30"	107° 18' 35"					F-48-59-D
suối Song Phe	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 42' 03"	107° 18' 20"	21° 41' 06"	107° 18' 22"	F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tấn Lầu	DC	xã Bắc Xá	H. Đình Lập	21° 38' 32"	107° 16' 02"					F-48-59-D
thôn Tấp Tỉnh	DC	xã Bắc Xá	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 17' 16"					F-48-59-D
suối Tấp Tỉnh	TV	xã Bắc Xá	H. Đình Lập			21° 43' 38"	107° 15' 58"	21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
quốc lộ 31	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 44' 01"	107° 11' 50"	21° 34' 09"	107° 07' 56"	F-48-59-C
thôn Bản Chắt	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 50"	107° 10' 22"					F-48-59-C
thôn Bản Mọi	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 58"	107° 07' 44"					F-48-59-C
suối Bản Mọi	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 37' 55"	107° 08' 05"	21° 38' 24"	107° 08' 40"	F-48-59-C
khau Bang	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	20° 49' 56"	107° 10' 11"					F-48-59-C
suối Còn Cà	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 37' 37"	107° 09' 46"	21° 38' 04"	107° 08' 59"	F-48-59-C
làng Còn Khưa	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 18"	107° 07' 55"					F-48-59-C-d
cầu Còn Khưa	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 15"	107° 07' 58"					F-48-59-C-d
thôn Còn Phiêng	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 36"	107° 06' 44"					F-48-59-C
suối Còn Phiêng	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 35"	107° 06' 35"	21° 39' 49"	107° 07' 56"	F-48-59-C
núi Hua Phụ	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 31"	107° 05' 24"					F-48-59-C
núi Kéo Kham	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 25"	107° 06' 12"					F-48-59-C-c
núi Kéo Vèo	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 04"	107° 09' 29"					F-48-59-C
núi Khau Háy	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 56"	107° 10' 10"					F-48-59-C
suối Khuổi Coong	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 34' 15"	107° 08' 57"	21° 35' 44"	107° 08' 47"	F-48-59-C
suối Khuổi Giảo	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 42' 13"	107° 14' 09"	21° 42' 31"	107° 12' 21"	F-48-59-C
núi Khuổi Ngòa	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 40' 11"	107° 06' 12"					F-48-59-C
núi Khuổi O	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 41' 28"	107° 07' 46"					F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 35"	107° 10' 25"	21° 40' 37"	107° 05' 53"	F-48-59-C
bản Lâm Trường 1	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 07"					F-48-59-C
núi Mạ Sùng	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 60"	107° 05' 51"					F-48-59-C
núi Mu	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 40' 03"	107° 06' 07"					F-48-59-C
suối Nà Bó	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 36' 33"	107° 06' 09"	21° 35' 54"	107° 08' 22"	F-48-59-C
cầu Nà Khuông	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 52"	107° 08' 26"					F-48-59-C-d
thôn Nà Lâm	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 26"	107° 11' 05"					F-48-59-C
suối Nà Lâm	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 42' 31"	107° 12' 21"	21° 43' 04"	107° 09' 44"	F-48-59-C
thôn Nà Lòong	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 15"	107° 08' 51"					F-48-59-C
suối Nà Lòong	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 24"	107° 08' 40"	21° 39' 30"	107° 08' 57"	F-48-59-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 21"	107° 09' 02"					F-48-59-C-d
suối Nà Lừa	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 36' 49"	107° 08' 33"	21° 38' 04"	107° 08' 59"	F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Lừa	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 01"	107° 08' 37"					F-48-59-C-d
bản Nà Nghiều	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 58"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
suối Nà Nghiều	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 35' 44"	107° 08' 47"	21° 35' 51"	107° 08' 26"	F-48-59-C
cầu Nà Phạ	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 08' 30"					F-48-59-C-d
bản Nạ Phạ	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 39"	107° 08' 28"					F-48-59-C-d
bản Nà Sang	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 40"	107° 08' 43"					F-48-59-C
núi Niu Lục Duốc	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 07' 02"					F-48-59-C
thôn Pàn Mò	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 33"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
cầu Pàn Mò 2	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 42"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
thôn Pò Háng	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 30"					F-48-59-C
thôn Pò Mát	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 34' 53"	107° 07' 46"					F-48-59-C-d
thôn Pò Phát	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 57"	107° 07' 51"					F-48-59-C
núi Pò Phi Sluong	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 44' 14"	107° 11' 21"					F-48-59-C
núi Pò Toong Pục	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 43' 21"	107° 12' 36"					F-48-59-C
khau Sam chom	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 51"	107° 06' 23"					F-48-59-C
núi Slam Slầu	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 41' 27"	107° 06' 48"					F-48-59-C
thôn Tiên Phi	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 48"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
thôn Trung tâm Lâm Nghiệp 2	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 22"	107° 08' 40"					F-48-59-C-d
khau Vuông	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 34' 41"	107° 07' 03"					F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			20° 58' 39"	107° 08' 09"	21° 25' 52"	107° 12' 37"	F-48-71-A-b
núi Kéo Tắm	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 30' 14"	107° 11' 46"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 12' 30"					F-48-71-A-b
suối Khe Cay	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 28' 26"	107° 10' 01"	21° 28' 26"	107° 10' 01"	F-48-71-A-b
thôn Khe Cù	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 28"	107° 10' 36"					F-48-71-A-b
suối Khe Cù	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 27' 38"	107° 10' 38"	21° 26' 44"	107° 09' 36"	F-48-71-A-b
cầu Khe Cù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 38"	107° 10' 38"					F-48-71-A-b
thôn Khe Điêng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 09' 29"					F-48-71-A-b
thôn Khe Luồng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 42"	107° 11' 30"					F-48-71-A-b
suối Khe Luồng	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 41"	107° 10' 56"	21° 27' 11"	107° 11' 33"	F-48-71-A-b
cầu Khe Mù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 02"	107° 11' 13"					F-48-71-A-b
cầu Khe Mùn	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 19"	107° 10' 01"					F-48-71-A-b
suối Khe Pặn	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 54"	107° 12' 41"	21° 26' 25"	107° 12' 24"	F-48-71-A-b
thôn Khe Pặn Giữa	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 50"	107° 12' 28"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mào Bao	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 06"	107° 10' 29"					F-48-71-A-b
núi Mo Á	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 30"	107° 08' 10"					F-48-71-A-b
thôn Nà Háng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 07"	107° 11' 26"					F-48-71-A-b
thôn Nà Loỏng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 04"	107° 11' 08"					F-48-71-A-b
thôn Nà Nát	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 21"	107° 12' 17"					F-48-71-A-b
thôn Nà Van	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 15"	107° 09' 04"					F-48-71-A-b
cầu Nà Van	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 21"	107° 09' 07"					F-48-71-A-b
thôn Nà Ý	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 49"	107° 11' 38"					F-48-71-A-b
súoi Nam Luông	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 08' 36"	21° 26' 01"	107° 12' 38"	F-48-71-A-b
núi Tầm Moong	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 40"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b
quốc lộ 4B	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 31' 34"	107° 07' 14"	20° 58' 39"	107° 08' 10"	F-48-59-C-d
thôn Bản Chuộn	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 10"	107° 05' 13"					F-48-59-C-c
súoi Bản Chuộn	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 30' 51"	107° 05' 33"	21° 31' 30"	107° 05' 02"	F-48-59-C-c
súoi Bản Pe	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 29' 26"	107° 05' 14"	21° 28' 33"	107° 06' 47"	F-48-71-A-a
thôn Bản Pía	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 05"	107° 06' 02"					F-48-71-A-a
bản Bản Xum	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 34"	107° 04' 50"					F-48-71-A-a
núi Cặm Sác	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 06' 52"					F-48-59-C-c
núi Chom Luông	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 18"	107° 04' 57"					F-48-59-C-c
thôn Đồng Khoang	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 39"	107° 06' 22"					F-48-59-C-c
súoi Đồng Khoang	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 06' 24"	21° 27' 19"	107° 06' 35"	F-48-59-C-c; F-48-71-A-b
khuai Kéo Phúc	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 06' 17"					F-48-59-C-c
thôn Khe Bó	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 16"					F-48-71-A-a
súoi Khe Bó	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 29' 52"	107° 06' 56"	21° 29' 52"	107° 06' 58"	F-48-71-A-a
bản Khe Luông	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 28"	107° 03' 33"					F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 32"	21° 27' 09"	107° 03' 53"	F-48-71-A-a
núi Mao Lài	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 39"					F-48-71-A-b
bản Nà Cà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 36"	107° 02' 56"					F-48-71-A-a
khuai Phi Sương	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 30"	107° 07' 35"					F-48-59-C-d
núi Pò Diễm	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 10"	107° 02' 57"					F-48-71-A-a
thôn Quang Hoà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 08' 04"					F-48-59-C-d
cầu Quang Hoà	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 57"	107° 07' 49"					F-48-59-C-d
quốc lộ 31	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 18"	107° 03' 11"	21° 34' 12"	107° 08' 10"	F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4B	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập							
thôn Bản Chuông	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 29"	107° 03' 17"					F-48-59-C-c
cầu Bình Chương	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 01"	107° 04' 27"					F-48-59-C-c
thôn Bình Chương 1	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 13"	107° 04' 16"					F-48-59-C-c
bản Châu Mỏ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 06"	107° 04' 29"					F-48-59-C-c
bản Cồn Áng	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 02' 59"					F-48-59-C-c
suối Cồn Chí	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 35' 51"	107° 01' 31"	21° 35' 29"	107° 03' 09"	F-48-59-C-c
thôn Cồn Đuống	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 50"	107° 04' 55"					F-48-59-C-c
thôn Cồn Mỏ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 34' 59"	107° 04' 35"					F-48-59-C-c
thôn Cồn Quan	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 37' 47"	107° 03' 44"					F-48-59-C
thôn Cồn Sung	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 23"	107° 02' 02"					F-48-59-C-c
cầu Cồn Sung	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 27"	107° 02' 07"					F-48-59-C-c
bản Cồn Tầm	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 52"	107° 02' 20"					F-48-59-C-c
suối Cồn Tầm	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 47"	107° 02' 28"	21° 32' 11"	107° 04' 22"	F-48-59-C-c
núi Coóc Ngành	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 01"	107° 05' 10"					F-48-59-C-c
khuối Dài	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 28"	107° 03' 05"					F-48-59-C-c
khuối Hấu	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 00"	107° 06' 25"	21° 32' 47"	107° 06' 07"	F-48-59-C-c
bản Kéo Cọ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 38' 50"	107° 03' 31"					F-48-59-C
thôn Khe Mạ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 04"	107° 06' 45"					F-48-59-C-c
thôn Khe Vuông	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 23"	107° 06' 54"					F-48-59-C-c
cầu Khe Vuông	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 23"	107° 06' 59"					F-48-59-C-c
núi Khuổi Cải	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 04' 19"					F-48-59-C-c
thôn Kim Quán	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 41"	107° 04' 15"					F-48-59-C-c
suối Làng Em	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 48"	107° 05' 11"	21° 35' 19"	107° 04' 08"	F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 38' 36"	107° 00' 14"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
khuối Luông	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 36' 19"	107° 05' 34"	21° 34' 25"	107° 04' 11"	F-48-59-C-c
khe Mạ	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 25"	107° 07' 09"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
núi Mè Mải	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 22"	107° 05' 29"					F-48-59-C-c
khuối Mùn	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 36' 54"	107° 02' 44"	21° 35' 38"	107° 03' 01"	F-48-59-C-c
bản Nà Dặc	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 38' 14"	107° 03' 31"					F-48-59-C
núi Nà Khau	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 52"	107° 04' 21"					F-48-59-C-c
bản Nà Lắc	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 56"	107° 03' 23"					F-48-59-C-c
thôn Nà Pá	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 47"	107° 02' 58"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Pá	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 40"	107° 03' 01"					F-48-59-C-c
núi Nà Tăng	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 13"	107° 05' 51"					F-48-59-C-c
suối Nà Tăng	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 31' 47"	107° 05' 57"	21° 31' 57"	107° 04' 31"	F-48-59-C-c
khuổi Nhương	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 35' 02"	107° 01' 54"	21° 33' 47"	107° 02' 28"	F-48-59-C-c
núi Phạ Lác	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 56"	107° 03' 09"					F-48-59-C-c
thôn Phật Chỉ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 28"	107° 06' 24"					F-48-59-C-c
thôn Pò Khoang	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 40' 27"	107° 04' 06"					F-48-59-C
thôn Pò Tấu	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 03' 43"					F-48-59-C-c
cầu Pò Tấu	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 15"	107° 03' 37"					F-48-59-C-c
bản Pò Vành	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 21"	107° 06' 21"					F-48-59-C-c
khau Sam Chom	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 37' 20"	107° 05' 29"					F-48-59-C-c
khuổi Sáy	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 15"	107° 06' 52"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
núi Sum Ngần	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 10"	107° 06' 09"					F-48-59-C-c
thôn Tà Hón	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 03"	107° 03' 50"					F-48-59-C-c
cầu Tà Hón	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 02"	107° 03' 55"					F-48-59-C-c
khau Úc	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 06"	107° 03' 34"					F-48-59-C-c
sông Đồng Quy	TV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập			21° 27' 19"	107° 06' 35"	21° 25' 02"	107° 07' 14"	F-48-71-A-a
núi Khe Buông	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 26' 20"	107° 06' 08"					F-48-71-A-a
núi Khe Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 58"	107° 10' 33"					F-48-71-A-b
thôn Khe Lạn	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 19"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b
suối Khe Lạn	TV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập			21° 24' 10"	107° 08' 38"	21° 22' 55"	107° 08' 00"	F-48-71-A-b
thôn Nà Ngoà	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 26' 41"	107° 06' 40"					F-48-71-A-a
thôn Nà Quan	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 49"	107° 07' 23"					F-48-71-A-a
thôn Nà Soong	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 25' 06"	107° 07' 07"					F-48-71-A-a
bản Pắc Coóc	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 23' 04"	107° 08' 02"					F-48-71-A-b
thôn Pắc Dầu	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 23' 54"	107° 06' 54"					F-48-71-A-a
núi Pắc Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 06' 05"					F-48-71-A-a
thôn Bản Chạo	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 39' 08"	107° 11' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Có	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 49"	107° 11' 28"					F-48-59-C-d
suối Bản Có	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 24"	107° 11' 37"	21° 37' 02"	107° 11' 36"	F-48-59-C-d
thôn Bản Hang	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 36' 58"	107° 11' 29"					F-48-59-C-d
thôn Bản Lự	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 50"	107° 13' 60"					F-48-59-C
thôn Bản Mục	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 10"	107° 12' 55"					F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Mực	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 08"	107° 13' 40"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
thôn Bản Phục	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 13"	107° 11' 19"					F-48-59-C-d
thôn Bản Pía	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 57"	107° 10' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Táng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 41"	107° 14' 15"					F-48-59-C-d
suối Bản Táng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 53"	107° 14' 12"	21° 37' 47"	107° 13' 28"	F-48-59-C-d
bản Bản Tùm	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 34' 01"	107° 11' 22"					F-48-59-C-d
khe Bùng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 34' 03"	107° 10' 28"	21° 34' 55"	107° 10' 56"	F-48-59-C-d
thôn Hìn Dăm	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 43"	107° 09' 13"					F-48-59-C-d
suối Khau Cát	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 41' 27"	107° 13' 16"	21° 38' 30"	107° 10' 59"	F-48-59-C
bản Khau Diu	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 12' 01"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	20° 35' 56"	107° 12' 20"					F-48-59-C-d
núi Khau Mè	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 38' 26"	107° 10' 09"					F-48-59-C
núi Khau Sao	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 14"	107° 08' 24"					F-48-59-C-d
thôn Khe Bùng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 54"	107° 10' 05"					F-48-59-C-d
thôn Khe Luồng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 58"	107° 10' 31"					F-48-59-C-d
suối Khe Luồng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 31' 05"	107° 12' 05"	21° 30' 23"	107° 11' 08"	F-48-59-C-d
suối Khe Moòng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 33' 54"	107° 11' 59"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
núi Khuổi Luồng	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 13' 26"					F-48-59-C
núi Khuổi Mỏ	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 14' 20"					F-48-59-C-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 37' 46"	107° 14' 31"	21° 38' 35"	107° 10' 25"	F-48-59-C
núi Mòng Vài	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 06"	107° 11' 44"					F-48-59-C-d
thôn Pắc Thút	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 38"	107° 12' 57"					F-48-59-C
núi Quang Hoà	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 29"	107° 10' 44"					F-48-59-C-d
khau Sung Khôn	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 40' 49"	107° 12' 15"					F-48-59-C
thôn Bản Lạn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 57"	107° 03' 08"					F-48-71-A-a
bản Bình Lâm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 03"	107° 01' 08"					F-48-71-A-c
bản Bình Thắng	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 21"	107° 04' 54"					F-48-71-A-a
núi Cao Lương	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 00"	107° 01' 41"					F-48-71-A-a
núi Cao Phây	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 23"	107° 03' 34"					F-48-71-A-a
khuổi Chim	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 08"	107° 02' 46"	21° 22' 23"	107° 01' 41"	F-48-71-A-c
núi Cốc Mười	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 21"	107° 02' 12"					F-48-71-A-c
khuổi Dăm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 00' 07"	21° 25' 34"	107° 01' 18"	F-48-71-A-a
khau Đông Sao	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 41"	107° 02' 01"					F-48-71-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Giáng	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 35"	106° 59' 47"					F-48-70-B-b
núi Khao Tân	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 37"	106° 59' 25"					F-48-70-B-b
núi Khau Cải	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 11"	107° 02' 09"					F-48-71-A-a
bản Khe Buông	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 22"	107° 05' 20"					F-48-71-A-a
suối Khe Buông	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 05' 04"	21° 25' 03"	107° 03' 53"	F-48-71-A-a
thôn Khe Ca	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 01' 38"					F-48-71-A-c
thôn Khe Chim	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 32"	107° 02' 21"					F-48-71-A-c
thôn Khe Dăm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 45"	107° 01' 02"					F-48-71-A-a
thôn Khe Lằm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 16"	107° 04' 45"					F-48-71-A-a
thôn Khe Sen	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 04' 07"					F-48-71-A-c
suối Khe Sen	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 52"	107° 04' 11"	21° 22' 15"	107° 04' 32"	F-48-71-A-c
thôn Khe Xiếc	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 25"	106° 59' 48"					F-48-70-B-b
khuổi Lằm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 28"	107° 05' 11"	21° 24' 29"	107° 04' 37"	F-48-71-A-a
khuổi Lấp	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 21"	107° 02' 02"	21° 26' 12"	107° 01' 34"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 09"	107° 03' 53"	21° 23' 24"	106° 59' 07"	F-48-71-A-a
khuổi Mười	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 05"	107° 02' 14"	21° 21' 20"	107° 01' 46"	F-48-71-A-c
thôn Nà Cút	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 32"	107° 03' 56"					F-48-71-A-a
khau Nà Đình	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 02"	107° 00' 19"					F-48-71-A-c
bản Nà Khu	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 49"	107° 03' 57"					F-48-71-A-a
thôn Pá Pháy	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 37"	107° 00' 14"					F-48-71-A-c
thôn Pắc Vằn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 53"	107° 01' 34"					F-48-71-A-a
khau Phạ Khả	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 20' 34"	107° 00' 57"					F-48-71-A-c
núi Phạ Lớ	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 37"	107° 00' 37"					F-48-71-A-a
núi Pò Phầy	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 41"	107° 00' 25"					F-48-71-A-a
khuổi Soong	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 00' 19"	21° 25' 41"	107° 01' 13"	F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 19"	107° 03' 11"	21° 29' 28"	107° 02' 34"	F-48-59-C-c
thôn Bản Chu	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 53"	106° 58' 44"					F-48-70-B-b
thôn Bản Mục	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	106° 59' 54"					F-48-70-B-b
thôn Bản Piềng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 15"	106° 58' 33"					F-48-70-B-d
suối Đông Mỏ	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 33' 23"	107° 00' 46"	21° 32' 50"	107° 01' 30"	F-48-59-C-c
núi Khau Cút	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 54"	107° 00' 51"					F-48-59-C-c
núi Khau O	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 46"	107° 00' 06"					F-48-71-A-a
núi Khau Trạng	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 36"	107° 02' 17"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe Cháy	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 40"	107° 02' 19"					F-48-59-C-c
suối Khe Cháy	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 30' 59"	107° 01' 14"	21° 30' 39"	107° 02' 23"	F-48-59-C-c
cầu Khe Cháy	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 02' 29"					F-48-59-C-c
suối Khe Đa	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 29"	107° 01' 15"	21° 30' 59"	107° 01' 45"	F-48-59-C-c
thôn Khe Đa 1	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập							
thôn Khe Đa 2	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập							
thôn Khe Hìn	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 39"	106° 54' 31"					F-48-70-B-b
núi Khe Hìn	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 33"	106° 57' 50"					F-48-70-B-b
thôn Khe Sân	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 33' 25"	107° 00' 42"					F-48-59-C-c
bản Khuổi Chộc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 42"	107° 00' 04"					F-48-59-C-c
bản Khuổi Cọ	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 59"	106° 55' 23"					F-48-70-B-b
núi Khuổi Tàn	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 32' 30"	107° 01' 44"					F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 17"	107° 03' 12"	21° 29' 27"	107° 02' 35"	F-48-59-C-c
khau Mào Lạnh	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 40"	107° 01' 25"					F-48-71-A-a
khau Mào Tầm	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 34' 08"	107° 01' 09"					F-48-59-C-c
bản Nà Hìn	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 53"	106° 57' 34"					F-48-70-B-b
bản Nà Luông	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 44"	107° 02' 53"					F-48-59-C-c
bản Nà Phải	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	106° 58' 07"					F-48-70-B-b
bản Nà Vàng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 04"	106° 57' 11"					F-48-70-B-b
hồ Pắc Làng	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 24"	107° 00' 38"					F-48-71-A-a
cầu Pắc Văng	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 59"	107° 02' 52"					F-48-59-C-c
khau Phai Sáo	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 32"	107° 00' 03"					F-48-71-A-a
thôn Văng Chộc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 18"	107° 01' 30"					F-48-59-C-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng			21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 29' 58"	106° 19' 50"	F-48-57-D-c
khu Cầu Mười	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 37"	106° 20' 02"					F-48-57-D-c
khu Na Đầu	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 53"	106° 20' 31"					F-48-57-D-c
khu Tân Mỹ	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 21' 25"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng			21° 32' 38"	106° 22' 31"	21° 33' 21"	106° 26' 02"	F-48-57-D-d
thôn Ba Nàng	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 22' 56"					F-48-57-D-d
núi Cao Bằng	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
núi Chùa Am	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 16"	106° 23' 31"					F-48-57-D-d
thôn Đá Đỏ	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 19"	106° 23' 35"					F-48-57-D-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 09"	106° 25' 09"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Ngầu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 04"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Thuốc	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 31"	106° 23' 21"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Tranh	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 25' 52"					F-48-57-D-d
làng Giăn	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 43"					F-48-57-D-d
thôn Hồng Châu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Làng Bến	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 45"	106° 23' 34"					F-48-57-D-d
đèo Lừa	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 35"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng			21° 31' 00"	106° 23' 17"	21° 32' 49"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
thôn Vân Tảo	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 27"	106° 25' 19"					F-48-57-D-d
núi Xà Vện	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
thôn Ao Lão	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 02"	106° 17' 19"					F-48-57-D-c
rừng Bãi Lạc	KX	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 39"	106° 17' 24"					F-48-69-B-a
thôn Bản Mới	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 15"	106° 17' 13"					F-48-57-D-c
thôn Cốc Lũng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 15' 51"					F-48-57-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 32"	106° 17' 10"					F-48-69-B-a
thôn Đồng Mỹ	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 30"	106° 16' 23"					F-48-57-D-c
thôn Gióng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 31"	106° 14' 37"					F-48-57-C-d
thôn Lương	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 15' 09"					F-48-69-B-a
thôn Phủ Đô	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 05"	106° 16' 45"					F-48-57-D-c
thôn Suối Tràng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 16' 06"					F-48-57-D-c
suối Tràng	TV	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng			21° 31' 13"	106° 16' 19"	21° 30' 47"	106° 15' 55"	F-48-57-D-c
thôn Vận	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 23"	106° 16' 29"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng			21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 32' 37"	106° 22' 36"	F-48-57-D-d
thôn Bãi Vàng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 20' 40"					F-48-57-D-c
thôn Bến Kim	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 08"	106° 22' 57"					F-48-57-D-d
làng Cây Chầy	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 05"	106° 22' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Heo	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 20' 30"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lai	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 38"	106° 21' 29"					F-48-57-D-c
thôn Gốc Me	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 55"	106° 22' 09"					F-48-57-D-c
thôn Làng Cản	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 22' 16"					F-48-57-D-c
thôn Làng Ngóc	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
núi Nón	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 14"	106° 21' 02"					F-48-57-D-c
đèo Phiếu	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 33' 24"	106° 22' 12"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Rừng Dong	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 21' 36"					F-48-57-D-c
thôn Sậy Hạ	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 29' 52"	106° 21' 47"					F-48-69-B-a
thôn Sậy Thượng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 11"	106° 22' 02"					F-48-57-D-c
làng Ba Trăm	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 45"	106° 12' 59"					F-48-57-C-d
trại Cao	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 22"	106° 10' 26"					F-48-57-C-d
hồ Chiến thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 10' 45"					F-48-57-C-d
mường Chiến Thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 30' 46"	106° 12' 24"	21° 30' 55"	106° 10' 49"	F-48-57-C-d
làng Công Sư	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 10' 33"					F-48-57-C-d
thôn Địa Phận	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 12' 28"					F-48-57-C-d
suối Lân Bạc	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 14"	106° 11' 28"	21° 30' 52"	106° 10' 40"	F-48-57-C-d
thôn Lân Châm - Đèo Cáo	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 11' 14"					F-48-57-C-d
thôn Lân Luông	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 12' 07"					F-48-57-C-d
thôn Làng Cà	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 21"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Làng Gia	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 25"	106° 11' 58"					F-48-57-C-d
thôn Làng Quặng	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 47"	106° 11' 12"					F-48-57-C-d
thôn Liên Phương	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Mỏ Ấm	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 10' 49"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Hương	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 53"	106° 10' 41"	21° 31' 21"	106° 10' 41"	F-48-57-C-d
trại giam Ngọc Lý 1	KX	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 12"	106° 12' 53"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Gia	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 24"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Sơn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 24' 07"					F-48-57-D-d
làng Gia Thọ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 10"	106° 22' 28"					F-48-69-B-b
làng Nà Lặng	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 22' 57"					F-48-69-B-b
làng Nà Tầm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 24' 27"					F-48-57-D-d
thôn Na Ví	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 09"	106° 23' 03"					F-48-57-D-d
thôn Phố Vị	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 40"	106° 22' 39"					F-48-69-B-b
thôn Sơn Hồ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 56"	106° 22' 47"					F-48-69-B-b
thôn Tám Nhăm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 13"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
thôn Tân Hoa	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 21' 58"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng			21° 31' 00"	106° 23' 10"	21° 28' 35"	106° 22' 04"	F-48-57-D-d
thôn Trại Nhạn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 07"	106° 22' 51"					F-48-69-B-b
núi Bến Ngạn	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 42"	106° 16' 43"					F-48-57-D-c
núi Canh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 21"	106° 18' 29"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Lốc	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 20"	106° 17' 32"					F-48-57-D-c
núi Hút Tre	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 26"	106° 20' 18"					F-48-57-D-a
đèo Kênh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 31"	106° 18' 17"					F-48-57-D-c
núi Kha	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 55"	106° 19' 01"					F-48-57-D-a
núi Lái Xe	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 17' 42"					F-48-57-D-c
đèo Lân Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 19' 02"					F-48-57-D-a
núi Lân Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 17"	106° 19' 14"					F-48-57-D-a
núi Lân De	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 40"	106° 17' 17"					F-48-57-D-a
núi Lân Đò	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 45"	106° 19' 56"					F-48-57-D-a
núi Lân Rươi	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 09"	106° 18' 21"					F-48-57-D-a
núi Ngang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 44"	106° 16' 07"					F-48-57-D-a
thôn Non Hương	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 14"	106° 17' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tô Hiệu	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 33"					F-48-57-D-c
thôn Trảng	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 38"	106° 17' 06"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng			21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 34' 56"	106° 16' 35"	F-48-57-D-c
thôn Vĩnh Yên	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 17' 12"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng							
sưởi Cây Đu	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 14"	106° 28' 49"	21° 31' 25"	106° 29' 52"	F-48-57-D-d
xóm Cây Hồng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 28' 37"					F-48-57-D-d
thôn Chằm Non	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 26' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Sáu	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 48"	106° 27' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Tư	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 42"	106° 27' 03"					F-48-57-D-d
núi Đèo Bụt	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 37"	106° 28' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Luồng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
xóm Gốc Đa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 31"	106° 28' 06"					F-48-57-D-d
núi Khau Hồ	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 12"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
sưởi Luộc	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 32' 55"	106° 29' 49"	21° 32' 41"	106° 30' 27"	F-48-58-C-c
thôn Rừng Cắm	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 27' 11"					F-48-57-D-d
thôn Tam Hợp	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 28' 17"					F-48-57-D-d
thôn Tắng Mật	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 05"	106° 28' 58"					F-48-57-D-d
xóm Thịnh Hòa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 16"	106° 29' 47"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 25"	106° 28' 15"	21° 32' 47"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
thôn Việt Thắng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 17"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Ảng	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 28' 45"					F-48-57-D-d
xóm Ao Ca	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 09"	106° 26' 26"					F-48-57-D-d
xóm Ao Lợn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 27' 20"					F-48-57-D-d
xóm Ao Trượng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 57"	106° 27' 25"					F-48-57-D-d
đèo Bà	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 39"	106° 26' 32"					F-48-57-D-d
xóm Ba Khe	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 38"	106° 27' 10"					F-48-69-B-b
núi Cây Đào	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 29' 49"					F-48-57-D-d
thôn Đèo Bà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 38"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Giản	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 20"	106° 27' 35"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Lâm	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 26' 47"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Ngãng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 28"	106° 27' 46"					F-48-57-D-d
núi Đông Sung	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 20"	106° 27' 01"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trong	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 26' 38"					F-48-57-D-d
núi Gia Cò	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 48"	106° 28' 41"					F-48-57-D-d
xóm Gốc Phưông	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 23"					F-48-69-B-b
đồi Gốc Thị	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 35"	106° 29' 13"					F-48-57-D-d
thôn Hố Mười	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 19"	106° 29' 35"					F-48-57-D-d
thôn Hố Quýt	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 56"	106° 28' 06"					F-48-69-B-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 50"	106° 28' 00"					F-48-57-D-d
núi Khuôn Pinh	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 28' 48"					F-48-57-D-d
đập Khuôn Pinh	KX	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 28' 18"					F-48-69-B-b
xóm Làng Cháo	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 56"					F-48-69-B-b
xóm Liên Ninh	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 51"	106° 27' 35"					F-48-57-D-d
xóm Minh Cường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 21"	106° 27' 19"					F-48-69-B-b
suối Nghè	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 29' 60"	106° 22' 19"	21° 29' 28"	106° 27' 17"	F-48-69-B-b
xóm Ngọn Suối	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 25"	106° 28' 36"					F-48-69-B-b
thôn Suối Trà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 29"	106° 29' 06"					F-48-57-D-d
suối Trà	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 02"	106° 28' 45"	21° 31' 11"	106° 29' 00"	F-48-57-D-d
thôn Trại Dạ	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 26"	106° 27' 46"					F-48-69-B-b
núi Bảo Đài	SV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 00"	106° 21' 00"					F-48-69-B-a
suối Cát	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 27' 46"	106° 22' 23"	21° 28' 01"	106° 21' 29"	F-48-69-B-a
thôn Cốc Lũng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 05"	106° 23' 13"					F-48-69-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đất Đỏ	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 38"	106° 23' 03"					F-48-69-B-b
xóm Hồ Tông	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 26"	106° 20' 37"					F-48-69-B-a
xóm Hồ Trì	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 46"	106° 19' 57"					F-48-69-B-a
thôn Hồ Vất	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 04"	106° 23' 49"					F-48-69-B-b
thôn Lán Thân	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 30"	106° 22' 25"					F-48-69-B-b
xóm Mỏ Cửa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 58"	106° 20' 13"					F-48-69-B-a
thôn Phú Hòa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 53"	106° 23' 20"					F-48-69-B-b
thôn Suối Ngang	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 08"	106° 21' 44"					F-48-69-B-a
xóm Tứ Xuyên	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 24"	106° 22' 54"					F-48-69-B-b
thôn Vạn Thắng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 22"	106° 22' 37"					F-48-69-B-b
ga Voi Xô	KX	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 26"	106° 20' 04"					F-48-69-B-a
suối Xe Diều	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 24' 20"	106° 20' 55"	21° 26' 26"	106° 19' 46"	F-48-69-B-a
thôn Xóm Chùa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 28"	106° 22' 23"					F-48-69-B-a
thôn Xóm Mới	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 53"	106° 21' 55"					F-48-69-B-a
thôn Ao Bãi	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 23"	106° 22' 46"					F-48-57-D-b
thôn Ba Lặng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
núi Buồng Hiếu	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 43"	106° 22' 36"					F-48-57-D-b
đèo Căng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 16"	106° 23' 14"					F-48-57-D-a
núi Canh Tay	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
núi Canh Trung	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 34"	106° 21' 32"					F-48-57-D-a
núi Chũng Hồng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 11"	106° 23' 15"					F-48-57-D-b
làng Cửa Chùa	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 24"	106° 22' 45"					F-48-57-D-b
suối Đồng Dưới	TV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng			21° 37' 50"	106° 22' 12"	21° 37' 59"	106° 23' 08"	F-48-57-D-a
làng Gò Mon	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 08"	106° 22' 29"					F-48-57-D-a
núi Khau Kinh	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 20"	106° 23' 39"					F-48-57-D-b
núi Lân Bương	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 10"	106° 22' 50"					F-48-57-D-b
làng Lân Cát	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 40"	106° 22' 36"					F-48-57-D-b
thôn Lân Châu	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 03"	106° 22' 46"					F-48-57-D-b
làng Lân Chục Tang	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 04"	106° 22' 47"					F-48-57-D-b
thôn Lân Coóc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 54"	106° 24' 40"					F-48-57-D-b
thôn Lân Đặt	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 36"					F-48-57-D-a
đèo Lân Đặt	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 02"	106° 20' 26"					F-48-57-D-a
làng Lân Hắng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 24' 49"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân Hảy Ngoài	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 28"	106° 21' 44"					F-48-57-D-a
làng Lân Hảy Trong	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 11"	106° 21' 09"					F-48-57-D-a
làng Lân Rằm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 41"	106° 23' 05"					F-48-57-D-b
núi Lân Sóc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 48"	106° 21' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Bên	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 51"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Làng Cướm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 48"	106° 22' 27"					F-48-57-D-a
thôn Làng Que	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 24"	106° 22' 19"					F-48-57-D-a
đèo Lỗi Hùm	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 35"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
thôn Nà Nọc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 15"	106° 24' 43"					F-48-57-D-b
đèo Nà Nọc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 16"	106° 24' 42"					F-48-57-D-b
đèo Quéo	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 52"	106° 23' 31"					F-48-57-D-b
đèo Trá	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
đồi Cây Thị	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 14"	106° 19' 24"					F-48-69-B-a
thôn Chim	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 21' 32"					F-48-69-B-a
thôn Chùa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 27"	106° 21' 52"					F-48-69-B-a
xóm Đồng Sậy	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 02"	106° 20' 06"					F-48-69-B-a
thôn Hẩu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 23"	106° 21' 02"					F-48-69-B-a
xóm Keo	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 13"	106° 20' 46"					F-48-69-B-a
thôn Mới	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 26' 58"	106° 19' 03"					F-48-69-B-a
trại Nèo Tíu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 19"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng			21° 27' 08"	106° 18' 36"	21° 29' 08"	106° 21' 48"	F-48-69-B-a
đồi Tranh Vẽ	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 50"	106° 21' 19"					F-48-69-B-a
xóm Xa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 03"	106° 20' 27"					F-48-69-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 26' 47"	106° 17' 26"	21° 29' 35"	106° 20' 06"	F-48-69-B-a
thôn Bến Lường	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 10"	106° 17' 32"					F-48-69-B-a
thôn Có Ngoài	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 19' 48"					F-48-69-B-a
thôn Có Trong	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 19' 01"					F-48-69-B-a
thôn Coóc Mò	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 22"	106° 19' 33"					F-48-57-D-c
xóm Diện	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 42"	106° 19' 34"					F-48-69-B-a
thôn Hồ Mười	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 56"	106° 18' 25"					F-48-57-D-c
rừng Hồ Rỗng	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 38"	106° 17' 06"					F-48-69-B-a
trường Lâm Nghiệp	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 58"	106° 17' 39"					F-48-69-B-a
đèo Lỗ Hỏm	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 19' 02"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Lò Ngói	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 02"	106° 19' 35"					F-48-69-B-a
xóm Lót	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 18' 46"					F-48-69-B-a
thôn Lót - Bò Các	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 55"	106° 18' 45"					F-48-69-B-a
cầu Lường	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 26' 47"	106° 17' 26"					F-48-69-B-a
núi Tiên	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 35"	106° 17' 44"					F-48-57-D-c
thôn Văn Miêu	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 17' 54"					F-48-69-B-a
thôn Bến Cát	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 52"	106° 16' 25"					F-48-57-D-c
thôn Bến Cồn	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 12"	106° 15' 45"					F-48-57-D-c
núi Con Ngỗng	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 15' 32"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bé	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 18"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Càng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lão	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 34' 05"	106° 16' 52"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Phúc	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 17"	106° 17' 20"					F-48-57-D-c
thôn Hồ Vạng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 33"	106° 17' 28"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 36"	106° 17' 24"					F-48-57-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 32"	106° 17' 05"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng			21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 33' 07"	106° 17' 53"	F-48-57-D-c
xóm Vũng Dừng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 54"	106° 16' 50"					F-48-57-D-c
thôn Duyên Tiến	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 32"	106° 19' 19"					F-48-57-D-c
núi Đá Ngăn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 08"	106° 20' 07"					F-48-57-D-c
thôn Đoàn Kết	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 29"	106° 19' 45"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 17' 59"					F-48-57-D-c
núi Lân Hoàn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 19' 27"					F-48-57-D-c
núi Mỏ Phát	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 50"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 57"	106° 19' 47"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hoa	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 01"	106° 19' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 27"	106° 20' 04"					F-48-57-D-c
thôn Tân Tạo	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 18' 44"					F-48-57-D-c
thôn Tân Thịnh	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 18' 36"					F-48-57-D-c
thôn Trại Diêm	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 51"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng			21° 33' 07"	106° 17' 53"	21° 32' 31"	106° 20' 04"	F-48-57-D-c
thôn Tự Nhiên	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 45"	106° 20' 01"					F-48-57-D-c
thôn Bầm	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 56"	106° 12' 39"					F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bờ Linh	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 54"	106° 12' 14"					F-48-57-C-b
thôn Bông	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 46"	106° 13' 10"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Thia	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 24"	106° 11' 49"					F-48-57-C-d
xóm Hang Cao	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 31"	106° 11' 35"					F-48-57-C-b
thôn Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 28"	106° 13' 39"					F-48-57-C-d
xóm Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 50"	106° 13' 23"					F-48-57-C-b
núi Lân Vần	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 49"	106° 12' 03"					F-48-57-C-b
hồ Lân Vần	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 50"	106° 12' 21"					F-48-57-C-b
mương Lân Vần	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 35"	106° 14' 44"	21° 38' 41"	106° 12' 13"	F-48-57-C-b
núi Lướt	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 03"	106° 12' 47"					F-48-57-C-b
xóm Mắc Cày	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 12' 17"					F-48-57-C-b
núi Mỏ Nghiến	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 12' 17"					F-48-57-C-d
núi Nấm Cơm	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 40"	106° 12' 06"					F-48-57-C-b
suối Nậm Cơm	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 24"	106° 11' 43"	21° 38' 17"	106° 12' 26"	F-48-57-C-b
suối Niu	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 39"	106° 12' 58"	21° 37' 37"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Rây	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 11' 57"					F-48-57-C-b
thôn Trắng	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 51"	106° 13' 47"					F-48-57-C-b
sông Trung	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 38' 41"	106° 11' 23"	21° 37' 30"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Dốc Mới 1	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 53"	106° 20' 09"					F-48-69-B-a
thôn Dốc Mới 2	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 34"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
thôn En	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 27"	106° 20' 32"					F-48-69-B-a
xóm Mới	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 46"	106° 20' 21"					F-48-69-B-a
thôn Na Hoa	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 37"	106° 21' 24"					F-48-69-B-a
thôn Ngòi Na	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 08"	106° 21' 09"					F-48-69-B-a
thôn Trường Sơn	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 20' 52"					F-48-69-B-a
suối Chùa	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 15"	106° 14' 16"	21° 34' 54"	106° 13' 56"	F-48-57-C-d
thôn Đá Mài	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 13"					F-48-57-C-d
núi Đèo Thập	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 14' 26"					F-48-57-C-d
xóm Đồng Cạn	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 56"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Mạ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 30"	106° 14' 05"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Sinh	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 13' 20"					F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 28"	106° 13' 10"	21° 35' 25"	106° 14' 10"	F-48-57-C-d
xóm Hản	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 45"	106° 14' 30"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hợp Thành	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 22"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
đèo Lân Cản	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 15' 44"					F-48-57-D-c
núi Lân Cản	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 09"	106° 16' 02"					F-48-57-D-c
thôn Lân Mơ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 15' 01"					F-48-57-D-c
núi Lân Nửa	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 57"					F-48-57-D-c
núi Lân Vài	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 40"					F-48-57-D-c
thôn Lân Vầu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 39"	106° 14' 53"					F-48-57-C-d
súoi Ồ Ồ	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 16"	106° 12' 38"	21° 35' 28"	106° 13' 10"	F-48-57-C-d
thôn Tân Châu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 07"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
thôn Ao Kham	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 58"	106° 25' 13"					F-48-69-B-b
làng Ao Măng	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 50"	106° 25' 44"					F-48-69-B-b
thôn Bắc Lệ	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
đèo Bẩn Bia	SV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 31' 11"	106° 26' 00"					F-48-57-D-d
làng Cầu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 48"	106° 25' 24"					F-48-69-B-b
làng Cầu Con	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 10"	106° 25' 07"					F-48-57-D-d
thôn Cây Sấu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 26' 23"					F-48-69-B-b
thôn Đồng Cây	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 58"	106° 24' 52"					F-48-69-B-b
làng Giầu Sang	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 24' 41"					F-48-57-D-d
làng Gốc Có	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 43"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Gốc Gạo	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 25' 30"					F-48-57-D-d
súoi Khuôn Nghè	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 29' 06"	106° 27' 04"	21° 27' 05"	107° 26' 53"	F-48-69-B-b
thôn Làng Cống	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 25' 53"					F-48-69-B-b
thôn Làng Ngón	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 14"	106° 24' 37"					F-48-69-B-b
làng Lào Cai	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 33"	106° 24' 54"					F-48-69-B-b
thôn Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 57"	106° 26' 28"					F-48-69-B-b
súoi Vĩ	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 26' 40"	106° 24' 50"	21° 28' 26"	106° 24' 27"	F-48-69-B-b
thôn Vườn Chè	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 55"	106° 24' 47"					F-48-69-B-b
thôn Bàng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 55"	106° 13' 33"					F-48-57-C-d
thôn Diển Dưới	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 30"	106° 12' 58"					F-48-57-C-d
thôn Diển Giữa	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 33"	106° 12' 39"					F-48-57-C-d
thôn Diển Trên	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 12' 08"					F-48-57-C-d
súoi Giao Thủy	TV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 07"	106° 11' 44"	21° 32' 46"	106° 12' 20"	F-48-57-C-d
thôn Lay 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 42"	106° 13' 07"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
thôn Lay 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 13' 41"						F-48-57-C-d
núi Một	SV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 47"	106° 13' 57"						F-48-57-C-d
thôn Na Đàn	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 19"	106° 12' 57"						F-48-57-C-d
thôn Niêng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 14' 00"						F-48-57-C-d
xóm Quýt	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 18"	106° 13' 09"						F-48-57-C-d
xóm Xa Khao	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 13' 30"						F-48-57-C-d
suối Cái	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng			21° 33' 54"	106° 10' 22"	21° 34' 31"	106° 11' 21"		F-48-57-C-d
làng Chung Tiến	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 11' 15"						F-48-57-C-d
hồ Đắp Đề	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 49"	106° 11' 06"						F-48-57-C-d
làng Đèo Cáo	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 33' 10"	106° 10' 50"						F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng			21° 34' 49"	106° 11' 41"	21° 34' 37"	106° 12' 35"		F-48-57-C-d
làng Gốc Tắm	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 11' 56"						F-48-57-C-d
làng Lân	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 33' 39"	106° 11' 09"						F-48-57-C-d
thôn Làng Trang	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 27"	106° 11' 03"						F-48-57-C-d
đèo Ông Đồng	SV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 10' 01"						F-48-57-C-d
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 11' 42"						F-48-57-C-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 35' 16"	106° 12' 04"						F-48-57-C-d
đập Sáp	KX	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 11' 06"						F-48-57-C-d
thôn Cảo	DC	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 31' 17"	106° 13' 34"						F-48-57-C-d
suối Đập	TV	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng			21° 31' 35"	106° 14' 30"	21° 30' 58"	106° 14' 37"		F-48-57-C-d
thôn Hét	DC	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 32' 14"	106° 14' 40"						F-48-57-C-d
núi Làng Hét	SV	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 14' 33"						F-48-57-C-d
suối Mỏ Đinh	TV	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng			21° 32' 06"	106° 14' 01"	21° 32' 18"	106° 14' 25"		F-48-57-C-d
thôn Phổng	DC	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 31' 52"	106° 14' 09"						F-48-57-C-d
thôn Thuyền	DC	xã Văn Nham	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 14' 34"						F-48-57-C-d
núi Châu Bấu	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 14' 13"						F-48-57-C-b
núi Con Cá	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 21"	106° 14' 24"						F-48-57-C-d
núi Đĩa Suối	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 13' 42"						F-48-57-C-d
thôn Đồng Bưa	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 04"						F-48-57-D-c
thôn Đồng Bụt	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 13"	106° 15' 52"						F-48-57-D-c
thôn Đồng Xa	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 41"	106° 14' 41"						F-48-57-C-d
núi Hang Trái	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 16"	106° 15' 30"						F-48-57-D-a
thôn Hồng Gạo	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 14' 44"						F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn La 1	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 29"	106° 15' 09"					F-48-57-D-a
đèo Lân Dỏ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 17"	106° 16' 27"					F-48-57-D-a
núi Lân Dù	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 00"	106° 15' 48"					F-48-57-D-a
núi Lân Kiềng	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 25"	106° 15' 27"					F-48-57-D-a
đèo Lân Nứa	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 54"	106° 15' 48"					F-48-57-D-c
núi Lân Rì	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 07"	106° 17' 28"					F-48-57-D-a
đèo Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 59"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
núi Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 52"	106° 16' 54"					F-48-57-D-a
thôn Làng Trang	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 50"	106° 14' 17"					F-48-57-C-d
đèo Máng Lợn	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 06"	106° 16' 06"					F-48-57-D-a
núi Mỏ Côm	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 50"	106° 17' 30"					F-48-57-D-a
làng Nĩ	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 48"	106° 15' 13"					F-48-57-D-c
thôn Quý Xã	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 41"	106° 15' 38"					F-48-57-D-a
đèo Thập	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 15' 09"					F-48-57-D-c
thôn Bãi Danh	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 24' 34"					F-48-57-D-d
đèo Cả	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
núi Căng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 31"	106° 25' 15"					F-48-57-D-d
thôn Chục Bảy	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 31"	106° 23' 57"					F-48-57-D-d
núi Chũng Nẫu	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 15"	106° 23' 49"					F-48-57-D-d
núi Cửa Ngòi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 25' 02"					F-48-57-D-d
đèo Đẳng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 59"	106° 25' 57"					F-48-57-D-d
thôn Đẳng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 41"	106° 23' 16"					F-48-57-D-d
núi Địa Nhãn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 56"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
núi Đỏ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 18"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Đồng Hút	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 38"	106° 26' 01"					F-48-57-D-d
núi Đồng Quyển	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 17"	106° 23' 48"					F-48-57-D-d
núi Gò Ngượng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Hạ	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Hang Cửi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 02"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Hang Đá Mài	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 25' 23"					F-48-57-D-d
núi Hang Hồng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 14"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Lân Nóng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b
xóm Lân Rì	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 05"	106° 26' 21"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lân Thuổng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 25' 39"					F-48-57-D-d
núi Lân Ván	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
núi Làng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 01"	106° 23' 55"					F-48-57-D-d
thôn Lôi	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 49"	106° 25' 21"					F-48-57-D-d
đèo Lôi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 26' 10"					F-48-57-D-d
núi Lược	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 43"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Lũy	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 23' 36"					F-48-57-D-d
núi Mỏ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 25' 46"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Kẹt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 51"	106° 24' 47"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Phúc	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 22' 33"					F-48-57-D-d
núi Một	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 26' 18"					F-48-57-D-d
núi Nả	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
núi Nhà Mạt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 24' 00"					F-48-57-D-d
núi Nhà Tanh	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 36"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
núi Nong Đór	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 22' 42"					F-48-57-D-d
thôn Nong Thâm	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 36"	106° 22' 18"					F-48-57-D-d
núi Ôt Cà	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 47"	106° 25' 44"					F-48-57-D-d
núi Phụng Hoàng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 23' 42"					F-48-57-D-d
núi Rừng Ma	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 25' 18"					F-48-57-D-d
núi Thác Trại	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 52"	106° 24' 35"					F-48-57-D-d
núi Thông	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 24' 13"					F-48-57-D-d
núi Trám Sỏi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 24' 16"					F-48-57-D-d
xóm Trong	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 25' 41"					F-48-57-D-d
núi Trục Bầy	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
núi Vọng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 26"	106° 24' 18"					F-48-57-D-d
núi Vực Mìn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 29"	106° 24' 54"					F-48-57-D-d
làng Ao Cả	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 47"	106° 23' 01"					F-48-57-D-b
núi Ao Dầm	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 53"	106° 23' 35"					F-48-57-D-b
đèo Bụt	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 20"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
núi Cây Găng	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 22' 59"					F-48-57-D-d
làng Cây Khế	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 27"	106° 20' 51"					F-48-57-D-c
núi Cây Lầu	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 42"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Chùa	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chùa Coong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 36"	106° 21' 43"					F-48-57-D-a
làng Cóc Trong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 38"	106° 24' 08"					F-48-57-D-b
thôn Diến	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 32"	106° 21' 01"					F-48-57-D-a
núi Đản Bò	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 22' 43"					F-48-57-D-b
thôn Đồng Áng	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 06"	106° 22' 06"					F-48-57-D-c
núi Đồng Là Mật	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 07"	106° 18' 52"					F-48-57-D-c
thôn Gạo Ngoài	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
thôn Gạo Trong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
làng Giàng	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 44"	106° 21' 54"					F-48-57-D-a
thôn Gò Măm	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 21' 27"					F-48-57-D-c
núi Hang Dao	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 23' 25"					F-48-57-D-b
núi Lân Ba Mìn	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
núi Lân Đù	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 39"	106° 20' 44"					F-48-57-D-a
núi Lân Lày	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 04"	106° 22' 13"					F-48-57-D-a
núi Lân Luông	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 23"	106° 19' 26"					F-48-57-D-c
núi Lân Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 26"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
núi Lân Mỏ Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
đèo Lân Nghè	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 35"	106° 22' 08"					F-48-57-D-a
núi Lân Nọc	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 21' 43"					F-48-57-D-c
núi Mỏ Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 21' 28"					F-48-57-D-c
đèo Trá	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
núi Ao Khanh	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 20' 27"					F-48-57-D-c
thôn Ao Sen	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 21' 34"					F-48-57-D-c
núi Ao Sen	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 21' 46"					F-48-57-D-c
núi Bà Ký	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 08"	106° 21' 40"					F-48-57-D-c
núi Bà Thịnh	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 20' 47"					F-48-57-D-c
làng Cây Hồng	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 46"	106° 20' 50"					F-48-57-D-c
thôn Cây Hồng - Mỏ Tỏi	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 50"	106° 20' 13"					F-48-57-D-c
thôn Chục Quan	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 36"	106° 21' 58"					F-48-57-D-c
núi Đất Sét	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 19' 44"					F-48-57-D-c
núi Đẻ	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 19"	106° 19' 58"					F-48-57-D-c
núi Đồng Mát	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 18' 34"					F-48-57-D-c
làng Đồng Yên	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 21' 30"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Gốc Sau	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 35"	106° 22' 00"					F-48-57-D-c
núi Hàm Rồng	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 21' 03"					F-48-57-D-c
núi Hang Hùm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 40"	106° 21' 52"					F-48-57-D-c
thôn Lâm Hạ	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-c
thôn Lâm Thượng	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 59"	106° 21' 14"					F-48-57-D-c
núi Lâm Trâm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 19' 37"					F-48-57-D-c
núi Lân Mỏ Tỏi	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 06"	106° 19' 59"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 22"	106° 22' 14"					F-48-57-D-c
núi Năm Ngọn	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 41"	106° 20' 26"					F-48-57-D-c
núi Trà Diêm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 21' 17"					F-48-57-D-c
núi Tục Tăng	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 33' 46"	106° 20' 56"					F-48-57-D-c
đường tỉnh 236	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 45' 44"	106° 55' 42"	21° 45' 36"	106° 55' 16"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 46' 16"	106° 54' 23"	21° 44' 59"	106° 55' 44"	F-48-58-B+46-D
thôn Bán Kho	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 55' 29"					F-48-58-B+46-D
thôn Chộc Vằng	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 55' 42"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Quân	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mực	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 49"	106° 55' 05"					F-48-58-B+46-D
khu 4	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 47"	106° 58' 16"					F-48-58-D-b
khu 5	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 38"	106° 58' 04"					F-48-58-D-b
khu 6	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 11"					F-48-58-D-b
khu 7	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	106° 58' 21"					F-48-58-D-b
khu 9	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	106° 58' 25"					F-48-58-D-b
quốc lộ 4B	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình							
bản Nà Cáy	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 08"					F-48-58-D-b
hồ Nà Cáy	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 59"	106° 57' 54"					F-48-58-D-b
bản Nà Đười	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 48"	106° 58' 46"					F-48-58-D-b
mỏ than Na Dương	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 58' 06"					F-48-58-D-b
thôn Nà Phải	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 16"	106° 57' 06"					F-48-58-D-b
bản Nà Sắn	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	106° 58' 36"					F-48-58-D-b
núi Nà Sắn	SV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 48"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Nà Tấp	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 23"	106° 57' 20"					F-48-58-D-b
suối Pác Hán	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 40' 38"	106° 59' 21"	21° 40' 41"	106° 58' 41"	F-48-58-D-b
khối Phục	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 42' 11"	106° 58' 15"	21° 42' 34"	106° 57' 11"	F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sơn Hà	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 57"	106° 57' 01"					F-48-58-D-b
làng Ao Lai	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 41"	106° 53' 08"					F-48-58-D-d
thôn Co Hồng	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 56' 06"					F-48-58-D-d
làng Cốc Ngà	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 59"	106° 54' 12"					F-48-58-D-d
suối Cốc Sâu	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 57' 12"	21° 36' 02"	106° 57' 45"	F-48-58-D-b
thôn Đông Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 10"	106° 57' 23"					F-48-58-D-d
núi Đông Mùn	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 59"	106° 58' 29"					F-48-58-D-d
thôn Đông Sung	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 59"	106° 53' 22"					F-48-58-D-d
thôn Khau Kheo	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 52"	106° 55' 58"					F-48-58-D-d
làng Khuổi Châu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 01"	106° 52' 21"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Danh	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 03"	106° 54' 49"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Han	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 29"	106° 57' 53"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 02"	106° 55' 03"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Pu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 15"	106° 52' 42"					F-48-58-D-d
làng Khuổi Sôm	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 37"	106° 55' 43"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Thươn	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 16"	106° 55' 45"					F-48-58-D-d
suối Nà Cà	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 34' 04"	106° 56' 42"	21° 34' 21"	106° 56' 55"	F-48-58-D-d
làng Nà Chục	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 59"	106° 53' 06"					F-48-58-D-d
thôn Phạ Thác	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 51"	106° 57' 19"					F-48-58-D-d
làng Phay Phài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 21"	106° 53' 08"					F-48-58-D-d
thôn Pía Lài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 19"	106° 58' 38"					F-48-58-D-d
thôn Quang Khao	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 53' 49"					F-48-58-D-d
làng Soong Tài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 50"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
suối Soong Tài	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 33"	106° 52' 54"	21° 32' 22"	106° 53' 25"	F-48-58-D-d
làng Suối Vịt	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 53' 20"					F-48-58-D-d
núi Tạ Chũ Hùi	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 09"	106° 53' 26"					F-48-58-D-d
làng Thau Long	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 07"	106° 55' 08"					F-48-58-D-d
khuổi Thươn	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 24"	106° 56' 18"	21° 32' 36"	106° 55' 59"	F-48-58-D-d
làng Vàng Li	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 34"	106° 57' 45"					F-48-58-D-d
đường tỉnh 237A	KX	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 50' 04"	106° 53' 38"	21° 48' 24"	106° 51' 60"	F-48-58-B+46-D
núi Hua Lê	SV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 49' 29"	106° 54' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Mật	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 14"	106° 52' 28"					F-48-58-B+46-D
thôn Khôn Khoang	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	106° 51' 31"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Ngần	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 29"	106° 51' 60"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Pục	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 52"	106° 51' 29"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tằng	TV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 49' 07"	106° 53' 32"	21° 48' 10"	106° 51' 31"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 237C	KX	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 47' 08"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
suối Cầu 20	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 48' 02"	106° 55' 18"	21° 46' 13"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
bản Háng Cáu	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
núi Hu Sla	SV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Miện	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Quắc	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 29"	106° 54' 18"					F-48-58-B+46-D
suối Khòn Thống	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 48"	106° 55' 17"	21° 46' 03"	106° 54' 36"	F-48-58-B+46-D
bản Khòn Van	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 48' 02"	106° 55' 18"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 46' 09"	106° 54' 12"	F-48-58-B+46-D
bản Lãng Xé	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Quăn	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 53' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mần	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Vén	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 13"	106° 54' 16"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			21° 43' 20"	106° 56' 56"	21° 42' 26"	106° 57' 08"	F-48-58-D-d
thôn Bản Nùng	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 42"	106° 54' 32"					F-48-58-D-b
thôn Bản Pịt	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 09"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
bản Chặng Cánh	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 56' 12"					F-48-58-D-b
bản Cốc Pục	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 56' 15"					F-48-58-D-d
bản Cốc Sâu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 57' 04"					F-48-58-D-d
thôn Hua Cầu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 55' 58"					F-48-58-D-b
núi Keo Hách	SV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 07"	106° 56' 42"					F-48-58-D-d
suối Khau Phầy	TV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			21° 41' 50"	106° 52' 54"	21° 41' 31"	106° 55' 21"	F-48-58-D-b
bản Khoang Mò	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	106° 55' 30"					F-48-58-D-b
bản Khòn Cát	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 41"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Phạc	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 55' 57"					F-48-58-D-b
làng Khuổi Luổng	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	106° 57' 05"					F-48-58-D-b
bản Nà Lâu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 54"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b
suối Nà Lâu	TV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			2° 13' 79"	106° 57' 36"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Nà Miền	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 55' 54"					F-48-58-D-b
thôn Nà Toàn	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 50"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
thôn Phá Lạn	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 38"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Ét	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	106° 55' 06"					F-48-58-D-b
bản San	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 43"	106° 55' 33"					F-48-58-D-b
thôn Soong Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 56' 14"					F-48-58-D-b
suối Tà San	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			21° 42' 46"	106° 55' 38"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Thông Máy	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 20"	106° 55' 28"					F-48-58-D-b
thôn Thông Niềng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 27"	106° 55' 32"					F-48-58-D-b
bản Chuải	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 48"	106° 50' 04"					F-48-58-D-a
bản Đóc	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 49' 46"					F-48-58-D-a
bản Hả	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 48' 39"					F-48-58-D-a
suối Nà Hán	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình			21° 43' 00"	106° 48' 42"	21° 43' 52"	106° 50' 26"	F-48-58-D-a
thôn Nà Kẹt	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 35"	106° 50' 01"					F-48-58-D-a
thôn Nà Lái	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
suối Nà Nong	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình			21° 42' 15"	106° 50' 14"	21° 42' 38"	106° 50' 01"	F-48-58-D-a
thôn Tầm Pục	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 03"	106° 50' 28"					F-48-58-D-a
bản Hoi	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 56' 46"					F-48-58-D-b
bản Khiếng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 57"	106° 57' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Thổng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 56' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Lẹp	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Pắc Khiếng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 57' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Phiêng Pháy	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 02"	106° 57' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Pôi	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	106° 56' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Quang	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 55' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Ry	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 34"	106° 56' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Lốc	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 56' 40"					F-48-58-B+46-D
khau Thuồn	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Suối Lóng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 26"	106° 47' 21"					F-48-58-D-c
núi Ba Voi	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 34' 18"	106° 47' 23"					F-48-58-D-c
suối Cặm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 26"	106° 49' 39"	21° 33' 48"	106° 49' 36"	F-48-58-D-c
bản Co Lái	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 50' 41"					F-48-58-D-a
bản Đông Khuyên	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 37"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Mồ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 54"	106° 49' 23"					F-48-58-D-a
bản Hìn Ôn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 48' 03"					F-48-58-D-a
suối Hìn Ôn	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 42"	106° 46' 56"	21° 38' 36"	106° 48' 48"	F-48-58-D-a
bản Khau Trang	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 47' 47"					F-48-58-D-a
bản Khuổi Dí	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 45' 30"					F-48-58-D-a
khau Lài	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 47' 26"					F-48-58-D-a
suối Lông	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 48' 40"	21° 38' 05"	106° 49' 43"	F-48-58-D-a
khau Ma	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 43"	106° 46' 01"					F-48-58-D-a
suối Mí	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 47' 42"	21° 38' 02"	106° 48' 08"	F-48-58-D-a
bản Mò Nần	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 25"	106° 48' 03"					F-48-58-D-a
bản Nà Áng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 18"	106° 48' 22"					F-48-58-D-c
bản Nà Cà	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 41"	106° 49' 42"					F-48-58-D-a
bản Nà Chán	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 42"	106° 47' 02"					F-48-58-D-a
bản Nà Kháo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 33"	106° 46' 23"					F-48-58-D-a
bản Nà Khúp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 59"	106° 49' 04"					F-48-58-D-a
bản Nà Lèo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 30"	106° 47' 56"					F-48-58-D-a
bản Nà Mứ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 24"	106° 49' 29"					F-48-58-D-a
bản Nà Táng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 51"	106° 48' 44"					F-48-58-D-a
bản Nà Thành	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 47' 16"					F-48-58-D-a
bản Nà Xá	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 03"	106° 46' 48"					F-48-58-D-a
suối Ngà	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 18"	106° 47' 51"	21° 34' 00"	106° 48' 06"	F-48-58-D-c
bản Pác Cáp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 13"	106° 47' 41"					F-48-58-D-a
bản Pác Lông	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 27"	106° 48' 43"					F-48-58-D-c
thôn Phai Báy	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 29"					F-48-58-D-a
bản Phai Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 36' 51"	106° 48' 09"					F-48-58-D-c
bản Pò Mò	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 47' 31"					F-48-58-D-a
bản Suối Gióa	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 27"	106° 50' 40"					F-48-58-D-a
bản Suối Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 04"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
bản Suối Mềng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 46' 14"					F-48-58-D-a
thôn Suối Mí	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 36"	106° 47' 55"					F-48-58-D-a
bản Thầm Dày	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 25"	106° 46' 28"					F-48-58-D-a
khuổi Thồng	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 48"	106° 49' 22"	21° 38' 05"	106° 49' 43"	F-48-58-D-a
khau Trang	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 19"	106° 47' 53"					F-48-58-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Vằm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 40' 54"	106° 46' 28"	21° 41' 20"	106° 46' 03"	F-48-58-D-a
bản Vằng Phàu	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 28"	106° 48' 26"					F-48-58-D-a
sông Bản Thín	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 18"	107° 01' 54"	21° 45' 02"	107° 00' 01"	F-48-59-A
bản Càng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 56"	106° 59' 17"					F-48-58-D-b
bản Chu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	106° 59' 51"					F-48-58-D-b
núi Đông SLiêng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	107° 02' 12"					F-48-59-A
núi Khau Láng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 59"	107° 02' 01"					F-48-59-C
núi Khau Phòng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	107° 02' 41"					F-48-59-C
thôn Khòn Mỏ	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 59' 11"					F-48-58-D-b
bản Khòn Mu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 00' 08"					F-48-59-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	106° 59' 32"	21° 44' 40"	107° 00' 00"	F-48-58-D-b
núi Mào Nho	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 02' 31"					F-48-59-C
bản Nằm Lê	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	107° 01' 12"					F-48-59-C
núi Ngùm Sưa	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	107° 00' 20"					F-48-59-A
bản Pắc Pé	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 46' 29"	107° 00' 12"					F-48-59-A
bản Pò Loỏng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	107° 01' 17"					F-48-59-C
bản Pò Ngòa	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	107° 02' 34"					F-48-59-C
núi Pò Tùm	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	107° 01' 31"					F-48-59-A
bản Tầm Chả	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 13"	107° 00' 41"					F-48-59-A
quốc lộ 4B	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 38' 54"	106° 59' 59"	21° 40' 40"	106° 58' 42"	F-48-58-D-b
hồ Bản Chành	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 42"	106° 56' 35"					F-48-58-D-b
bản Chành	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b
khau Chay	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	22° 29' 43"	107° 01' 38"					F-48-59-C-c
bản Cổng Tăng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 48"	107° 00' 20"					F-48-59-C-c
thôn Cụng Khoai	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 57' 25"					F-48-58-D-b
thôn Già Nàng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 57"	106° 57' 59"					F-48-58-D-b
bản Kéo Cọ	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 08"	106° 59' 54"					F-48-58-D-b
thôn Kéo Pài	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 14"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b
cầu Kéo Pài	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b
suối Khau Khảo	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 35' 03"	106° 59' 09"	21° 36' 32"	106° 58' 24"	F-48-58-D-d
bản Khau Mốc	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Thó	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 51"	106° 59' 02"					F-48-58-D-b
thôn Khuổi Tà	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 34' 19"	106° 57' 44"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Khuổi Thỏ	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Mây Cuông	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 34' 30"	106° 58' 58"					F-48-58-D-d
suối Mây Cuông	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 32' 60"	106° 59' 00"	21° 34' 57"	106° 58' 34"	F-48-58-D-d
bản Mây Pháy	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 58' 12"					F-48-58-D-d
làng Mương	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 58' 31"					F-48-58-D-d
bản Nà Bó	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 58' 38"					F-48-58-D-b
núi Nà Chai	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 03"	106° 59' 42"					F-48-58-D-b
thôn Nà Mu	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 50"	106° 59' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Nhe	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	22° 28' 59"	107° 00' 51"					F-48-59-C-c
bản Nà Ninh	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 36' 32"	106° 58' 24"					F-48-58-D-d
thôn Nà Phi	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 57' 11"					F-48-58-D-b
bản Nà Pú	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 56"	106° 57' 02"					F-48-58-D-b
bản Nà Tà	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 36' 58"	106° 58' 39"					F-48-58-D-d
thôn Nà U	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 13"	106° 58' 55"					F-48-58-D-b
bản Nà Xỏm	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 59' 18"					F-48-58-D-d
bản Phai Púng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 27"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Phai Vải	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 01"	106° 58' 53"					F-48-58-D-b
khuổi Tà	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 34' 23"	106° 57' 28"	21° 35' 11"	106° 58' 08"	F-48-58-D-d
suối Tà Làng	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 36' 24"	106° 59' 34"	21° 36' 41"	106° 59' 04"	F-48-58-D-d
bản Tấu Ké	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 59' 56"					F-48-58-D-d
núi Vải Hai	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
bản Xong Hồ	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 23"	106° 56' 33"					F-48-58-D-b
bản Gia	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Thút	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 23"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
suối Lùng	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 44' 23"	106° 53' 55"	21° 45' 00"	106° 54' 15"	F-48-58-D-b
bản Pò Lèn	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Thét	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 55' 24"					F-48-58-D-b
khuổi Thút	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 45' 16"	106° 53' 12"	21° 46' 05"	106° 53' 20"	F-48-58-B+46-D
suối Bản Khoai	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 08"	106° 58' 39"	21° 48' 08"	106° 58' 47"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Quảng	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 48"	106° 55' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Tằng	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 26"	106° 53' 53"					F-48-58-B+46-D
suối Lấp Pịa	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 46"	106° 58' 17"	21° 49' 08"	106° 58' 39"	F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 19"	106° 52' 41"	21° 49' 31"	106° 52' 21"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Long Đầu	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 22"	106° 59' 38"	21° 48' 35"	106° 59' 27"	F-48-58-B+46-D
khu du lịch Mẫu Sơn	KX	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 49"	106° 54' 12"					F-48-58-B+46-D
núi Phya Mè	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 30"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Kim Ngân	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 49' 28"	107° 00' 32"					F-48-59-A
khuổi Tằng	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 16"	106° 54' 25"	21° 49' 57"	106° 53' 45"	F-48-58-B+46-D
bản Thâm Seo	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 47' 56"	106° 55' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Yên Mạ	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 23"	106° 53' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Tằng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 50"	106° 47' 42"					F-48-58-D-a
thôn Cốc Lại	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 05"	106° 47' 36"					F-48-58-D-a
núi Khau Phầy	SV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 50"	106° 52' 00"					F-48-58-D-a
thôn Khau Vải	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 13"	106° 50' 08"					F-48-58-D-a
bản Khuôn Sấm	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 50' 51"					F-48-58-D-a
suối Khuôn Sấm	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 42' 25"	106° 50' 47"	21° 42' 54"	106° 50' 51"	F-48-58-D-a
thôn Nà Đẳng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 30"	106° 48' 17"					F-48-58-D-a
thôn Nà Hao	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 18"	106° 51' 18"					F-48-58-D-a
thôn Nà Nong	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 36"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
suối Nà Nong	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 50' 11"	21° 41' 40"	106° 50' 23"	F-48-58-D-a
bản Nà Tàng (Lùng Thàng)	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 03"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
thôn Nà Thi	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 01"	106° 49' 32"					F-48-58-D-a
suối Nà Thi	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 49' 09"	21° 42' 08"	106° 49' 44"	F-48-58-D-a
thôn Tắc Uẩn	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 59"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
núi Chạ Trám	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-D-b
thôn Cốc Sâu	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 40"					F-48-58-D-a
núi Cốc Sâu	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 19"					F-48-58-D-a
suối Khau Đầy	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 40' 26"	106° 52' 52"	21° 40' 21"	106° 53' 05"	F-48-58-D-b
núi Khau Giàng	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 52' 47"					F-48-58-D-d
núi Khau Tò	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-D-a
bản Khỉ Cáy	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 26"	106° 52' 55"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Mùn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 48"	106° 53' 20"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Mản	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 40"	106° 52' 21"					F-48-58-D-a
bản Kim Cang	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 09"	106° 52' 20"					F-48-58-D-a
bản Mạ Danh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 54' 55"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Bân	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 00"	106° 53' 37"					F-48-58-D-b
thôn Nà Bẻ	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 38"	106° 53' 11"					F-48-58-D-d
bản Nà Inh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 17"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Lồng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 37"	106° 52' 35"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pá	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 54' 33"					F-48-58-D-b
bản Nà Phiêng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 14"	106° 54' 53"					F-48-58-D-d
thôn Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 55' 00"					F-48-58-D-b
bản Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 40"	106° 54' 26"					F-48-58-D-d
bản Nà Tàn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 21"	106° 53' 13"					F-48-58-D-d
thôn Nà Thay	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 54' 05"					F-48-58-D-b
thôn Nà To	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 16"	106° 53' 43"					F-48-58-D-d
thôn Nà Tùng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 53' 32"					F-48-58-D-b
thôn Pác Cáp	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 22"	106° 54' 38"					F-48-58-D-d
bản Pác Vải	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 54' 13"					F-48-58-D-b
suối Phác Cáp	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 53' 26"	21° 36' 15"	106° 55' 00"	F-48-58-D-d
bản Phai Điều	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 54' 28"					F-48-58-D-b
thôn Phai Mạt	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 52' 53"					F-48-58-D-b
suối Phai Mạt	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 38' 30"	106° 51' 58"	21° 38' 24"	106° 52' 27"	F-48-58-D-a
suối Song Luồng	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 35' 07"	106° 55' 57"	21° 35' 20"	106° 56' 22"	F-48-58-D-d
bản Suối Lạn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 22"	106° 51' 07"					F-48-58-D-a
suối Thông Lốc	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 39' 39"	106° 54' 01"	21° 39' 08"	106° 53' 56"	F-48-58-D-b
bản Tó	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 30"	106° 53' 41"					F-48-58-D-b
bản Vàng Lường	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 55"	106° 55' 51"					F-48-58-D-d
thôn Nà Chí	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 29"	106° 51' 43"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Vàng	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 08"					F-48-58-B+46-D
núi Nộc Chắp	SV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 02"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Vẻ	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 52' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Cát	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 52' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Khuổi	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
suối Tầm Khuổi	TV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình			21° 45' 12"	106° 51' 48"	21° 46' 35"	106° 52' 28"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 43' 46"	106° 53' 17"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pán	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 44' 04"	106° 51' 56"					F-48-58-D-a
thôn Pò Mạ	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 42' 32"	106° 51' 41"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Rọc	DC	xã Nhượng Bạt	H. Lộc Bình	21° 42' 44"	106° 51' 47"					F-48-58-D-a
khuổi Thuốt	TV	xã Nhượng Bạt	H. Lộc Bình			21° 43' 56"	106° 53' 17"	21° 44' 27"	106° 53' 26"	F-48-58-D-b
thôn Chộc Pháo	DC	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	106° 55' 26"					F-48-58-D-b
khuổi Cút	TV	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 57' 03"	21° 44' 04"	106° 56' 42"	F-48-58-D-b
thôn Khau Phầy	DC	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình	21° 42' 49"	106° 52' 42"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Mò	DC	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình	21° 44' 20"	106° 56' 29"					F-48-58-D-b
thôn Lũng Va	DC	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
thôn Nà Ái	DC	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình	21° 43' 09"	106° 55' 38"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pè	DC	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình	21° 43' 08"	106° 53' 42"					F-48-58-D-b
suối Nà Pè	TV	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 54' 15"	21° 43' 06"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
bản Pò Nghiều	DC	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 55' 53"					F-48-58-D-b
suối Tà San	TV	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình			21° 37' 49"	106° 56' 33"	21° 44' 21"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
thôn Tổng Min	DC	xã Quan Bạt	H. Lộc Bình	21° 43' 50"	106° 55' 11"					F-48-58-D-b
khu 1	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	106° 59' 21"					F-48-58-D-b
suối Bản Choong	TV	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình			21° 39' 54"	107° 00' 54"	21° 41' 21"	107° 00' 01"	F-48-59-C
bản Co Cai	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 52"	107° 01' 24"					F-48-59-C
suối Co Cai	TV	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 52"	107° 02' 27"	21° 42' 48"	107° 01' 12"	F-48-59-C
bản Co Ối	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	107° 02' 33"					F-48-59-C
bản Còn Lau	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	107° 02' 44"					F-48-59-C
núi Ha Tạt	SV	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 48"	107° 00' 21"					F-48-59-C
núi Kéo Phén	SV	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	107° 03' 14"					F-48-59-C
núi Khau Ca	SV	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	107° 02' 56"					F-48-59-C
bản Khôn Cháo	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 40"	107° 00' 04"					F-48-59-C
thôn Khôn Cháo	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 59"	106° 59' 40"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Quanh	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 59' 18"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Xè	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 59' 23"					F-48-58-D-b
suối Khôn Xè	TV	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 17"	106° 59' 13"	21° 42' 17"	106° 58' 26"	F-48-58-D-b
bản Màng	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 01' 03"					F-48-59-C
núi Nà Bon	SV	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	107° 01' 21"					F-48-59-C
bản Nà Chao	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 43' 11"	107° 00' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dìn	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 31"	107° 00' 53"					F-48-59-C
mỏ than Na Dương	KX	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 07"	106° 58' 44"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Sằn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 53"	107° 01' 33"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
bản Nà Làng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	107° 01' 45"						F-48-59-C
suối Nà Làng	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 37' 50"	107° 02' 16"	21° 38' 50"	107° 01' 40"		F-48-59-C
núi Na Liền	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 49"	107° 03' 19"						F-48-59-C
bản Nà Mò	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 52"	107° 02' 08"						F-48-59-C
suối Nà Mò	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 01' 44"	21° 41' 58"	107° 01' 59"		F-48-59-C
núi Nà Ngần	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 15"	107° 02' 12"						F-48-59-C
suối Nà Phầy	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 38' 50"	107° 01' 40"	21° 39' 53"	107° 00' 28"		F-48-59-C
bản Nà Thâm	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 41"	107° 01' 14"						F-48-59-C
bản Nà Tiú	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 18"	107° 02' 30"						F-48-59-C
núi Pàn Phi	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 01"	107° 02' 30"						F-48-59-C
bản Pò Nhàng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 02' 55"						F-48-59-C
suối Pò Nhàng	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 44"	107° 02' 54"	21° 41' 30"	107° 01' 59"		F-48-59-C
thôn Pò Sáy	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	106° 58' 59"						F-48-58-D-b
hồ Tà Keo	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 59' 48"						F-48-59-C
bản Tà Lạn	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 41"	107° 02' 50"						F-48-59-C
thôn Tổng Danh	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 54"	106° 58' 58"						F-48-58-D-b
suối Bản Chắt	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 04"	107° 09' 44"	21° 44' 13"	107° 09' 10"		F-48-59-C
suối Bản Lông	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 45' 07"	107° 07' 59"		F-48-59-A
khau Chu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 12"	107° 06' 08"						F-48-59-C
bản Co Lướt	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 24"	107° 06' 47"						F-48-59-C
bản Còn Cắm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 07' 33"						F-48-59-C
bản Còn Chảo	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 33"	107° 07' 16"						F-48-59-C
bản Còn Chè	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 55"	107° 08' 55"						F-48-59-C
bản Còn Cuồng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 06' 43"						F-48-59-C
bản Còn Tổng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 07' 46"						F-48-59-C
núi Hua Trạng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 52"	107° 06' 54"						F-48-59-A
núi Kéo Lạnh	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 32"	107° 06' 54"						F-48-59-C
bản Lông	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 11"	107° 09' 15"						F-48-59-C
khau Luông	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 10' 22"						F-48-59-C
bản Nà Căng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	107° 06' 46"						F-48-59-A
sông Nà Căng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	107° 08' 02"	21° 45' 25"	107° 07' 22"		F-48-59-A
suối Nà Khoang	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 14"	107° 09' 32"	21° 45' 22"	107° 07' 33"		F-48-59-A
thôn Nà Ổ	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 06' 12"						F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pắc Cát	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 42' 42"	107° 09' 00"	21° 44' 13"	107° 06' 18"	F-48-59-C
núi Phát Khâu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 18"	107° 08' 04"					F-48-59-C
bản Pò Bó	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 51"	107° 09' 25"					F-48-59-C
núi Pò Đông Luông	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 38"	107° 10' 50"					F-48-59-C
núi Pò Khuổi	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 14"	107° 07' 31"					F-48-59-C
thôn Pò Năm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 53"	107° 06' 50"					F-48-59-C
khuai Quặng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 13"	107° 09' 05"					F-48-59-C
khuai Sia	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 09' 56"					F-48-59-C
suối Tà Lông	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 44' 20"	107° 09' 45"	F-48-59-C
núi Tích Sơn	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 45' 09"	107° 09' 18"					F-48-59-A
bản Bó Luông	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 34"	107° 04' 53"					F-48-59-C
bản Cầm Dài	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 41"	107° 04' 07"					F-48-59-C
suối Cầu Tâm	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 49"	107° 05' 21"	21° 44' 30"	107° 02' 54"	F-48-59-C
bản Hu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 43"	107° 04' 34"					F-48-59-C
núi Hua Trạng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	107° 03' 52"					F-48-59-A
khuai Kề	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 53"	106° 07' 40"					F-48-59-A
suối Khảo Chuông	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 13"	107° 06' 18"	21° 44' 49"	107° 05' 21"	F-48-59-C
bản Khuổi Lý	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	107° 03' 31"					F-48-59-C
suối Khuổi Mười	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 41' 02"	107° 03' 54"	21° 41' 42"	107° 04' 40"	F-48-59-C
suối Khuổi Phặc	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 42' 51"	107° 05' 15"	21° 42' 32"	107° 04' 39"	F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 05' 55"	21° 43' 25"	107° 03' 05"	F-48-59-C
núi Mò Slanh	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 25"	107° 05' 19"					F-48-59-C
khuai Mỹ	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 04' 58"					F-48-59-A
núi Nà Dây	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 19"	107° 03' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dừa	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	107° 04' 13"					F-48-59-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 31"	107° 05' 50"					F-48-59-C
núi Nà SLiêm	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 02"	107° 03' 43"					F-48-59-C
đèo Ông Đồng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 34' 11"	106° 10' 01"					F-48-57-C-d
bản Po Bàu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 43"	107° 05' 24"					F-48-59-C
bản Pò Chong	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 28"	107° 05' 14"					F-48-59-C
núi Pò Co Lầu	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 17"	107° 05' 46"					F-48-59-C
núi Pò Ka Lại	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 39"	107° 06' 40"					F-48-59-C
bản Quặng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	107° 04' 35"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sinh Minh	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	107° 04' 10"					F-48-59-C
núi SLùng SLắc	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 53"	107° 05' 52"					F-48-59-C
bản Tầm Hán	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 04' 29"					F-48-59-C
bản Tầm Pát	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 15"	107° 03' 44"					F-48-59-C
núi Tản Lùng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	107° 06' 05"					F-48-59-C
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 45' 49"	106° 59' 33"	21° 45' 51"	106° 57' 39"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 44' 03"	106° 56' 21"	21° 44' 47"	106° 55' 54"	F-48-58-D-b
bản Cạo	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
khuổi Khoai	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 46' 32"	106° 59' 04"	21° 45' 30"	106° 58' 57"	F-48-58-B+46-D
bản Khòn Mới	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 40"	106° 59' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Trang	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	106° 57' 38"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 45' 41"	106° 57' 32"	21° 44' 52"	106° 59' 22"	F-48-58-B+46-D
bản Mới A	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 02"	106° 58' 55"					F-48-58-D-b
bản Nà Già	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 43' 30"	107° 00' 27"					F-48-59-C-c
bản Phai Sen	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 57' 50"					F-48-58-B,46-D
hồ Phai Sen	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 57' 53"					F-48-58-D-b
thôn Pò Coóc	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 40"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b
bản Pò Khura	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 58' 38"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mới	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 30"	106° 57' 39"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Ngòa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 46' 08"	106° 58' 45"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Qua	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 39"	106° 58' 18"					F-48-58-B+46-D
bản Poọng Cẩu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 58' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Quấn	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 06"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Quyển	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	106° 58' 48"					F-48-58-B+46-D
thôn Rinh Chùa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Sĩ Nghiều	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 35"	106° 58' 32"					F-48-58-B+46-D
bản Tấu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 35"	106° 57' 16"					F-48-58-D-b
bản Thông Mạ	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 43' 56"	107° 00' 29"					F-48-59-C-c
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 34"	107° 05' 11"	21° 47' 16"	107° 02' 58"	F-48-59-A
sông Bản Thín	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 45' 35"	107° 07' 23"	21° 45' 18"	107° 01' 53"	F-48-59-A
bản Cón Nưa	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	107° 06' 52"					F-48-59-A
bản Giếng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 17"	107° 02' 29"					F-48-59-A
khau Hai	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 32"	107° 04' 20"					F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Him Lạp	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 03"	107° 02' 15"	21° 45' 57"	107° 03' 22"	F-48-59-A
núi Hin Cải	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 30"	107° 06' 12"					F-48-59-A
bản Kha Lài	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 00"	107° 02' 54"					F-48-59-A
suối Khuổi Lẻ	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 45' 25"	107° 06' 53"	21° 45' 35"	107° 07' 23"	F-48-59-A
khuai Liềng	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	107° 07' 23"					F-48-59-A
bản Luồng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	107° 01' 37"					F-48-59-A
suối Nà SLiếc	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 26"	107° 02' 57"	21° 47' 18"	107° 04' 25"	F-48-59-A
bản Na Vả	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	107° 01' 26"					F-48-59-A
bản Nà Van	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 16"	107° 03' 03"					F-48-59-A
suối Nà Xá	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 56"	107° 02' 47"	21° 47' 00"	107° 04' 15"	F-48-59-A
núi Pa Dí	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	107° 04' 33"					F-48-59-A
bản Phải	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 39"	107° 05' 17"					F-48-59-A
suối Phai Lạn	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 55"	107° 01' 34"	21° 46' 02"	107° 00' 57"	F-48-59-A
bản Phiêng Pục	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 37"	107° 05' 31"					F-48-59-A
núi Pò Phiêng Háng	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 12"	107° 04' 16"					F-48-59-A
bản Roọc	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 49"	107° 06' 33"					F-48-59-A
khuai Tân	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	107° 03' 46"					F-48-59-A
khuổi Tàn	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 17"	107° 02' 07"	21° 46' 48"	107° 01' 21"	F-48-59-A
bản Thín	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 07"	107° 03' 29"					F-48-59-A
khuai Chân	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 54"	106° 49' 54"					F-48-58-B+46-D
khuai Chôm	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 37"	106° 50' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Cón Cáu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D
thôn Cón Chả	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 50' 58"					F-48-58-B+46-D
suối Đông Pháy	TV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình			21° 45' 45"	106° 51' 04"	21° 47' 10"	106° 50' 47"	F-48-58-B+46-D
thôn Khuai Mu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 44"	106° 50' 13"					F-48-58-B+46-D
khuai Lỏi	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 14"	106° 51' 42"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Đông	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 50' 02"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàm	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 51' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Rạo	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 22"	106° 50' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Ôn Cựu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 10"	106° 50' 58"					F-48-58-B+46-D
núi Pá Danh	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Lót	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Phát	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 27"	106° 50' 09"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sầm Lẹo	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	106° 50' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Thắm Quang	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 03"	106° 52' 09"					F-48-58-B+46-D
khau Thín	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 48"	106° 51' 44"					F-48-58-B+46-D
khau Vàng	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 51' 16"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lạ	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 56"	106° 52' 17"					F-48-58-D-c
thôn Bản Pét	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 51' 47"					F-48-58-D-c
thôn Bản Rịa	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 16"	106° 51' 09"					F-48-58-D-c
thôn Cốc Nhạn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 41"	106° 51' 50"					F-48-58-D-c
bản Đèo Ấi	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 50' 55"					F-48-58-D-c
thôn Hang Ủ	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Lùng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
bản Khuổi Thuồng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 31"	106° 50' 14"					F-48-58-D-c
súối Mành	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 51"	106° 51' 23"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
súối Nà Mềng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 25"	106° 51' 25"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
bản Nà Năng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 29"	106° 51' 36"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Đông	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 42"	106° 52' 08"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Sán	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 51' 34"					F-48-58-D-c
bản Pò Chùa	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 22"	106° 51' 22"					F-48-58-D-c
thôn Pò Đồn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 06"	106° 51' 12"					F-48-58-D-c
bản Pò Peo	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 24"	106° 51' 46"					F-48-58-D-c
thôn Súối Mành	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 32' 56"	106° 51' 20"					F-48-58-D-c
thôn Thái Nhi	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 12"	106° 51' 29"					F-48-58-D-c
sông Thái Nhi	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 35' 42"	106° 51' 23"	21° 33' 40"	106° 50' 11"	F-48-58-D-c
khuổi Thuồng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 37' 29"	106° 50' 05"	21° 35' 42"	106° 51' 23"	F-48-58-D-c
thôn Kéo Hín	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 47"	106° 51' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 43"	106° 51' 04"					F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 31"	106° 52' 21"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
khuổi Nội	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 59"	106° 51' 52"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Phúc	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 47' 59"	106° 50' 44"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 48' 00"	106° 52' 38"	21° 47' 17"	106° 53' 43"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mạn	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 41"	106° 53' 30"					F-48-58-B+46-D
bản Hang Vải	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 54"	106° 52' 43"					F-48-58-B+46-D
súối Lăng Ca	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 49' 11"	106° 54' 18"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Mặn	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 48' 44"	106° 53' 37"	21° 47' 34"	106° 53' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Chĩa	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 07"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Hai	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 49"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Là	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 53' 27"					F-48-58-B+46-D
khuổi Shi	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 49' 19"	106° 54' 47"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D
bản Bể	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 20"					F-48-58-D-a
bản Bó Táng	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 52"	106° 50' 39"					F-48-58-D-a
thôn Coóc Bể	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 26"	106° 50' 59"					F-48-58-D-a
thôn Kéo Thiềng	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 51' 24"					F-48-58-D-a
thôn Khòn Nà	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 44"	106° 51' 04"					F-48-58-D-a
khuổi Kinh	SV	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 50' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mạ	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 51' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tầm	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 25"	106° 50' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tu	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 49"					F-48-58-D-a
suối Vàng Pục	TV	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình			21° 44' 11"	106° 50' 41"	21° 44' 40"	106° 51' 25"	F-48-58-D-a
đường tỉnh 236	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 49"	106° 59' 59"	21° 47' 11"	106° 58' 19"	F-48-58-B+46-D
khuổi Chân	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 53"	107° 01' 34"					F-48-59-A
bản Chi Ma	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 55"	107° 01' 15"					F-48-59-A
cửa khẩu Chi Ma	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 04"	107° 01' 50"					F-48-59-A
bản Cốc Nhạn	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 39"	107° 00' 59"					F-48-59-A
bản Khoai	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 58' 37"					F-48-58-B+46-D
bản Long Đầu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 22"	106° 59' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Long Đầu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 48' 35"	106° 59' 31"	21° 47' 34"	106° 59' 59"	F-48-59-A
thôn Nà Phát	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 15"	107° 02' 10"					F-48-59-A
thôn Nà Tàu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 59"	106° 59' 10"					F-48-58-B+46-D
đập Nà Tàu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 56"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Pác Mạ	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 58"	107° 00' 39"					F-48-59-A
suối Pắc Và	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 49' 37"	107° 00' 58"	21° 47' 57"	107° 02' 19"	F-48-59-A
suối Pẩn Pé	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 46' 46"	107° 00' 25"	21° 46' 31"	107° 00' 09"	F-48-59-A
suối Phai Lạn	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 57"	107° 00' 41"	21° 46' 37"	107° 00' 42"	F-48-59-A
núi Pò Co Giăn	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 42"	107° 01' 42"					F-48-59-A
núi Pò Tầm	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 27"	107° 01' 25"					F-48-59-A
núi Pò Vín Và	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 48"	107° 02' 30"					F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 28"	106° 28' 08"					F-48-45-B
khu 2	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 22"	106° 28' 25"					F-48-45-B
khu 3	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 22"	106° 28' 13"					F-48-45-B
khu 4	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 10"	106° 28' 27"					F-48-45-B
khu 5	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 38"	106° 27' 52"					F-48-45-B
khuổi Ấu	TV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định			22° 14' 34"	106° 20' 31"	22° 15' 02"	106° 19' 06"	F-48-45-D-a
thôn Cốc Sầy	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 25"	106° 24' 52"					F-48-45-D
thôn Khau Luông	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 14' 17"	106° 20' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Ấu	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 14' 41"	106° 19' 37"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Tó	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 10' 34"	106° 25' 21"					F-48-45-D
thôn Khuổi Vai	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 03"	106° 25' 08"					F-48-45-D
núi Lục Cước	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 11' 13"	106° 24' 50"					F-48-45-D
khau Mốc	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 05"	106° 25' 51"					F-48-45-D
núi Pò Đồng	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 15' 09"	106° 18' 51"					F-48-45-B-c
bản Cẩm Tiên	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 23' 01"	106° 12' 32"					F-48-45-A-b
bản Chòm Tang	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 24' 12"	106° 11' 47"					F-48-45-A-b
suối Chòm Tang	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 23' 56"	106° 11' 30"	22° 23' 13"	106° 12' 55"	F-48-45-A-b
thôn Kéo Danh	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 23' 14"	106° 12' 54"					F-48-45-A-b
bản Khuổi Già	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 57"	106° 14' 30"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Hèo	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 09"	106° 13' 46"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Lài	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 56"	106° 15' 38"					F-48-45-B-c
bản Khuổi Léch	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 22' 55"	106° 11' 56"					F-48-45-A-b
thôn Khuổi Nấp	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 45"	106° 14' 30"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Pục	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 36"	106° 13' 22"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Tó	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 22' 41"	106° 13' 45"					F-48-45-A-b
thôn Khuổi Vai	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 07"	106° 15' 41"					F-48-45-B-c
khuổi Lài	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 20' 53"	106° 15' 39"	22° 20' 20"	106° 16' 25"	F-48-45-B-c
khuổi Làm	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 21' 05"	106° 13' 37"	22° 20' 24"	106° 14' 48"	F-48-45-A-d
khuổi Léch	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 23' 23"	106° 11' 13"	22° 23' 13"	106° 12' 55"	F-48-45-A-b
bản Pắc Mòn	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 20"	106° 16' 03"					F-48-45-B-c
khau Pò Chình	SV	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 27"	106° 15' 16"					F-48-45-B-c
khau Pú	SV	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 04"	106° 13' 43"					F-48-45-A-d
khuổi Pục	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 21' 47"	106° 13' 17"	22° 22' 40"	106° 13' 53"	F-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vàng Can	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 53"	106° 16' 22"					F-48-45-B-c
khuổi Ai	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 43"	106° 23' 16"	22° 18' 38"	106° 25' 06"	F-48-45-B
quốc lộ 4A	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 16"	106° 27' 28"	22° 15' 43"	106° 27' 52"	F-48-45-B
sông Bắc Khê	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 16' 59"	106° 25' 33"	22° 15' 36"	106° 27' 49"	F-48-45-B
thôn Bản Mậy	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 21"	106° 26' 07"					F-48-45-B
cầu Bông Lau	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 35"	106° 27' 29"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-B
suối Chì	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 29"	106° 27' 15"					F-48-45-B
thôn Cốc Cườm	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 45"	106° 27' 59"					F-48-45-B
pò Dầu Khi	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 53"	106° 26' 25"					F-48-45-B
thôn Dầu Linh	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 17"	106° 27' 35"					F-48-45-B
thôn Đồng Khọt	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 25"	106° 28' 14"					F-48-45-B
thôn Đồng Liu	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 26"	106° 26' 45"					F-48-45-B
núi Đuốc Tắt	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 15"	106° 26' 29"					F-48-45-B
thôn Hang Đông	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 54"	106° 27' 49"					F-48-45-B
thôn Kéo Quang	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 58"	106° 27' 37"					F-48-45-B
núi Khuổi Bao	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 53"	106° 24' 03"					F-48-45-B
đập Khuổi Hìn	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 27' 17"					F-48-45-B
đập Khuổi Nghìn	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 40"	106° 28' 03"					F-48-45-B
núi Lũng Nào	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 56"	106° 27' 33"					F-48-45-B
khau Luông	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 33"	106° 25' 42"					F-48-45-B
thôn Nà Cáy	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 09"	106° 27' 56"					F-48-45-B
thôn Nà Chát	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 07"	106° 26' 01"					F-48-45-B
thôn Nà Khưa	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 47"	106° 26' 33"					F-48-45-B
thôn Nà Pàng	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 18' 15"	106° 25' 20"					F-48-45-B
thôn Nà Puộc	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 06"	106° 27' 31"					F-48-45-B
khuổi Ngán	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 16' 20"	106° 28' 24"	22° 16' 07"	106° 28' 03"	F-48-45-B
khuổi Nghìn	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 17' 42"	106° 27' 59"	22° 16' 14"	106° 27' 46"	F-48-45-B
khuổi Ô	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 36"	106° 26' 16"	22° 16' 47"	106° 26' 40"	F-48-45-B
suối Pác Cáp	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 15' 40"	106° 27' 59"	22° 16' 07"	106° 28' 03"	F-48-45-B
bản Tạm	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 03"	106° 26' 38"					F-48-45-B
sông Thà Cạo	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 38"	106° 25' 06"	22° 17' 08"	106° 26' 07"	F-48-45-B
thôn Xe Lán	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 27"	106° 27' 37"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4A	KX	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 43"	106° 26' 22"	22° 20' 21"	106° 26' 59"	F-48-45-B
khuổi Bó	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 49"	106° 24' 33"	22° 21' 17"	106° 23' 39"	F-48-45-B
khau Bốc	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 18' 32"	106° 27' 19"					F-48-45-B
đèo Bông Lau	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 29"	106° 26' 56"					F-48-45-B
bản Ca	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 51"	106° 23' 06"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 04"	106° 23' 17"					F-48-45-B
thôn Cốc Toòng	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 35"	106° 25' 09"					F-48-45-B
khuổi Dạ	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 36"	106° 23' 41"	22° 19' 55"	106° 24' 37"	F-48-45-B
khuổi Đẳng	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 03"	106° 22' 09"	22° 21' 05"	106° 23' 46"	F-48-45-B
núi Đông Slăm	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 11"	106° 21' 57"					F-48-45-B
bản Già Ngán	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 26' 05"					F-48-45-B
khau Khuổi Ai	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 18' 54"	106° 23' 04"					F-48-45-B
thôn Khuổi Dạ	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 33"	106° 22' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Đẳng	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 47"	106° 23' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Khuông	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 53"	106° 21' 58"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Nà	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 12"	106° 26' 31"					F-48-45-B
bản Khuổi Phạ	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 41"	106° 23' 19"					F-48-45-B
khuổi Khuông	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 58"	106° 21' 54"	22° 21' 20"	106° 23' 32"	F-48-45-B
thôn Lũng Phầy	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 20"	106° 26' 14"					F-48-45-B
khuổi Moòng	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 45"	106° 22' 22"	22° 21' 15"	106° 23' 34"	F-48-45-B
bản Nà Cạo	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 19"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Nà Quán	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 56"	106° 23' 53"					F-48-45-B
thôn Pác Bó	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 54"	106° 24' 30"					F-48-45-B
khuổi Phưòng	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 23' 39"	22° 19' 21"	106° 24' 53"	F-48-45-B
khau Piao	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 22"	106° 26' 43"					F-48-45-B
súoi Thà Cạo	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 56"	106° 23' 01"	22° 18' 40"	106° 25' 06"	F-48-45-B
thôn Thà Lừa	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 55"	106° 24' 36"					F-48-45-B
khuổi Túng	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 50"	106° 22' 28"	22° 20' 47"	106° 24' 01"	F-48-45-B
súoi Năm Ăn	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 16' 41"	106° 31' 52"	22° 14' 39"	106° 28' 54"	F-48-45-B
đường tỉnh 228A	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 16' 39"	106° 31' 54"	22° 15' 17"	106° 28' 39"	F-48-46-A
đường tỉnh 4A	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 18"	106° 28' 36"	22° 14' 14"	106° 30' 02"	F-48-45-D
thôn Cấp Kê	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 49"	106° 28' 41"					F-48-45-D
súoi Cốc Phát	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 17' 13"	106° 29' 41"	22° 14' 52"	106° 28' 37"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hang Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 00"	106° 28' 41"					F-48-45-B
thôn Khắc Deng	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 37"	106° 29' 29"					F-48-45-D
thôn Khau Ngủ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 05"	106° 28' 42"					F-48-45-B
thôn Khòn Cà	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 16"	106° 29' 19"					F-48-45-D
bản Khuổi Mu	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 14"	106° 31' 03"					F-48-46-A
bản Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 27"	106° 29' 40"					F-48-45-D
khau Mi	SV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 21"	106° 31' 54"					F-48-46-A
bản Mới	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 20"	106° 28' 31"					F-48-45-B
thôn Nà Cạn	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 31"	106° 28' 34"					F-48-45-B
thôn Nà Khuất	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 44"	106° 29' 16"					F-48-45-B
thôn Nà Nghiều	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 43"	106° 28' 10"					F-48-45-B
thôn Nà Phái	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 02"	106° 29' 10"					F-48-45-B
bản Nà Phiêng	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 27"	106° 31' 05"					F-48-46-A
thôn Nà Phục	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 16"	106° 29' 23"					F-48-45-B
thôn Nà Trại	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 18"	106° 28' 51"					F-48-45-B
thôn Nà Vài	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 51"	106° 28' 55"					F-48-45-B
khuổi Nặm	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 16' 19"	106° 30' 02"	22° 15' 30"	106° 30' 00"	F-48-46-A
đập Nặm Quăng	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 58"	106° 29' 37"					F-48-45-B
bản Pác Cam	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 30"	106° 31' 38"					F-48-46-A
suoối Pác Chác	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 30"	106° 28' 08"	22° 15' 38"	106° 27' 59"	F-48-45-B
bản Phiêng Luông	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 14"	106° 30' 12"					F-48-46-A
thôn Pò Bó	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 45"	106° 29' 40"					F-48-45-D
thôn Bản Bàu	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 12' 53"	106° 40' 04"					F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 14' 55"	106° 37' 39"					F-48-46-C
thôn Bản Chè	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 14' 47"	106° 37' 56"					F-48-46-C
thôn Bản Deng	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 13' 46"	106° 36' 58"					F-48-46-C
thôn Bản Kéo	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 15' 09"	106° 39' 18"					F-48-46-A
thôn Bản Pheng	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 13' 34"	106° 36' 42"					F-48-46-C
thôn Bản Púng	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 15' 38"	106° 39' 43"					F-48-46-A
suoối Bản Púng	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 14' 50"	106° 38' 22"	22° 16' 08"	106° 40' 15"	F-48-46-A
thôn Bản Tao	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 12' 39"	106° 38' 47"					F-48-46-C
thôn Cảo Vài	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 14' 12"	106° 41' 11"					F-48-46-C
bản Co Ca	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 10' 39"	106° 38' 23"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Coổng Luồng	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 11' 31"	106° 38' 18"					F-48-46-C
núi Kéo Chả	SV	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 13' 48"	106° 40' 59"					F-48-46-C
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 11' 50"	106° 38' 03"					F-48-46-C
súối Khuổi Cọ	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 12' 12"	106° 38' 12"	22° 11' 35"	106° 38' 28"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 11' 06"	106° 38' 04"	22° 13' 15"	106° 42' 01"	F-48-46-C
khuổi Lạn	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 14' 04"	106° 41' 37"	22° 13' 04"	106° 41' 40"	F-48-46-C
bản Nà Coóc	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 12' 08"	106° 40' 07"					F-48-46-C
thôn Nà Khoang	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 16' 31"	106° 41' 07"					F-48-46-A
thôn Nà Nằm	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 11' 41"	106° 39' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Oì	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 13' 08"	106° 40' 39"					F-48-46-C
thôn Pác Lạn	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 12' 44"	106° 41' 41"					F-48-46-C
thôn Phiêng Pào	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 13' 15"	106° 37' 18"					F-48-46-C
thôn Phiêng Sính	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 15' 06"	106° 38' 52"					F-48-46-A
súối Slam Ngâm	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 14' 47"	106° 40' 09"	22° 12' 24"	106° 40' 09"	F-48-46-C
khuai Cà	SV	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 11' 43"	106° 26' 48"					F-48-45-D
bản Cáo	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 14' 25"	106° 27' 41"					F-48-45-D
thôn Cốc Lũng	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 10' 23"	106° 27' 33"					F-48-45-D
thôn Cốc Tảo	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 15' 30"	106° 27' 21"					F-48-45-B
núi Đông Mù	SV	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 12' 50"	106° 25' 48"					F-48-45-D
thôn Đoổng Nà	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 15' 22"	106° 27' 35"					F-48-45-B
núi Hin Tắng	SV	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 11' 59"	106° 27' 53"					F-48-45-D
thôn Kéo Lây	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 14' 56"	106° 28' 09"					F-48-45-D
thôn Khuai Cà	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 11' 55"	106° 26' 12"					F-48-45-D
súối Khuai Cà	TV	xã Đề Thám	H. Trảng Định			22° 12' 18"	106° 25' 50"	22° 11' 20"	106° 27' 01"	F-48-45-D
thôn Linh Deng	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 15' 28"	106° 27' 56"					F-48-45-D
thôn Lũng Khẩu	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 25' 44"					F-48-45-D
thôn Nà Ao 1	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định							F-48-45-B
thôn Nà Ao 2	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định							F-48-45-B
thôn Nà Cầm	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 13' 39"	106° 25' 35"					F-48-45-D
thôn Nà Lầu	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 15' 48"	106° 27' 21"					F-48-45-B
thôn Nà Pài	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 14' 46"	106° 27' 52"					F-48-45-D
khuổi Nhùng	TV	xã Đề Thám	H. Trảng Định			22° 13' 28"	106° 24' 14"	22° 13' 43"	106° 24' 49"	F-48-45-D
thôn Pác Luồng	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 15' 05"	106° 28' 20"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pò Có	DC	xã Đê Thám	H. Trảng Định	22° 12' 53"	106° 26' 09"					F-48-45-D
bản Quyền	DC	xã Đê Thám	H. Trảng Định	22° 13' 55"	106° 26' 38"					F-48-45-D
núi Sam Sao	SV	xã Đê Thám	H. Trảng Định	22° 11' 07"	106° 26' 13"					F-48-45-D
thôn Bản Ấng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
thôn Bản Niềng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 51"	106° 13' 22"					F-48-45-A-b
khuổi Bon	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 21' 45"	106° 14' 56"	22° 21' 45"	106° 16' 05"	F-48-45-B-c
khuổi Bon	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 02"	106° 15' 00"					F-48-45-B-c
khuổi Chả	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 02"	106° 14' 29"					F-48-45-A-b
suối Đoàn Kết	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 26' 07"	106° 12' 41"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-A-b
khuổi Đông	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 23' 11"	106° 14' 20"	22° 23' 51"	106° 14' 59"	F-48-45-A-b
khuổi Háo	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 25' 48"	106° 15' 27"	22° 25' 35"	106° 15' 14"	F-48-45-B-a
khuổi Khiếc	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 09"	106° 12' 27"					F-48-45-A-b
khuổi Khín	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 21"	106° 16' 33"					F-48-45-B-a
khuổi Khín	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 23' 53"	106° 15' 42"	22° 23' 29"	106° 15' 25"	F-48-45-B-a
khuổi Khít	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 07"	106° 16' 52"					F-48-45-B-c
thôn Nà Bắc	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 24"	106° 16' 33"					F-48-45-B-c
bản Nà Cải	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 31"	106° 15' 18"					F-48-45-B-a
bản Nà Cạm	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 36"	106° 16' 12"					F-48-45-B-a
thôn Nà Coóc	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 21"	106° 13' 08"					F-48-45-A-b
bản Nà Cuối	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
bản Nà Hên	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 04"	106° 13' 24"					F-48-45-A-b
bản Nà Nhàn	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 40"	106° 14' 55"					F-48-45-A-b
thôn Nà Phệt	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 15' 55"					F-48-45-B-c
thôn Nà Slăn	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 14' 58"					F-48-45-A-b
bản Nà Slèo	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 08"	106° 15' 42"					F-48-45-B-c
bản Nà SLin	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 20"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
bản Nà Suồng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 07"	106° 14' 06"					F-48-45-A-b
thôn Nà Ún	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
bản Nà Vàng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 20' 58"	106° 16' 50"					F-48-45-B-c
suối Nặm Chằng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 23' 16"	106° 12' 57"	22° 24' 56"	106° 13' 30"	F-48-45-A-b
thôn Nặm Chằng	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 42"	106° 13' 29"					F-48-45-A-b
khuổi Nuồng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 22' 05"	106° 14' 42"	22° 22' 04"	106° 15' 46"	F-48-45-B-c
cầu Pác Heng	KX	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 08"	106° 15' 46"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pác Khín	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 05"	106° 15' 45"					F-48-45-B-a
bản Pác Lạ	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 55"	106° 12' 19"					F-48-45-A-b
khuổi Phụ	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 22' 39"	106° 16' 47"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-B-a
khuổi Sáy	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 25' 50"	106° 13' 35"	22° 25' 16"	106° 13' 43"	F-48-45-A-b
khuổi SLuồng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 22' 59"	106° 13' 57"	22° 24' 54"	106° 14' 18"	F-48-45-A-b
khuổi Vàng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 21' 01"	106° 16' 57"	22° 20' 48"	106° 16' 30"	F-48-45-B-c
thôn Bản Chang	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 17' 23"	106° 32' 29"					F-48-46-A
đồi Cải	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 31' 21"					F-48-46-A
nậm Chà	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 22"	106° 34' 04"	22° 19' 39"	106° 32' 31"	F-48-46-A
núi Co Lũng Lìn	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 23"	106° 36' 34"					F-48-46-A
núi Đồn Cao Môn	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 40"	106° 36' 56"					F-48-46-A
suối Đuốc Quang	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 11"	106° 36' 53"	22° 19' 55"	106° 36' 08"	F-48-46-A
suối Khau Sầm	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 19' 55"	106° 36' 08"	22° 18' 54"	106° 32' 22"	F-48-46-A
bản Khuổi Nọi	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 46"	106° 35' 29"					F-48-46-A
thôn Kim Ly	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 17' 52"	106° 32' 37"					F-48-46-A
suối Kỵ Nà	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 45"	106° 31' 55"	22° 18' 54"	106° 32' 30"	F-48-46-A
khau Mười	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 57"	106° 33' 12"					F-48-46-A
thôn Nà Đon	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 16' 55"	106° 32' 29"					F-48-46-A
núi Nà Ké	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-A
bản Nà Ké	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 18' 57"	106° 33' 24"					F-48-46-A
thôn Nà Lặng	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 00"	106° 33' 44"					F-48-46-A
suối Nậm Ẩn	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 18' 54"	106° 32' 22"	22° 16' 41"	106° 31' 52"	F-48-46-A
bản Nậm Chà	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 26"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Nậm Khoang	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 32' 25"					F-48-46-A
sông Bắc Khê	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 14' 28"	106° 28' 42"	22° 13' 52"	106° 29' 24"	F-48-45-D
thôn Bản Coong	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 19"	106° 29' 23"					F-48-45-D
thôn Bản Piềng	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 11"	106° 28' 47"					F-48-45-D
thôn Bản Pioong	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 10' 26"	106° 28' 38"					F-48-45-D
bản Báu	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 09"	106° 29' 25"					F-48-45-D
bản Chu	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 37"	106° 29' 04"					F-48-45-D
thôn Cốc Càng	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 36"	106° 28' 29"					F-48-45-D
khau Deng	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 21"	106° 27' 53"					F-48-45-D
núi Đồng Ba	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 07"	106° 27' 23"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Mẩn	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 42"	106° 29' 30"					F-48-45-D
núi Hua Vải	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 40"	106° 28' 40"					F-48-45-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 02"	106° 30' 24"	F-48-45-D
núi Mạ Quynh	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 28"	106° 27' 25"					F-48-45-D
thôn Nà Cà	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 12"	106° 28' 21"					F-48-45-D
thôn Nà Chùa	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 11"	106° 28' 40"					F-48-45-D
thôn Nà Khoang	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 41"	106° 30' 03"					F-48-46-C
khuai Nam	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 34"	106° 27' 35"					F-48-45-D
núi Píc Khát	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 34"	106° 26' 25"					F-48-45-D
khuổi Piềng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 12' 35"	106° 26' 58"	22° 12' 42"	106° 29' 09"	F-48-45-D
khuổi Pioong	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 11' 44"	106° 27' 53"	22° 10' 46"	106° 29' 30"	F-48-45-D
khuổi Sáng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 10' 48"	106° 28' 24"	22° 09' 49"	106° 29' 19"	F-48-45-D
thôn Thà Tò	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 29' 25"					F-48-45-D
thôn Thâm Luông	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 33"	106° 28' 07"					F-48-45-D
hồ Thâm Luông	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-D
thôn Vải Pải	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 22"	106° 29' 51"					F-48-45-D
khuai Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 53"	106° 31' 44"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 57"	106° 30' 56"	22° 10' 25"	106° 32' 23"	F-48-46-C
sông Bắc Giang	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 08' 39"	106° 30' 14"	22° 11' 44"	106° 30' 34"	F-48-45-D
thôn Bản Nhàn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 41"	106° 31' 05"					F-48-46-C
thôn Bản Tét	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 50"	106° 30' 40"					F-48-46-C
suối Đoổng Đeng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 09"	106° 31' 42"	22° 12' 00"	106° 30' 41"	F-48-46-C
thôn Hát Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 42"	106° 31' 50"					F-48-46-C
đèo Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 11"	106° 31' 21"					F-48-46-C
khuổi Khách	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 11' 35"	106° 31' 59"	22° 11' 10"	106° 31' 14"	F-48-46-C
khuai Khòn	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 14"	106° 31' 37"					F-48-46-C
thôn Khuổi Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 06"	106° 31' 22"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 02"	106° 30' 24"	22° 10' 24"	106° 32' 11"	F-48-46-C
suối Pác Mạ	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 10' 38"	106° 33' 00"	22° 10' 43"	106° 32' 11"	F-48-46-C
thôn Phác Giàng	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 29"	106° 30' 41"					F-48-46-C
thôn Phiêng Chuông	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 48"	106° 29' 44"					F-48-45-D
thôn Pò Ca	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 12' 26"	106° 31' 02"					F-48-46-C
khuổi Sáng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 09' 49"	106° 29' 19"	22° 09' 52"	106° 29' 33"	F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
khuau Tét	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 09' 42"	106° 30' 24"						F-48-46-C
đường tỉnh 228C	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 12' 28"	106° 33' 04"	22° 13' 13"	106° 30' 57"		F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 14' 14"	106° 30' 02"	22° 12' 57"	106° 30' 56"		F-48-46-C
thôn Bản Đuốc	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 24"	106° 30' 23"						F-48-46-C
thôn Bản Nằm	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 20"	106° 31' 10"						F-48-46-C
thôn Bản Phiàng	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 48"	106° 32' 20"						F-48-46-C
thôn Bản Slàn	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 05"	106° 31' 36"						F-48-46-C
thôn Bản Sùng	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 31' 05"						F-48-46-C
thôn Bản Táp	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 30"	106° 33' 18"						F-48-46-C
thôn Bản Trại	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 06"	106° 29' 48"						F-48-45-D
cầu Bản Trại	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 14"	106° 30' 11"						F-48-46-C
bản Bon	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 07"	106° 32' 42"						F-48-46-C
khuổi Boóc	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 13"	106° 31' 32"	22° 14' 10"	106° 32' 03"		F-48-46-C
núi Cước Đeng	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 32"	106° 31' 41"						F-48-46-C
súối Hang Chà	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 05"	106° 31' 06"	22° 14' 28"	106° 31' 14"		F-48-46-C
đèo Kéo Đầy	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 57"	106° 30' 56"						F-48-46-C
núi Khòn Kéo	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 28"	106° 30' 12"						F-48-46-C
thôn Khuổi Boóc	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 32' 04"						F-48-46-C
sông Kỳ Cùg	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 00"	106° 33' 32"		F-48-46-C
súối Nà Bó	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 13"	106° 32' 19"	22° 14' 13"	106° 32' 22"		F-48-46-C
thôn Nà Kéo	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 60"	106° 31' 57"						F-48-46-C
thôn Nà Sắn	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 27"	106° 33' 01"						F-48-46-C
bản Nà Trà	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 35"	106° 30' 58"						F-48-46-C
súối Nậm Đàng	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 14"	106° 32' 33"	22° 14' 29"	106° 32' 41"		F-48-46-C
bản Pác Pán	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 22"	106° 32' 23"						F-48-46-C
thôn Pò Loi	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 21"	106° 32' 27"						F-48-46-C
khuổi Bãy	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 25' 03"	106° 16' 03"	22° 24' 47"	106° 15' 16"		F-48-45-B-a
khuổi Cao	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 13"	106° 16' 52"	22° 22' 56"	106° 17' 05"		F-48-45-B-a
núi Chông Mu	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 27' 45"	106° 14' 15"						F-48-45-A-b
khuổi Háo	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 26' 33"	106° 16' 23"	22° 25' 55"	106° 15' 56"		F-48-45-B-a
thôn Khuổi Bãy A	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
thôn Khuổi Bãy B	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
thôn Khuổi Háo	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 25' 57"	106° 15' 37"						F-48-45-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Phụ A	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định							
thôn Khuổi Phụ B	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định							
thôn Khuổi Sáy	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 26' 31"	106° 13' 32"					F-48-45-A-b
bản Khuổi Sàng	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 26' 27"	106° 14' 38"					F-48-45-A-b
bản Mạ Thai	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 52"	106° 17' 57"					F-48-45-B-a
suối Mạ Thai	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 32"	106° 18' 07"	22° 24' 07"	106° 18' 17"	F-48-45-B-a
bản Nà Cà	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 58"	106° 16' 11"					F-48-45-B-a
bản Nà Đàm	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 25' 15"	106° 17' 53"					F-48-45-B-a
khuổi Nuông	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 26' 32"	106° 13' 58"	22° 25' 07"	106° 14' 09"	F-48-45-A-b
bản Phán Mẩn	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 23' 54"	106° 18' 06"					F-48-45-B-a
núi Phán Mẩn	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 31"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
khuổi Phụ	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 22"	106° 18' 37"	22° 22' 39"	106° 16' 47"	F-48-45-B-a
suối Phụ Nội	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 23' 50"	106° 17' 15"	22° 23' 20"	106° 17' 43"	F-48-45-B-a
khuổi Sả	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 27' 07"	106° 14' 25"	22° 25' 55"	106° 14' 56"	F-48-45-A-b
khuổi Sáy	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 27' 07"	106° 13' 44"	22° 25' 50"	106° 13' 35"	F-48-45-A-b
núi Slam Coóc	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 25' 18"	106° 16' 29"					F-48-45-B-a
suối Tát Lóng	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 10"	106° 17' 54"	22° 24' 06"	106° 18' 02"	F-48-45-B-a
khuổi Tèo	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 12"	106° 16' 58"					F-48-45-B-a
núi Bó Nộc	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 18' 58"	106° 22' 21"					F-48-45-B-c
khuổi Cà	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 20"	106° 24' 26"					F-48-45-B
núi Chồn Nộc	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 60"	106° 23' 36"					F-48-45-B
thôn Co Vài	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 48"	106° 21' 28"					F-48-45-B-c
khuổi Cò Vài	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 22' 14"	22° 15' 11"	106° 21' 24"	F-48-45-D
bản Kéo Bềng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 55"	106° 23' 03"					F-48-45-B
thôn Kéo Veng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 22' 16"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Kệt	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 24"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Khuổi Sỏ	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 54"	106° 25' 15"					F-48-45-B
thôn Khuổi Sươi	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 39"	106° 23' 30"					F-48-45-B
khuổi Mải	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 48"	106° 21' 37"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
nà Múc	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 26"	106° 22' 53"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
khuổi Mươi	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 24' 33"					F-48-45-B
thôn Nà Múc	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 39"	106° 22' 58"					F-48-45-D
thôn Nà Sliêng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 49"	106° 23' 38"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Soong	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 32"	106° 24' 39"					F-48-45-B
bản Nà Táng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 58"	106° 23' 40"					F-48-45-B
thôn Nà Thà	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 49"	106° 22' 35"					F-48-45-B
thôn Pác Đông	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 50"	106° 24' 25"					F-48-45-B
thôn Pàn Đào	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 20"	106° 22' 35"					F-48-45-B
núi Pần Van	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 23' 07"					F-48-45-B
khuổi Sỏ	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 04"	106° 24' 17"	22° 15' 41"	106° 24' 58"	F-48-45-B
thôn Vằng Chạo	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 46"	106° 22' 22"					F-48-45-B
thôn Ven Đin	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 51"	106° 25' 10"					F-48-45-B
đường tỉnh 228	KX	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 21' 19"	106° 31' 15"	22° 22' 29"	106° 34' 47"	F-48-46-A
thôn Bản Đảo	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 33' 28"					F-48-46-A
thôn Bản Dĩ	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 48"	106° 33' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Pệt	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 45"	106° 32' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Phạc	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 25"	106° 32' 43"					F-48-46-A
thôn Bản Sỏi	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 31' 14"					F-48-46-A
suối Bản Sảng	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 23' 32"	106° 32' 39"	22° 22' 33"	106° 33' 06"	F-48-46-A
suối Bản Slàn	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 20' 19"	106° 28' 25"	22° 21' 21"	106° 28' 55"	F-48-45-B
thôn Bản Tồn	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 43"	106° 30' 02"					F-48-46-A
thôn Bó Luông	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 48"	106° 32' 56"					F-48-46-A
hồ Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 30"	106° 29' 01"					F-48-45-B
máng Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 59"	106° 30' 30"					F-48-46-A
núi Cầu Nóc	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 20"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cô Slin	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 21"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cốc Phia	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 06"	106° 32' 04"					F-48-46-A
núi Đán Deng	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 58"	106° 32' 19"					F-48-46-A
khuai Đang	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 44"	106° 33' 29"					F-48-46-A
thôn Hang Đoổng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 56"	106° 32' 50"					F-48-46-A
đập Hua Khao	KX	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 52"	106° 32' 58"					F-48-46-A
đèo Keng Pèn	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 25' 17"	106° 33' 02"					F-48-46-A
đèo Keng Va	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 27"	106° 34' 49"					F-48-46-A
núi Kéo Cờm	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 19"	106° 29' 32"					F-48-45-B
phía Khao	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 14"	106° 32' 36"					F-48-46-A
phía Khoang	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 19"	106° 34' 02"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Long Thịnh	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 32"	106° 31' 29"					F-48-46-A
núi Lũng Cừ	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 32' 53"					F-48-46-A
núi Lũng Hìn	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 17"	106° 35' 03"					F-48-46-A
núi Lũng Lìn	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 14"	106° 34' 25"					F-48-46-A
núi Lũng Nọt	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 02"	106° 34' 09"					F-48-46-A
núi Lũng Pán	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 32"	106° 29' 11"					F-48-45-B
thôn Lũng Toòng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 48"	106° 32' 08"					F-48-46-A
thôn Lũng Xá	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 40"	106° 30' 10"					F-48-46-A
núi Lũng Xác	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 44"	106° 33' 34"					F-48-46-A
phía Mi	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 37"	106° 33' 01"					F-48-46-A
thôn Nà Bang	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 43"	106° 31' 34"					F-48-46-A
thôn Nà Nưa	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 37"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 31' 21"					F-48-46-A
thôn Pác Bó	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 38"	106° 32' 36"					F-48-46-A
thôn Phía Siểc	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 30"	106° 33' 38"					F-48-46-A
suối Phía Siểc	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 25' 06"	106° 33' 16"	22° 23' 08"	106° 33' 57"	F-48-46-A
bản Pò Chà	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 02"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Pò Chà	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 34"	106° 30' 40"					F-48-46-A
thôn Pò Chạng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 01"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Pò Cheng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 10"	106° 30' 58"					F-48-46-A
thôn Pò Háng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 45"	106° 30' 58"					F-48-46-A
phía Pú Ni	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 09"	106° 32' 31"					F-48-46-A
bản Slàn	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 46"	106° 29' 18"					F-48-45-B
khau Siểm	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 05"	106° 33' 39"					F-48-46-A
thôn Thâm Ho	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 28"	106° 30' 47"					F-48-46-A
núi Toòng	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 19"	106° 31' 43"					F-48-46-A
núi Ba Xã	SV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
thôn Bản Slào	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 06"	106° 34' 45"					F-48-46-C
thôn Bản Xỏm	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 13' 33"	106° 36' 28"	22° 13' 01"	106° 34' 51"	F-48-46-C
khuổi Cầm	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 10' 21"	106° 33' 50"	22° 11' 07"	106° 34' 59"	F-48-46-C
bản Háng Cáu	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 16"	106° 36' 26"					F-48-46-C
thôn Kéo Pháy	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 34' 45"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 12' 00"	106° 33' 32"	22° 11' 06"	106° 38' 04"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Ca	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 01"	106° 34' 39"					F-48-46-C
thôn Nà Dài	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 27"	106° 34' 46"					F-48-46-C
thôn Nà Deng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 24"	106° 34' 12"					F-48-46-C
bản Nà Làng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 54"	106° 35' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Linh	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 01"	106° 35' 44"					F-48-46-C
thôn Nà Nạ	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-C
bản Nà Nhừ	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 29"	106° 35' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pò	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 02"	106° 35' 57"					F-48-46-C
thôn Nà Sáng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 59"	106° 35' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Sưa	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 56"	106° 35' 14"					F-48-46-C
thôn Pác Nặm	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 14"	106° 35' 15"					F-48-46-C
thôn Phạc Phùa	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 56"	106° 35' 31"					F-48-46-C
thôn Piêng Lặng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 06"	106° 35' 27"					F-48-46-C
thôn Piêng Mần	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 58"	106° 36' 40"					F-48-46-C
thôn Piêng Mỏ	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 35"	106° 37' 11"					F-48-46-C
khuổi Piạc	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 09' 49"	106° 35' 22"	22° 10' 29"	106° 36' 20"	F-48-46-C
thôn Pò Chả	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 10"	106° 34' 11"					F-48-46-C
bản Pò Lạn	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 40"	106° 35' 34"					F-48-46-C
thôn Pò Mạn	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 48"	106° 35' 35"					F-48-46-C
suối Trung Thành	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 13' 32"	106° 34' 53"	22° 11' 49"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 59"	106° 36' 57"					F-48-46-A
thôn Bản Cọ	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 33"	106° 39' 18"					F-48-46-A
suối Bản Cọ	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 17' 50"	106° 39' 25"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
thôn Bản Khén	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 38"	106° 36' 32"					F-48-46-A
thôn Bản Kiêng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 03"	106° 36' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Siêng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 11"	106° 37' 39"					F-48-46-A
suối Chũng Slan	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 19' 06"	106° 36' 53"	22° 19' 35"	106° 36' 23"	F-48-46-A
bản Đon Chang	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 43"	106° 36' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Nhàn	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 32"	106° 36' 47"					F-48-46-A
thôn Nà Cuối	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 15' 44"	106° 38' 00"					F-48-46-A
thôn Nà Lặng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 14"	106° 38' 31"					F-48-46-A
bản Nà Ngòi	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 59"	106° 37' 47"					F-48-46-A
thôn Nà Púng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 47"	106° 37' 52"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Púng	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 38' 04"	22° 16' 20"	106° 36' 35"	F-48-46-A
thôn Pò Khảo	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 21"	106° 38' 25"					F-48-46-A
bản Pò Lạ	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 35' 51"					F-48-46-A
núi Pò Lạ	SV	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 37' 02"					F-48-46-A
bản Pò Seo	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 38' 59"					F-48-46-A
thôn Thâm Cồng	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 33"	106° 39' 26"					F-48-46-A
suối Thâm Coổng	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 17' 07"	106° 39' 60"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
khuổi Bi Ấp (Biếp)	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 16' 51"	106° 19' 52"	22° 17' 07"	106° 20' 08"	F-48-45-B-c
thôn Áng Mò	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 33"	106° 19' 13"					F-48-45-B-c
sông Bắc Khê	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 17"	106° 16' 45"	22° 17' 36"	106° 21' 53"	F-48-45-B-c
bản Cạm Piệt	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 47"	106° 20' 52"					F-48-45-B-c
bản Châu	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 05"	106° 18' 14"					F-48-45-B-c
khuổi Cù	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 38"	106° 20' 42"	22° 20' 06"	106° 19' 58"	F-48-45-B-c
khuổi Khoay	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 16' 14"	106° 18' 13"	22° 18' 02"	106° 18' 42"	F-48-45-B-c
thôn Khuổi Bắp	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 16' 02"	106° 19' 20"					F-48-45-B-c
cầu Khuổi Cù	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 27"	106° 19' 30"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Kiên	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 21' 14"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Sli	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 18' 27"					F-48-45-B-c
cầu Khuổi Sliêng	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 17"	106° 19' 52"					F-48-45-B-c
khau Khuổi Suồn	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 42"	106° 19' 31"					F-48-45-B-c
khuổi Kiên	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 19' 08"	106° 21' 28"	22° 17' 52"	106° 20' 51"	F-48-45-B-c
khau Nà Háo	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 11"	106° 19' 41"					F-48-45-B-c
thôn Nà Háo	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 18"	106° 19' 51"					F-48-45-B-c
suối Nà Mản	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 15' 59"	106° 19' 21"	22° 16' 51"	106° 19' 52"	F-48-45-B-c
bản Nà Thia	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 27"	106° 20' 16"					F-48-45-B-c
bản Pác Đào	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 10"	106° 16' 54"					F-48-45-B-c
khau Phạ	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 09"	106° 21' 04"					F-48-45-B-c
bản Phiêng Kim	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 45"	106° 19' 05"					F-48-45-B-c
thôn Pò Cại	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 59"	106° 17' 41"					F-48-45-B-c
khau Pò Kiên	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 37"	106° 20' 15"					F-48-45-B-c
bản Pò Nộc	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 58"	106° 20' 44"					F-48-45-B-c
bản Pò Ồm	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 09"	106° 19' 42"					F-48-45-B-c
khuổi Rào	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 19' 05"	106° 16' 40"	22° 20' 12"	106° 16' 44"	F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu S Liềm	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 51"	106° 17' 33"					F-48-45-B-c
khuổi S Liêng	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 20' 36"	22° 18' 12"	106° 19' 53"	F-48-45-B-c
khuổi Suồn	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 42"	106° 19' 06"	22° 18' 25"	106° 19' 31"	F-48-45-B-c
khuổi S lỳ	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 58"	106° 18' 17"	22° 18' 44"	106° 18' 56"	F-48-45-B-c
thôn Tà Chang	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 36"	106° 20' 51"					F-48-45-B-c
khu Táng	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 10"	106° 17' 14"					F-48-45-B-c
cầu Thà Chang	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 31"	106° 21' 40"					F-48-45-B-c
sông Bắc Khê	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 20' 23"	106° 16' 32"	22° 20' 17"	106° 16' 45"	F-48-45-B-c
nằm Cát	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 17' 15"	106° 16' 55"	22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c
núi Chón Quyn	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 59"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
khuổi Chửn	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 19' 46"	106° 13' 48"	22° 19' 38"	106° 14' 27"	F-48-45-A-d
thôn Cốc Tân	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 15' 45"	106° 15' 01"					F-48-45-A-c
bản Hin Théc	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 11"	106° 15' 09"					F-48-45-B-c
thôn Kéo Cà	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 18"	106° 15' 47"					F-48-45-B-c
núi Kéo Cà	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 46"	106° 15' 40"					F-48-45-B-c
bản Kéo Táy	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 16' 25"	106° 15' 17"					F-48-45-B-c
thôn Khu Mỏ	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 16' 22"	106° 16' 45"	22° 17' 08"	106° 16' 60"	F-48-45-B-c
khu Khem	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 22"	106° 13' 20"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Chửn	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 13' 55"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Khuyết	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 44"	106° 13' 34"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Mán	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 21"	106° 15' 09"					F-48-45-B-c
bản Khuổi Pén	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 20' 02"	106° 13' 46"					F-48-45-A-d
núi Khuổi Vài	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 15"	106° 15' 57"					F-48-45-B-c
khu Luông	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 16' 52"	106° 16' 28"					F-48-45-B-c
khuổi Mán	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 17' 15"	106° 13' 34"	22° 18' 12"	106° 15' 18"	F-48-45-A-d
khuổi Mản	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 18' 12"	106° 15' 18"	22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c
khu Mào	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 45"	106° 17' 13"					F-48-45-B-c
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 52"	106° 14' 25"					F-48-45-A-d
khuổi Pác Chửn	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 18' 29"	106° 13' 28"	22° 18' 35"	106° 14' 22"	F-48-45-A-d
bản Pác Dạ	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 00"	106° 16' 58"					F-48-45-B-c
thôn Pác Đeng	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 27"	106° 16' 24"					F-48-45-B-c
bản Pác Đin	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 46"	106° 16' 17"					F-48-45-B-c
thôn Pác Mười	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 09"	106° 15' 15"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pác Mười	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 16' 48"	106° 15' 23"	22° 18' 01"	106° 15' 14"	F-48-45-B-c
khau Phác	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 15' 51"	106° 15' 56"					F-48-45-B-c
thôn Phía Khao	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 30"	106° 16' 51"					F-48-45-B-c
đường tỉnh 228	KX	xã Trí Phương	H. Tràng Định			22° 17' 19"	106° 28' 35"	22° 21' 19"	106° 31' 15"	F-48-45-B
bản Kỵ	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 19' 39"	106° 30' 44"					F-48-46-A
suối Bản Bó	TV	xã Trí Phương	H. Tràng Định			22° 20' 05"	106° 27' 06"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
bản Bó	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 60"	106° 27' 35"					F-48-45-B
núi Cốc Phía	SV	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 19' 00"	106° 29' 28"					F-48-45-B
suối Cốc Phía	TV	xã Trí Phương	H. Tràng Định			22° 19' 25"	106° 28' 45"	22° 18' 35"	106° 28' 06"	F-48-45-B
bản Cốc SLôm	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 25"	106° 28' 27"					F-48-45-B
bản Đoổng	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 19' 52"	106° 30' 53"					F-48-46-A
núi Đuốc Đeng	SV	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 20' 08"	106° 28' 18"					F-48-45-B
khuổi Giàng	TV	xã Trí Phương	H. Tràng Định			22° 18' 31"	106° 29' 46"	22° 17' 17"	106° 28' 32"	F-48-45-B
bản Háng Deng	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 20' 45"	106° 30' 54"					F-48-46-A
thôn Kéo Quần	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 19' 12"	106° 29' 53"					F-48-45-B
bản Kéo Tàu	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 13"	106° 29' 47"					F-48-45-B
núi Khau Coóng	SV	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 19' 26"	106° 27' 34"					F-48-45-B
thôn Lũng Sàng	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 20' 27"	106° 27' 50"					F-48-45-B
khuổi Nà Chảo	TV	xã Trí Phương	H. Tràng Định			22° 17' 31"	106° 30' 18"	22° 17' 24"	106° 29' 49"	F-48-46-A
thôn Nà Han	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 47"	106° 30' 02"					F-48-46-A
thôn Nà Mè	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 07"	106° 29' 02"					F-48-45-B
bản Nà Pài	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 19' 49"	106° 30' 32"					F-48-46-A
thôn Nà Pháy	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 51"	106° 28' 50"					F-48-45-B
bản Nà Tồn	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 20' 31"	106° 30' 43"					F-48-46-A
thôn Nà Ván	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 31"	106° 28' 53"					F-48-45-B
bản Ne	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 52"	106° 29' 50"					F-48-45-B
bản Pá Lầu	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 36"	106° 30' 21"					F-48-46-A
bản Phạc	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 22"	106° 28' 41"					F-48-45-B
bản Phai Sào	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 20' 53"	106° 30' 50"					F-48-46-A
bản Pò Chiêm	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 20' 52"	106° 31' 13"					F-48-46-A
thôn Rộc Mạ	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 15"	106° 29' 23"					F-48-45-B
khuổi Sao	TV	xã Trí Phương	H. Tràng Định			22° 18' 47"	106° 27' 44"	22° 18' 08"	106° 27' 41"	F-48-45-B
núi Sảo Vải	SV	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 32"	106° 31' 22"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sloọc	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 03"	106° 30' 36"					F-48-46-A
thôn Tàng Chang	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 26"	106° 30' 08"					F-48-46-A
suối Thi Nằng	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 19' 58"	106° 28' 16"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
đường tỉnh 229	KX	xã Trung Thành	H. Trảng Định			22° 13' 35"	106° 35' 04"	22° 14' 51"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bản Siển	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 11"	106° 35' 02"					F-48-46-A
suối Bản Vải	TV	xã Trung Thành	H. Trảng Định			22° 14' 52"	106° 34' 07"	22° 13' 25"	106° 33' 52"	F-48-46-C
thôn Bản Vèn	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 40"	106° 35' 59"					F-48-46-C
bản Coóc	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 45"	106° 36' 15"					F-48-46-C
bản Đông Pinh	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 56"	106° 36' 39"					F-48-46-C
thôn Khuổi Khìn	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 25"	106° 33' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Mi	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 16' 26"	106° 34' 17"					F-48-46-A
bản Nà Lạn	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 17' 28"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Lý	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 13' 59"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Nà Pục	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 48"	106° 35' 08"					F-48-46-C
thôn Pác Pầu	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 51"	106° 36' 04"					F-48-46-C
bản Piêng	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 53"	106° 36' 26"					F-48-46-A
suối Trung Thành	TV	xã Trung Thành	H. Trảng Định			22° 15' 48"	106° 36' 26"	22° 13' 32"	106° 34' 57"	F-48-46-C
khuai Bắc	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 17' 17"					F-48-45-B-c
khuổi Cạ	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 22' 11"	106° 18' 05"	22° 21' 60"	106° 18' 50"	F-48-45-B-c
thôn Đông Sào	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 24' 40"	106° 19' 39"					F-48-45-B-a
suối Đông Sào	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 24' 46"	106° 19' 38"	22° 23' 10"	106° 19' 13"	F-48-45-B-a
khuổi Hai	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 24' 05"	106° 19' 59"	22° 22' 48"	106° 19' 26"	F-48-45-B-a
thôn Khuổi Chang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 55"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
thôn Khuổi Hai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 19"	106° 20' 17"					F-48-45-B-a
bản Khuổi Sớm	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 38"	106° 19' 33"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Suôn	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 15"	106° 19' 34"					F-48-45-B-c
núi Khuổi Sướng	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 03"	106° 18' 29"					F-48-45-B-a
thôn Pác Đáp	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 19' 57"					F-48-45-B-c
bản Pác Piêng	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 15"	106° 18' 22"					F-48-45-B-c
thôn Pác Quang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 09"	106° 19' 12"					F-48-45-B-c
khuai Phạ	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 11"	106° 20' 53"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Han	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 39"	106° 19' 22"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Sầu	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 18' 49"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Piếng	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 22' 05"	106° 17' 29"	22° 21' 48"	106° 17' 53"	F-48-45-B-c
thôn Pò Lầu	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 33"	106° 18' 37"					F-48-45-B-c
khuổi Suồn	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 21' 56"	106° 19' 42"	22° 20' 42"	106° 19' 09"	F-48-45-B-c
khu 1	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 15"	106° 36' 47"					F-48-46-C
khu 2	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 36' 49"					F-48-46-C
khu 3	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 05"	106° 36' 52"					F-48-46-C
khu 4	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 33"	106° 36' 59"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng			22° 03' 41"	106° 36' 31"	22° 02' 50"	106° 37' 02"	F-48-46-C
thôn Bàn Tích	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 38"	106° 36' 54"					F-48-46-C
suối Bàn Dừa	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 04' 09"	106° 38' 09"	22° 05' 32"	106° 37' 53"	F-48-46-C
thôn Bàn Gia	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 10"	106° 38' 18"					F-48-46-C
thôn Bàn Lếch	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 29"	106° 35' 58"					F-48-46-C
thôn Bàn Rùa	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 31"	106° 37' 48"					F-48-46-C
thôn Hu Ngoài	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 04' 15"	106° 36' 51"					F-48-46-C
thôn Hu Trong	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 36' 36"					F-48-46-C
suối Khun Hu	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 58"	106° 37' 15"	22° 04' 43"	106° 36' 41"	F-48-46-C
suối Khuổi Khê	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 23"	22° 05' 30"	106° 35' 49"	F-48-46-C
suối Khuổi Luống	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 49"	106° 36' 40"	22° 05' 27"	106° 35' 25"	F-48-46-C
núi Khuôn Cheng	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 21"	106° 38' 30"					F-48-46-C
núi Liên Hạng	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 03' 49"	106° 38' 16"					F-48-46-C
núi Yên Mạ	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 57"	106° 36' 55"					F-48-46-C
núi Béo	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 32' 31"					F-48-46-C
thôn Co Liền	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 51"	106° 31' 18"					F-48-46-C
thôn Cốc Hắt	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 22"	106° 29' 18"					F-48-45-D-d
thôn Cốc Pục	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 31' 08"					F-48-46-C
suối Cốc Pục	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 04' 07"	106° 30' 39"	22° 06' 09"	106° 30' 25"	F-48-46-C
thôn Còn Siù	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 30' 45"					F-48-46-C
suối Còn Sù	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 05' 07"	106° 31' 18"	22° 06' 56"	106° 31' 14"	F-48-46-C
núi Kéo Ái	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 38"	106° 31' 54"					F-48-46-C
thôn Khuổi Hoi	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 04"	106° 31' 36"					F-48-46-C
núi Kim Kang	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 02"	106° 28' 16"					F-48-45-D-d
suối Nà Hin	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 08' 12"	106° 31' 03"	22° 08' 36"	106° 30' 09"	F-48-46-C
thôn Nà Sòm	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 08"	106° 29' 43"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Slù	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 13"	106° 30' 41"					F-48-46-C
núi Pai Luông	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D
thôn Phiêng Luông	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 28' 46"					F-48-45-D-d
súoi Phiêng Luông	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 15"	106° 29' 42"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
núi Pò Mốc Chiếp	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 30' 37"					F-48-46-C
núi Pò Sơ Hàn (Pò Shàn)	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 09' 02"	106° 29' 26"					F-48-45-D
thôn Và Quang	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 27"	106° 30' 29"					F-48-46-C
khuổi Van	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 29' 35"	22° 07' 39"	106° 29' 35"	F-48-45-D-d
khuổi Xá	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 11"	106° 28' 34"	22° 07' 10"	106° 28' 44"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			22° 02' 24"	106° 28' 52"	22° 02' 05"	106° 29' 55"	F-48-45-D-d
súoi Bàn Án	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			22° 01' 58"	106° 31' 36"	22° 02' 45"	106° 31' 50"	F-48-46-C
thôn Bàn Cáp	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 59"	106° 30' 35"					F-48-46-C
thôn Bàn Pục	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 23"	106° 31' 30"					F-48-46-C
thôn Bình Lập	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 56"	106° 30' 32"					F-48-46-C
núi Bô Diêm	SV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 58' 55"	106° 30' 21"					F-48-58-A-a
thôn Cốc Nháng	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 59' 41"	106° 30' 17"					F-48-58-A-a
súoi Cồn Pheng (Kòn Pheng)	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			21° 58' 48"	106° 28' 31"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
thôn Cương Quyết	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 00' 18"	106° 29' 52"					F-48-45-D-d
bản Hu Kiều	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 58' 57"	106° 29' 32"					F-48-57-B-b
súoi Hua Kiều	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			21° 58' 33"	106° 28' 29"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
núi Khôn Chả	SV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 31' 55"					F-48-46-C
bản Khôn Máng	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 03"	106° 31' 10"					F-48-46-C
núi Khuôn Đắng	SV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 01"	106° 32' 06"					F-48-46-C
súoi Khuôn Loỏng	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			21° 59' 07"	106° 31' 51"	21° 59' 58"	106° 31' 12"	F-48-58-A-a
thôn Kòn Pheng	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 59' 12"	10629'02					F-48-57-B-b
thôn Mạ Sao	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 31' 40"					F-48-46-C
súoi Nà Giảo	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			22° 02' 38"	106° 30' 21"	22° 02' 16"	106° 29' 33"	F-48-45-D-d
cầu Nà Giảo	KX	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 04"	106° 30' 38"					F-48-46-C
thôn Nậm Bao	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 29' 05"					F-48-45-D-d
súoi Nậm Bao	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			22° 02' 16"	106° 29' 33"	22° 02' 35"	106° 29' 33"	F-48-45-D-d
cầu Nậm Bao	KX	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 02"	106° 29' 27"					F-48-45-D-d
thôn Phai Nà	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 02"	106° 30' 06"					F-48-46-C
bản Pò Danh	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 59' 57"	106° 29' 39"					F-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pò Mánh	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 32' 09"					F-48-46-C
thôn Quảng Sơn	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 30' 40"					F-48-46-C
núi Sĩ Chu	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 19"	106° 28' 37"					F-48-45-D-d
suoối Tà Phằng	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 00' 11"	106° 30' 39"	22° 01' 21"	106° 31' 33"	F-48-46-C
bản Tát Dầm	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 29' 30"					F-48-57-B-b
bản Thâm Phía	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 28' 55"					F-48-57-B-b
suoối Bắc Châu	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng			21° 55' 48"	106° 36' 58"	21° 56' 59"	106° 37' 31"	F-48-58-A
bản Bản Đác	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 42"	106° 37' 54"					F-48-58-A
thôn Bó Châu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 49"	106° 37' 24"					F-48-58-A-a
bản Bó Lào	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 02"	106° 37' 23"					F-48-58-A
bản Cồn Nong	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 33"	106° 37' 43"					F-48-58-A
núi Càng Nộc	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A-a
bản Cồn Lạn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 17"	106° 37' 54"					F-48-58-A
bản Hang Lẻ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 53"	106° 37' 34"					F-48-58-A
núi Hang Nơ	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 58' 07"	106° 37' 51"					F-48-58-A
bản Kéo Cà	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 19"	106° 37' 10"					F-48-58-A-a
thôn Khâu Pạ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 13"	106° 38' 29"					F-48-58-A
núi Khau Tăng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 27"	106° 38' 31"					F-48-58-A
núi Lăng Ca	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 40"	106° 39' 27"					F-48-58-A
thôn Nà Lùng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 28"	106° 37' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 13"	106° 38' 02"					F-48-58-A
đập Nà Pàn	KX	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 05"	106° 37' 59"					F-48-58-A
bản Pác Háy	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 41"	106° 37' 44"					F-48-58-A
bản Phặc Lạng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 08"	106° 38' 01"					F-48-58-A
bản Phú Lầu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 12"	106° 37' 47"					F-48-58-A
bản Pò Băm	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 07"	106° 37' 52"					F-48-58-A
núi Quan Viên	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 18"					F-48-58-A
núi Soong Phây	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 37"	106° 38' 43"					F-48-58-A
khuổi Slăn	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 17"	106° 38' 49"	22° 01' 29"	106° 37' 54"	F-48-46-C
thôn Bản Lẻ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 34"	106° 36' 30"					F-48-46-C
thôn Bản Ổ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 36' 43"					F-48-58-A-a
suoối Bản Tích	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 38' 01"	22° 03' 33"	106° 36' 44"	F-48-46-C
bản Cấp Kề	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 26"	106° 37' 32"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Hắt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 37' 39"					F-48-46-C
suối Cốc Hắt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 00' 17"	106° 37' 09"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
bản Còn Noọc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 25"	106° 37' 44"					F-48-46-C
suối Hoàng Việt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 29"	106° 37' 54"	22° 02' 27"	106° 36' 01"	F-48-46-C
núi Kéo Nà Cà	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 38"	106° 38' 36"					F-48-46-C
bản Khơi Đa	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 38' 18"					F-48-46-C
thôn Khun Pinh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 20"	106° 36' 36"					F-48-46-C
thôn Khun Slam	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 41"	106° 37' 14"					F-48-46-C
bản Khuôn Chu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 40"					F-48-46-C
suối Khuôn Liền	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 00' 42"	106° 37' 32"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			21° 59' 13"	106° 35' 45"	22° 03' 04"	106° 36' 31"	F-48-46-C
bản Lũng Cáu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 14"	106° 39' 45"					F-48-58-A
suối Lũng Cùng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 30"	106° 38' 42"	22° 02' 15"	106° 37' 09"	F-48-46-C
thôn Nà Ấng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 36' 50"					F-48-46-C
bản Nà Cọng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 35"	106° 38' 01"					F-48-46-C
thôn Nà Khách	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 32"	106° 38' 07"					F-48-46-C
đập Nà Khách	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 38' 00"					F-48-46-C
thôn Nà Mạt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 10"	106° 36' 27"					F-48-46-C
thôn Nà Quynh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 35' 46"					F-48-46-C
bản Pác Đón	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 18"	106° 36' 18"					F-48-46-C
núi Pò Lầm Chắp	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 04"	106° 38' 33"					F-48-46-C
thôn Pò Pheo	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 31"	106° 37' 22"					F-48-46-C
thôn Tà Piặc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 35' 02"					F-48-46-C
bản Tênh Đồn	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 36' 24"					F-48-46-C
bản Tổng Chảo	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 06"	106° 38' 14"					F-48-46-C
thôn Bản Bềng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D-d
thôn Bản Kia	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 01"	106° 28' 58"					F-48-45-D-d
thôn Bản Miếng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 29"	106° 28' 49"					F-48-45-D-d
thôn Bình Dân	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 40"	106° 27' 55"					F-48-45-D-d
nậm Bú	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 27' 27"	22° 05' 17"	106° 28' 55"	F-48-45-D-d
thôn Co Tào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 24"	106° 27' 41"					F-48-45-D-d
thôn Cốc Mạn	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 58"	106° 26' 52"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Cốc Mặn	SV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 38"	106° 26' 56"						F-48-45-D-d
thôn Đông Chang	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 31"	106° 29' 42"						F-48-45-D-d
thôn Háng Van	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 49"	106° 28' 43"						F-48-45-D-d
suối Hội Hoan	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 08"	106° 29' 07"	22° 05' 41"	106° 28' 59"		F-48-45-D-d
bản Khau Quan	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 27' 35"						F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 50"	106° 26' 51"	22° 05' 58"	106° 26' 45"		F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 50"	106° 26' 51"	22° 03' 17"	106° 27' 20"		F-48-45-D-d
thôn Khuổi Rào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 23"	106° 26' 44"						F-48-45-D-d
suối Khuôn Nghiều	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 39"	106° 29' 33"	22° 04' 08"	106° 29' 20"		F-48-45-D-d
thôn Phiêng Liệt	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 54"	106° 29' 42"						F-48-45-D-d
bản Thảm Bề	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 31"	106° 28' 04"						F-48-45-D-d
suối Thảm Bề	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 26"	106° 27' 48"	22° 03' 48"	106° 28' 25"		F-48-45-D-d
khuổi Toọc	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 04' 38"	106° 27' 03"	22° 06' 11"	106° 28' 34"		F-48-45-D-d
thôn Bản Nhùng	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 46"	106° 36' 27"						F-48-58-A-a
bản Cốc Hắt	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 37' 19"						F-48-58-A-a
bản Keng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 14"	106° 36' 23"						F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 55' 00"	106° 35' 58"	21° 59' 13"	106° 35' 45"		F-48-58-A-a
suối Lậu Cáy	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 58' 02"	106° 37' 09"	21° 58' 55"	106° 37' 01"		F-48-58-A-a
thôn Lũng Đúc	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 59"	106° 35' 52"						F-48-58-A-a
thôn Lũng Mười	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 36' 53"						F-48-58-A-a
bản Lũng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 20"	106° 36' 15"						F-48-58-A-a
thôn Nà Tao	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 12"	106° 36' 18"						F-48-58-A-a
thôn Pác Bó	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 22"	106° 36' 09"						F-48-58-A-a
thôn Pác Sàng	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 43"	106° 36' 09"						F-48-58-A-a
bản Quang Pải	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 59"	106° 37' 03"						F-48-58-A-a
thôn Bản Van	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 28' 02"						F-48-45-D-d
thôn Bình Độ	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 21"	106° 27' 37"						F-48-45-D-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 28' 05"						F-48-45-D-d
suối Hìn Ngừm	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 35"	106° 28' 35"	22° 01' 18"	106° 28' 09"		F-48-45-D-d
thôn Hòa Lạc	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 22"	106° 27' 45"						F-48-45-D-d
núi Mây Van	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 27' 14"						F-48-45-D-d
thôn Năm Hép	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 11"	106° 27' 04"						F-48-45-D-d
núi Sam Choi	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 26' 06"						F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
khau SLin	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 49"	106° 26' 49"						F-48-45-D-d
thôn Tác Chiến	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	21° 59' 48"	106° 27' 42"						F-48-57-B-b
suối Tát Deng	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 43"	106° 27' 55"	22° 02' 29"	106° 28' 02"		F-48-45-D-d
thôn Còn Luông	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 56"	106° 37' 05"						F-48-58-A
thôn Còn Tầu Ư' (Còn Tầu)	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 44"	106° 36' 48"						F-48-58-A
núi Kéo Cà	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 28"	106° 36' 46"						F-48-58-A
núi Kéo Hua Cầu	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 20"	106° 37' 44"						F-48-58-A
thôn Khun Phung	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 49"	106° 37' 44"						F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 53' 00"	106° 37' 23"		F-48-58-A
suối Lọ Cải	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 55' 02"	106° 37' 05"	21° 54' 42"	106° 36' 28"		F-48-58-A
thôn Lương Thác	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 15"	106° 36' 25"						F-48-58-A
núi Nà Hốc	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 59"	106° 36' 12"						F-48-58-A
đường tỉnh 232	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 03' 25"	106° 36' 37"	220° 02' 08"	106° 34' 44"		F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 05' 18"	106° 35' 21"	220° 03' 39"	106° 36' 31"		F-48-46-C
thôn Bàn Làng	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 35' 07"						F-48-46-C
thôn Bó Củng	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 35' 23"						F-48-46-C
suối Cầu Tầm	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 03' 13"	106° 34' 33"	22° 04' 03"	106° 35' 01"		F-48-46-C
suối Kéo An	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 10"	106° 34' 37"	22° 03' 21"	106° 35' 02"		F-48-46-C
thôn Kéo Van	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 35' 11"						F-48-46-C
thôn Khuôn Rọc	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 08"	106° 34' 47"						F-48-46-C
suối Khuôn Rọc	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 04' 00"	106° 34' 07"	22° 04' 03"	106° 35' 01"		F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 27"	106° 35' 59"	22° 05' 10"	106° 35' 07"		F-48-46-C
thôn Nà Chà	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 36' 19"						F-48-46-C
suối Nà Chà	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	106° 35' 23"	22° 03' 17"	106° 36' 24"		F-48-46-C
bản Nà Chuông	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 02' 16"	106° 34' 41"						F-48-46-C
thôn Nà Cưởm	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 36' 24"						F-48-46-C
cầu Na Sầm	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 03' 25"	106° 36' 37"						F-48-46-C
thôn Phiêng Khoang	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 43"	106° 35' 39"						F-48-46-C
thôn Pò Lầu	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 35' 27"						F-48-46-C
cầu Tầm	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 04' 03"	106° 35' 03"						F-48-46-C
thôn Thanh Hào	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 34"	106° 35' 36"						F-48-46-C
đường tỉnh 233	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 08"	106° 41' 01"	21° 58' 38"	106° 40' 27"		F-48-58-A
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 01' 01"	106° 38' 15"	21° 57' 14"	106° 41' 30"		F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cắc Cào	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 16"	106° 40' 03"					F-48-58-A
lũng Canh Phòng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 02"	106° 40' 50"					F-48-58-A
núi Cầu Tập	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 49"	106° 40' 43"					F-48-58-A
bản Chang	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 42"	106° 39' 16"					F-48-58-A
suối Cốc Linh	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 29"	106° 38' 37"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
thôn Cốc Linh	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 00"	106° 38' 56"					F-48-58-A
bản Cốc Mặn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 60"					F-48-58-A
thôn Cốc Nam	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 32"	106° 41' 20"					F-48-58-A
núi Đài 05	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 10"	106° 41' 02"					F-48-58-A
bản Háng Mới	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 58"	106° 39' 23"					F-48-58-A
suối Háng Pài	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 43"	106° 40' 38"	21° 58' 50"	106° 39' 56"	F-48-58-A
núi Hang Soòng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 19"					F-48-58-A
núi Hin Còn	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 13"	106° 40' 52"					F-48-58-A
núi Kéo Cước	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 27"	106° 40' 19"					F-48-58-A
suối Khau Chặm	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 21"	106° 39' 04"	21° 58' 17"	106° 39' 45"	F-48-58-A
lũng Khơ Đa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 41' 07"					F-48-58-A
đồi Khôn Lùng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 31"	106° 38' 31"					F-48-58-A
bản Khura Đa	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 15"	106° 41' 12"					F-48-58-A
thôn Khun Chặm	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 52"	106° 38' 47"					F-48-58-A
thôn Khun Lùng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 59"	106° 38' 12"					F-48-58-A
thôn Khun Lý	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 38"	106° 39' 36"					F-48-58-A
suối Khun Lý	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 48"	106° 39' 53"	21° 58' 17"	106° 39' 45"	F-48-58-A
núi Lũng Cẩu	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 39' 58"					F-48-58-A
núi Lũng Chang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 39' 41"					F-48-58-A
núi Lũng Lừa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 39"	106° 39' 40"					F-48-58-A
núi Lũng Vài	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 18"	106° 41' 24"					F-48-58-A
bản Ma Mèo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 38"	106° 40' 25"					F-48-58-A
bản Nà Chồ	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 32"	106° 38' 05"					F-48-46-C
thôn Nà Dẩn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 25"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Đeng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 22"	106° 39' 57"					F-48-58-A
thôn Nà Kéo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 51"	106° 38' 23"					F-48-46-C
suối Nà Leng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 00' 00"	106° 38' 25"	22° 00' 59"	106° 38' 14"	F-48-46-C
thôn Nà Lẹng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 38' 43"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Loòng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 10"	106° 40' 28"					F-48-58-A
thôn Nà Mò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 06"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Nội	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 28"	106° 39' 09"					F-48-58-A
bản Nà Pò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 06"					F-48-58-A
bản Nà Pục	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 11"	106° 39' 33"					F-48-58-A
bản Nà Sả	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 38' 49"					F-48-46-C
bản Nà Tô	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 36"	106° 40' 16"					F-48-58-A
bản Nà Ủn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 15"	106° 38' 14"					F-48-46-C
bản Nghiều Ngọa	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 48"	106° 39' 56"					F-48-58-A
súoi Pá Phiêng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 14"	106° 40' 48"	21° 57' 43"	106° 40' 38"	F-48-58-A
núi Pá Thang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 43"	106° 40' 13"					F-48-58-A
súoi Pác Kẹt	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 59' 40"	106° 38' 10"	22° 00' 00"	106° 38' 25"	F-48-58-A
núi Pác Lĩnh	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 58"	106° 38' 34"					F-48-58-A
súoi Pác Lùng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 50"	106° 39' 56"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
bản Pác Luống	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 05"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Pò Cại	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 03"	106° 39' 12"					F-48-58-A
thôn Pò Chải	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 01"	106° 40' 07"					F-48-58-A
súoi Pò Chải	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 56' 30"	106° 40' 04"	21° 58' 07"	106° 40' 14"	F-48-58-A
bản Pò Lầy	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 21"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Pò Luống	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 51"	106° 40' 34"					F-48-58-A
bản Pò Phần	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 09"	106° 39' 17"					F-48-58-A
thôn Tà Lài	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 40' 17"					F-48-58-A
đài tưởng niệm LS Tân Mỹ	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 57"	106° 41' 41"					F-48-58-A
bản Thâm Chạng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 09"	106° 37' 46"					F-48-46-C
lũng Tì Bản	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 40' 12"					F-48-58-A
núi Toong Chinh	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 39' 19"					F-48-46-C
đồi Vằng Kếng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 53"	106° 39' 19"					F-48-58-A
súoi Khuôn Khê	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 31"	106° 31' 11"	22° 04' 48"	106° 31' 54"	F-48-46-C
thôn Bản Cấn	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 18"					F-48-46-C
súoi Bản Cấn	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 20"	106° 32' 57"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Đang	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 49"	106° 31' 53"					F-48-46-C
thôn Bản Gioòng	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 48"	106° 33' 41"					F-48-46-C
súoi Bản Gioòng	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 05' 03"	106° 33' 24"	22° 04' 01"	106° 33' 58"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Sao	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 03' 41"	106° 33' 14"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
núi Cáy Thurn	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 57"	106° 31' 42"					F-48-46-C
bản Giã Đa	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 34"					F-48-46-C
núi Hang Mạ Sao	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 31' 00"					F-48-46-C
bản Kéo Phải	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 33' 10"					F-48-46-C
núi Khuổi Xá	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 40"	106° 33' 28"					F-48-46-C
bản Khuôn Dương	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 50"	106° 32' 03"					F-48-46-C
bản Khuôn Sâu	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 30"	106° 33' 21"					F-48-46-C
suối Khuôn Su	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 05' 58"	106° 32' 19"	22° 04' 24"	106° 32' 38"	F-48-46-C
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 51"	106° 34' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Mần	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 21"	106° 32' 20"					F-48-46-C
bản Nà Quệt	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 26"	106° 32' 49"					F-48-46-C
thôn Nà Sláng	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 58"	106° 32' 38"					F-48-46-C
bản Pác Sao	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 04"	106° 33' 60"					F-48-46-C
suối Pác Sao	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 03' 38"	106° 31' 14"	22° 03' 44"	106° 32' 05"	F-48-46-C
bản Phạ	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 33' 37"					F-48-46-C
bản Tầm	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 13' 17"	106° 32' 20"					F-48-46-C
thôn Bản Đuốc	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 46"	106° 39' 30"					F-48-46-C
suối Bản Đuốc	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 03"	106° 40' 00"	22° 01' 46"	106° 39' 07"	F-48-46-C
thôn Bản Thầu	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 40"	106° 39' 52"					F-48-46-C
lũng Cầu Tập	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	21° 59' 59"	106° 40' 33"					F-48-58-A
núi Chắp Chiu	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 45"	106° 37' 46"					F-48-46-C
núi Dinh Pùn	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 28"	106° 42' 17"					F-48-46-C
suối Đàng Puông	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 01' 52"	106° 40' 06"	22° 01' 18"	106° 39' 15"	F-48-46-C
núi Khau Khú	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 02' 45"	106° 39' 36"					F-48-46-C
đồi Khau Ngầu	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 03' 17"	106° 41' 43"					F-48-46-C
đồi Khau Phước	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 42' 20"					F-48-46-C
khuổi Lầy	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 20"	106° 38' 56"	22° 01' 37"	106° 38' 52"	F-48-46-C
suối Nà Cuối	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 41"	106° 39' 53"	22° 01' 46"	106° 39' 07"	F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 12"	106° 40' 51"					F-48-46-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 33"	106° 40' 40"					F-48-46-C
suối Nà Ngòa	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 01' 35"	106° 41' 00"	22° 01' 18"	106° 39' 15"	F-48-46-C
thôn Nà Tổng	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 19"	106° 40' 11"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phía Cần Séc	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 23"	106° 41' 05"					F-48-46-C
cửa khẩu Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 14"	106° 40' 51"					F-48-46-C
Khu KT Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 40' 33"					F-48-46-C
khuổi Cạu	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 09' 24"	106° 33' 48"	22° 09' 36"	106° 33' 17"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 10' 25"	106° 32' 23"	22° 07' 57"	106° 34' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Quan	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 57"	106° 32' 28"					F-48-46-C
cầu Bản Quan	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 31"	106° 33' 01"					F-48-46-C
thôn Bó Mịn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
khuổi Chàng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 15"	106° 32' 23"	22° 09' 15"	106° 33' 01"	F-48-46-C
thôn Khôn Búm	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 58"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 07' 42"	106° 33' 54"	22° 10' 25"	106° 32' 19"	F-48-46-C
khau Lếch	SV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 10' 20"	106° 33' 12"					F-48-46-C
thôn Nà Cạn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 06"					F-48-46-C
cầu Nà Cạn	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 38"	106° 32' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Là	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 60"	106° 33' 47"					F-48-46-C
thôn Nà Lặng	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pịa (Nà Pjia)	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 22"	106° 34' 57"					F-48-46-C
bản Nà Tèo	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 32"	106° 34' 12"					F-48-46-C
suối Pá Báy	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 38"	106° 35' 23"	22° 08' 17"	106° 34' 08"	F-48-46-C
thôn Pá My	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 47"	106° 33' 36"					F-48-46-C
suối Phai Ne	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 52"	106° 32' 17"	22° 09' 49"	106° 32' 42"	F-48-46-C
đường tỉnh 232	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 02' 08"	106° 34' 44"	22° 00' 35"	106° 34' 36"	F-48-46-C
thôn Bản Đon	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 25"	106° 33' 15"					F-48-46-C
thôn Bản Min	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 33' 47"					F-48-46-C
suối Bản Nam	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 04"	106° 32' 56"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
thôn Cốc Pàu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 24"	106° 33' 02"					F-48-46-C
núi Đông Sián	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 60"	106° 34' 46"					F-48-46-C
đèo Hang Phạ	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 10"	106° 33' 31"					F-48-46-C
suối Kéo An	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 32"	106° 34' 04"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
đèo Khoang Tồng	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 13"	106° 34' 25"					F-48-46-C
thôn Khun Búng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 26"	106° 33' 46"					F-48-46-C
suối Khuôn Búng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 33"	106° 33' 51"	22° 00' 23"	106° 33' 37"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 58"	106° 35' 02"	22° 02' 27"	106° 35' 59"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Mềng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 38"	106° 32' 27"					F-48-46-C
thôn Nặm Tấu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 34' 27"					F-48-46-C
cầu Nặm Tấu	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 08"	106° 34' 33"					F-48-46-C
thôn Pác Ca	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 45"	106° 35' 33"					F-48-46-C
núi Phia Sli	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 11"	106° 34' 19"					F-48-46-C
bản Pò Cuối	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 33' 38"					F-48-46-C
suối Tà Phằng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 30"	106° 32' 29"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
thôn Tả Phang	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 33' 03"					F-48-46-C
thôn Tinh Bó	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 32' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Cẩu	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 59"	106° 41' 31"					F-48-46-C
bản Bản Tát	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 06' 15"	106° 39' 59"					F-48-46-C
bản Còn Phia	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 17"	106° 41' 47"					F-48-46-C
bản Còn Slung	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 55"	106° 40' 06"					F-48-46-C
thôn Đàng Van	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 39' 41"					F-48-46-C
thôn Đon Trang	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Khau Khú	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 44"	106° 40' 01"					F-48-46-C
núi Khôn Nâm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 39' 45"					F-48-46-C
suối Khuổi Chặt	TV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng			22° 04' 01"	106° 38' 41"	22° 04' 28"	106° 39' 35"	F-48-46-C
núi Lũng Luông	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 43"	106° 41' 31"					F-48-46-C
bản Mầm Mềng	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 41' 03"					F-48-46-C
thôn Nà Cà	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 38' 51"					F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 40' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Liền	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 28"	106° 38' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Phán	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 22"	106° 41' 08"					F-48-46-C
bản Nà Phưông	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 36"	106° 42' 04"					F-48-46-C
bản Nà Po	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 39' 57"					F-48-46-C
đập Nà Sường	KX	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 18"	106° 40' 54"					F-48-46-C
cầu Nà Va	KX	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 40' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Vạc	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 40' 53"					F-48-46-C
bản Nà Xóm	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 33"	106° 38' 55"					F-48-46-C
suối Nặm Niếng	TV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	106° 40' 42"	22° 04' 50"	106° 41' 20"	F-48-46-C
thôn Pá Chí	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 53"	106° 41' 57"					F-48-46-C
thôn Pác Cú	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 32"	106° 40' 40"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pàn Phước	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Pó Bùn	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 37"	106° 41' 50"					F-48-46-C
núi Pò Ngâm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 01"	106° 42' 06"					F-48-46-C
núi Pò Soong	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 53"	106° 40' 35"					F-48-46-C
bản Slam Kha	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 17"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Tăng Cạo	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 35"	106° 39' 27"					F-48-46-C
thôn Bản Pịa	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 14"	106° 37' 07"					F-48-46-C
thôn Bản Tả	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 40' 05"					F-48-46-C
suối Bản Tát	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 26"	106° 40' 08"	22° 07' 01"	106° 39' 56"	F-48-46-C
bản Co Luông	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 40' 07"					F-48-46-C
núi Cốc Lãng	SV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 28"	106° 37' 12"					F-48-46-C
thôn Cồn Ngoà	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 40' 52"					F-48-46-C
suối Khuổi Sáng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 08' 10"	106° 40' 49"	22° 08' 22"	106° 40' 30"	F-48-46-C
thôn Khuổi Thâm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 00"	106° 37' 44"					F-48-46-C
bản Nà Chanh	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 38' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Hình	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 41' 10"					F-48-46-C
thôn Nà Luông	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 44"	106° 41' 07"					F-48-46-C
suối Nà Luông	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 10"	106° 40' 27"	22° 08' 10"	106° 40' 49"	F-48-46-C
thôn Nà Mới	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 30"	106° 37' 29"					F-48-46-C
thôn Nà So	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 24"	106° 40' 59"					F-48-46-C
đập Nà Van	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 20"	106° 40' 43"					F-48-46-C
suối Pá Cây	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 07' 43"	106° 39' 13"	22° 07' 38"	106° 39' 30"	F-48-46-C
thôn Pác Cây	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 35"	106° 39' 29"					F-48-46-C
suối Pác Chanh	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 38' 35"	22° 07' 17"	106° 39' 00"	F-48-46-C
bản Pò Mu	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 40' 60"					F-48-46-C
thôn Pò Pheo	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 24"	106° 38' 36"					F-48-46-C
suối Thâm Pàng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 12"	106° 37' 08"	22° 07' 18"	106° 38' 27"	F-48-46-C
thôn Thâm Pàng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 37' 28"					F-48-46-C
thôn Thâm Slăm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 34"	106° 39' 08"					F-48-46-C
đường tỉnh 229	KX	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 07' 40"	106° 35' 45"	22° 09' 58"	106° 36' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Cháu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 24"	106° 36' 38"					F-48-46-C
suối Bản Manh	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 09' 05"	106° 39' 10"	22° 10' 09"	106° 39' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Pên	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 32"	106° 37' 10"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Báu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 10' 08"	106° 39' 34"					F-48-46-C
bản Đông Slán	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 20"	106° 37' 51"					F-48-46-C
thôn Khuổi Chang	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 25"	106° 37' 28"					F-48-46-C
suối Khuổi Sáng	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 08' 22"	106° 40' 30"	22° 09' 54"	106° 40' 12"	F-48-46-C
khau Luông	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 15"	106° 41' 09"					F-48-46-C
bản Manh Nưa	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 54"	106° 38' 25"					F-48-46-C
bản Manh Tầu Ư' (Manh Tầu)	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 00"	106° 38' 42"					F-48-46-C
bản Nà Lặng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 18"	106° 38' 46"					F-48-46-C
bản Nà Sla	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 51"	106° 37' 12"					F-48-46-C
bản Nà Tổng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 46"	106° 40' 14"					F-48-46-C
thôn Pá Táp	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 51"					F-48-46-C
núi Pò Cốc	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 40"	106° 39' 24"					F-48-46-C
thôn Pò Hà	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 58"	106° 36' 41"					F-48-46-C
bản Pò Lo	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 07"	106° 40' 27"					F-48-46-C
bản Pò Mặt	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 35"	106° 40' 22"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 57"	106° 34' 53"	22° 05' 19"	106° 35' 21"	F-48-46-C
thôn Bản Gioong	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 38"	106° 34' 10"					F-48-46-C
thôn Bản Vạc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 05"	106° 35' 34"					F-48-46-C
cầu Bó Củng	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 19"	106° 35' 21"					F-48-46-C
đèo Kéo Pia	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 12"	106° 36' 44"					F-48-46-C
khuổi Khế	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 24"	22° 05' 50"	106° 35' 58"	F-48-46-C
bản Khòn Sâu	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 28"	106° 34' 24"					F-48-46-C
bản Khun Củng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Khun Gioong	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 55"	106° 33' 22"					F-48-46-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 10"	106° 35' 09"	22° 07' 40"	106° 33' 54"	F-48-46-C
thôn Liệt Đầu Ư' (Liệt Đầu)	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 35' 16"					F-48-46-C
thôn Liệt Nọc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 55"	106° 35' 18"					F-48-46-C
suối Lọ Lải	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 06' 24"	106° 36' 47"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Lũng Thuổng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 57"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Lũng Vài	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 24"					F-48-46-C
hồ Lũng Vài	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 35' 23"					F-48-46-C
núi Mè Măng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 27"	106° 36' 50"					F-48-46-C
núi Mỏ Toòng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 44"	106° 32' 21"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Chi	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 20"	106° 34' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Chông	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 00"	106° 34' 38"					F-48-46-C
suối Nà Liệt	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 11"	106° 36' 25"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 32' 38"					F-48-46-C
suối Nà Lừa	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 15"	106° 32' 37"	22° 06' 54"	106° 34' 00"	F-48-46-C
thôn Nà Mềng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 06"	106° 34' 11"					F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 33"	106° 34' 59"					F-48-46-C
thôn Pá Danh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 25"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Pàn Khinh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 34' 26"					F-48-46-C
thôn Phai Poóng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
thôn Tổng Kịt	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 34' 35"					F-48-46-C
quốc lộ 1B	KX	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 08"	106° 30' 42"	21° 52' 44"	106° 33' 12"	F-48-58-A-c
sông Bó Pía (Bó Pya)	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 10"	106° 30' 42"	21° 52' 45"	106° 33' 12"	F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 20"	106° 31' 39"	21° 51' 52"	106° 32' 01"	F-48-58-A-c
cầu Đức Hình	KX	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 32' 01"					F-48-58-A-c
phố Đức Hình 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 31' 41"					F-48-58-A-c
phố Đức Hình 2	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 31' 49"					F-48-58-A-c
phố Đức Tâm 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 48"	106° 32' 07"					F-48-58-A-c
phố Đức Thịnh	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 31' 51"					F-48-58-A-c
bản Khun Tát	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 37"	106° 32' 58"					F-48-58-A-a
sông Lù Lọc	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 52' 07"	106° 30' 30"	21° 51' 53"	106° 30' 57"	F-48-58-A-c
núi Pò LSung	SV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 17"	106° 31' 32"					F-48-58-A-c
phố Tân An	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 52"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
phố Tân Long	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 30' 59"					F-48-58-A-c
phố Tân Minh	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 32' 40"					F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 54"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 2	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
phố Tân Xuân	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
thôn Bản Sầm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 31' 56"					F-48-58-A-c
cầu Bản Sầm	KX	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 31' 46"					F-48-58-A-c
núi Chá Căng	SV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 16"	106° 31' 04"					F-48-58-A-c
bản Cốc Lọ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 31' 31"					F-48-58-A-c
bản Còn Mon	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 31' 51"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Bềng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 07"	106° 31' 16"					F-48-58-A-c
bản Khòn Khoang	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 04"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Khòn Làng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 50"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Mới	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Nhừ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 45"	106° 31' 07"					F-48-58-A-c
bản Khum Nặm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 26"	106° 31' 29"					F-48-58-A-c
bản Lù Hút	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 02"					F-48-58-A-c
bản Lũng Lặng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Thước	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 48"	106° 30' 28"					F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 49' 26"	106° 31' 41"	F-48-58-A-c
bản Nà Chè	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
thôn Nà Dài	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
thôn Nà Hấy	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
bản Nà Lèo	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 17"					F-48-58-A-c
bản Nà Lò	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 31' 42"					F-48-58-A-c
thôn Pắc Cắm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 31' 43"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 39"	106° 35' 53"	21° 49' 47"	106° 35' 49"	F-48-58-A-c
thôn bản Noóc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 36' 52"					F-48-58-A-c
núi Cốc Ngoà	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 26"	106° 37' 38"					F-48-58-A-d
bản Cốc Phát	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 14"	106° 36' 03"					F-48-58-A-c
sông Cốc Phát	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 20"	106° 35' 49"	21° 50' 53"	106° 36' 08"	F-48-58-A-c
thôn Cốc Phường	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 49"	106° 36' 02"					F-48-58-A-c
bản Cốc Pục	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
thôn Đoổng Đeng	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 25"	106° 35' 49"					F-48-58-A-c
khuổi Mương	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 51' 27"	106° 37' 24"	21° 51' 29"	106° 36' 46"	F-48-58-A-c
thôn Nà Chỏn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 36' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Choóc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 13"	106° 37' 15"					F-48-58-A-c
thôn Nà Pài	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 35"	106° 35' 56"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tèn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 43"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Nà Thòa	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 41"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
núi Phai Ngạn	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 38' 01"					F-48-58-A-d
suối Phai Pản	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 41"	106° 36' 46"	21° 51' 52"	106° 36' 44"	F-48-58-A-c
thôn Phai Xả	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 36' 53"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Đại An	H. Văn Quan			21° 53' 01"	106° 34' 12"	21° 52' 45"	106° 34' 43"	F-48-58-A-a
thôn Bình Đăng B	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 33' 49"					F-48-58-A-c
thôn Còn Mìn	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 34' 25"					F-48-58-A-c
núi Đông Dăm	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 33' 50"					F-48-58-A-a
núi Đông Dưới	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 33' 12"					F-48-58-A-c
thôn Ích Hữu	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 52"	106° 33' 29"					F-48-58-A-c
bản Khòn Nưa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Ngần	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
bản Lũng Pa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-A-a
bản Nà Áng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 27"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c
khuai Ngọ	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 32"	106° 34' 56"					F-48-58-A-c
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 34' 04"					F-48-58-A-c
thôn Pác Lũng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 34' 39"					F-48-58-A-c
bản Pò Diễm	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 58"	106° 35' 02"					F-48-58-A-c
núi Xa Khao	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c
núi Xa Mật	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 51"	106° 35' 05"					F-48-58-A-c
thôn Xuân Quang	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 00"					F-48-58-A-c
thôn Bắc Nam	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 41' 23"					F-48-58-A-d
thôn Bản Chạp	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 35"	106° 40' 14"					F-48-58-A-d
thôn Cốc Sáng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
núi Khau Puồng	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 19"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Nọi	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 42' 03"					F-48-58-A-d
núi Khuổi Phin	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 08"	106° 42' 33"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 52' 15"	106° 42' 00"	21° 52' 14"	106° 40' 14"	F-48-58-A-d
thôn Lũng Cúng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 53"	106° 42' 29"					F-48-58-A-d
súoi Nà Bản	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 50' 16"	106° 41' 18"	21° 51' 46"	106° 41' 37"	F-48-58-A-d
thôn Nà Bản	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 41' 28"					F-48-58-A-d
thôn Nà Dào	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 40' 28"					F-48-58-A-d
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 05"	106° 40' 15"					F-48-58-A-d
thôn Phai Lừa	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 39' 31"					F-48-58-A-d
núi Boong Luông	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a
thôn Còn Hẩu	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 34"	106° 31' 53"					F-48-58-A-a
bản Hạ Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 20"	106° 30' 45"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hà Quảng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 58"	106° 32' 43"					F-48-58-A-a
núi Kéo Đông	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 55"	106° 30' 36"					F-48-58-A-a
thôn Lũng Răng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 58"	106° 32' 16"					F-48-58-A-a
núi Nà Bon	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 55' 17"	106° 32' 13"					F-48-58-A-a
thôn Nà Vằng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 31' 06"					F-48-58-A-a
suối Pá Náp	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan			21° 54' 02"	106° 30' 14"	21° 52' 43"	106° 31' 12"	F-48-58-A-a
núi SLầu Lường	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 29"	106° 30' 31"					F-48-58-A-a
bản Thượng Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 41"	106° 29' 51"					F-48-57-B-b
thôn Trung Thượng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 06"	106° 30' 23"					F-48-58-A-a
suối Trung Thượng	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan			21° 55' 04"	106° 30' 23"	21° 54' 02"	106° 30' 14"	F-48-58-A-a
núi Ảng Ngượn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 58"	106° 26' 25"					F-48-57-D-b
thôn Bản Chặng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 52"	106° 26' 01"					F-48-57-D-b
thôn Bản Rươi	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 48"	106° 25' 21"					F-48-57-D-b
thôn Bản Xó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 54"	106° 25' 30"					F-48-57-D-b
núi Bó Bang	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 53"	106° 24' 02"					F-48-57-D-b
bản Bó Duốc	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 52"	106° 25' 08"					F-48-57-D-b
đèo Cáng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 17"	106° 23' 15"					F-48-57-D-b
bản Cốc Trờ	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 24"					F-48-57-D-b
thôn Đơn Chợ	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 37"	106° 24' 39"					F-48-57-D-b
đèo Hản	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 40"	106° 26' 12"					F-48-57-D-b
núi Hin Ngần	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 55"	106° 25' 06"					F-48-57-D-b
đèo Kéo Hin	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 23"	106° 26' 52"					F-48-57-B-d
bản Khôn Hù	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 52"					F-48-57-D-b
núi Khuôn Chiếng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 24' 54"					F-48-57-D-b
bản Lân Bó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 41' 39"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
núi Lũng Luông	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 25' 34"					F-48-57-D-b
núi Lũng Văn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 57"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
thôn Nà Ne	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 30"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
núi Nà Nhum	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 21"	106° 26' 30"					F-48-57-B-d
đèo Nghiến	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 38"	106° 26' 20"					F-48-57-D-b
núi Pá Nửa	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 14"	106° 26' 27"					F-48-57-D-b
bản Pá Ta	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 46"	106° 25' 43"					F-48-57-D-b
núi Pá Ta	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 26"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Phiêng Vây	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 50"	106° 26' 36"						F-48-57-D-b
bản Tấn Nùng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 14"	106° 27' 26"						F-48-57-D-b
quốc lộ 1B	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 58"	106° 37' 30"	21° 52' 43"	106° 39' 18"		F-48-58-A
thôn Bản Khánh	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 39' 13"						F-48-58-A
bản Chắt Ngọt	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 06"	106° 39' 07"						F-48-58-A-d
thôn Cốc Ca	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 25"	106° 39' 18"						F-48-58-A-d
thôn Cồn Khiển	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 44"	106° 37' 46"						F-48-58-A
thôn Đồng Chuông	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 37' 55"						F-48-58-A
cầu Khánh Khê	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 52"	106° 39' 10"						F-48-58-A
bản Khung Phya	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 24"						F-48-58-A
bản Khuổi Rươi	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 39' 07"						F-48-58-A-d
súoi Khuôn Pán	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 51' 45"	106° 38' 31"	21° 52' 49"	106° 38' 43"		F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 13"	106° 40' 14"	21° 53' 03"	106° 37' 27"		F-48-58-A
súoi Lọ Vạt	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 05"	106° 37' 33"	21° 52' 57"	106° 37' 48"		F-48-58-A
thôn Nà Khau	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 33"	106° 38' 43"						F-48-58-A
thôn Nà Lốc	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 09"						F-48-58-A
đập Thủy Luân	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 39' 18"						F-48-58-A
quốc lộ 1B	KX	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 52' 17"	106° 26' 13"	21° 50' 05"	106° 28' 09"		F-48-57-B-d
thôn Bản Châu	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 26' 44"						F-48-57-B-d
súoi Bản Châu	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 33"	106° 26' 43"	21° 50' 10"	106° 27' 50"		F-48-57-B-d
thôn Bản Đú	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 26' 14"						F-48-57-B-d
thôn Bản Kinh	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 27"	106° 25' 30"						F-48-57-B-d
bản Bản Sơ Han (Bản Shan)	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 37"	106° 26' 44"						F-48-57-B-d
súoi Bản Sơ Han (Bản Shan)	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 42"	106° 25' 47"	21° 50' 40"	106° 26' 59"		F-48-57-B-d
thôn Bản Téng	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 26' 55"						F-48-57-B-d
núi Khuôn Da	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 20"	106° 27' 22"						F-48-57-B-d
bản Lũng Cón	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 26' 13"						F-48-57-B-d
núi Lũng Li	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 25' 13"						F-48-57-B-d
núi Lũng Toòng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 08"	106° 25' 39"						F-48-57-B-d
sông Lương Năng	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 50' 40"	106° 26' 59"	21° 50' 04"	106° 28' 09"		F-48-57-B-d
thôn Nà Lướt	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 02"	106° 25' 49"						F-48-57-B-d
bản Nà Mè	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 23"	106° 27' 41"						F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Thang	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 26' 59"					F-48-57-B-d
núi Nàng Sơ Hiên (Nàng Shiên)	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 12"	106° 26' 31"					F-48-57-B-d
thôn Pá Hà	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 25' 20"					F-48-57-B-d
núi Pá Hà	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 53"	106° 24' 35"					F-48-57-B-d
suối Pá Hà	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 48' 25"	106° 24' 50"	21° 50' 03"	106° 25' 42"	F-48-57-B-d
bản Phai Quan	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 26' 56"					F-48-57-B-d
núi Pò Nà Sặng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
bản Soong Bai	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 27' 23"					F-48-57-B-d
bản Tùng Dày	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 01"	106° 25' 23"					F-48-57-B-d
thôn Bản Nhang	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 18"	106° 30' 24"					F-48-58-A-a
thôn Giang Nưa	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 49"	106° 30' 35"					F-48-58-A-a
thôn Giang Tầu U' (Giang Tầu)	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 26"	106° 30' 05"					F-48-58-A-a
núi Khôn Nọc	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 19"	106° 30' 15"					F-48-58-A-a
bản Khuôn Sá	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 32' 24"					F-48-58-A-a
núi Nà Luông	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 53"	106° 31' 43"					F-48-58-A-a
suối Phai Sảo	TV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan			21° 57' 55"	106° 32' 05"	21° 58' 22"	106° 32' 31"	F-48-58-A-a
bản Tầm Đông	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 05"	106° 31' 34"					F-48-58-A-a
bản Tầm Tầu U' (Tầm Tầu)	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 15"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
thôn An Mạ	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 34' 41"					F-48-58-A-a
thôn Bản Đin	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 35' 45"					F-48-58-A-a
thôn Bản Thảm	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 57' 23"	106° 35' 52"					F-48-58-A-a
núi Khum Quốc	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 33"	106° 35' 01"					F-48-58-A-a
thôn Khun Pầu	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 03"	106° 35' 11"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 54' 30"	106° 35' 44"	21° 58' 16"	106° 36' 06"	F-48-58-A-a
núi Lùng Riêng	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 41"	106° 34' 33"					F-48-58-A-a
sông Mỏ Pía	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 55' 12"	106° 34' 39"	21° 55' 40"	106° 36' 00"	F-48-58-A-a
thôn Nà Lọ	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 35' 49"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lược	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 58' 03"	106° 36' 19"					F-48-58-A-a
thôn Pác Làng	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 34"	106° 35' 55"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 239	KX	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan			21° 49' 46"	106° 35' 49"	21° 47' 48"	106° 36' 26"	F-48-58-A-c
chợ Ba Xã	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 57"	106° 36' 21"					F-48-58-A-c
thôn Bản Nàng	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 48"	106° 37' 10"					F-48-58-A-c
hồ Bản Nàng	TV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 45"	106° 36' 57"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bó Quắt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 04"	106° 36' 55"					F-48-58-A-c
khau Chông Mu	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 57"	106° 35' 18"					F-48-58-A-c
bản Kéo Kít	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 36' 27"					F-48-58-A-c
núi Kéo Rào	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 35' 16"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Cải	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 28"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Ngoà	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 36' 15"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 23"	106° 36' 39"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sào	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 39"	106° 36' 07"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Sày	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 46"					F-48-58-A-c
bản Khòn Xưa	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 45"	106° 35' 42"					F-48-58-A-c
bản Khưa Thúm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 02"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khun Xóm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Lùng Cuối	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 40"	106° 36' 19"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Mán	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 34' 40"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 37' 18"					F-48-58-A-c
hang Lùng Yên	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 39"	106° 35' 08"					F-48-58-A-c
bản Nà Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Nà Lin	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 15"	106° 36' 04"					F-48-58-A-c
bản Nặm Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c
bản Nặm Dạt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 35' 47"					F-48-58-A-c
thôn Nặm Lạt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
núi Phai Mật	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
thôn Phai Rọ	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 13"	106° 35' 51"					F-48-58-A-c
khau Pi	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 19"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Mặn	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 36' 44"					F-48-58-A-c
thôn Pò Xê	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 50"	106° 36' 06"					F-48-58-A-c
khau Thán	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 232	KX	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 35"	106° 34' 36"	21° 56' 59"	106° 33' 59"	F-48-46-C
thôn Bản Cháo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 29"	106° 34' 31"					F-48-58-A-a
thôn Bản Hèo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 34"	106° 34' 16"					F-48-58-A-a
bản Bó Danh	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 34' 22"					F-48-58-A-a
núi Cốc Phung	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 28"	106° 32' 36"					F-48-46-C
thôn Còn Pù	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 38"	106° 33' 23"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cồn Sát	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 31"	106° 34' 18"					F-48-58-A-a
núi Khau Lý	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 09"	106° 33' 40"					F-48-58-A-a
thôn Khun Thắm	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 36"	106° 32' 38"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			21° 58' 16"	106° 36' 06"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-58-A-a
bản Lũng Đin	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 34' 11"					F-48-46-C
bản Mò Khưa	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 02"	106° 34' 48"					F-48-58-A-a
bản Nà Ho	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 20"	106° 33' 30"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 58"	106° 34' 44"					F-48-58-A-a
núi Nà Mu	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 33"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
suối Phai Sião	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 23"	106° 33' 37"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
bản Phiêng Khắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 35' 11"					F-48-46-C
bản Cóc Loi	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 21"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khau Đẳng	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 48' 46"	106° 38' 17"					F-48-58-A-d
bản Khau Muồn	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 48' 58"	106° 38' 36"					F-48-58-A-d
thôn Khau Ràng	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 40' 00"					F-48-58-A-d
bản Khòn Cáu	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 49"	106° 38' 08"					F-48-58-A-d
thôn Khòn Luộc	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 47"	106° 38' 20"					F-48-58-A-d
suối Lũng Thương	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 50' 54"	106° 38' 49"	21° 49' 40"	106° 39' 33"	F-48-58-A-d
khau Moòng	SV	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 51' 11"	106° 38' 16"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ái	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 38' 47"					F-48-58-A-d
thôn Nà Khàn	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lẹ	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 56"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
suối Nà Lin	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 49' 40"	106° 39' 33"	21° 49' 46"	106° 40' 17"	F-48-58-A-d
thôn Nà Phất	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 22"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Tao	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
thôn Nà Thườn	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 22"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
suối Nà Thườn	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 48' 27"	106° 38' 01"	21° 49' 40"	106° 39' 33"	F-48-58-A-d
đường tỉnh 239	KX	xã Tràng Phái	H. Văn Quan			21° 47' 48"	106° 36' 26"	21° 45' 57"	106° 38' 31"	F-48-58-A-c
thôn Bản Háu	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 37' 25"					F-48-58-A-c
thôn Cồn Chuông	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 03"	106° 36' 24"					F-48-58-A-c
làng Dưới	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 01"	106° 37' 07"					F-48-58-A-c
bản Đồng Ké	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 36' 41"					F-48-58-A-c
bản Đồng Lâu	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 36' 09"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khòn Đon	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 42"					F-48-58-A-c
bản Khòn Mẩn	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 29"	106° 37' 60"					F-48-58-A-d
bản Khòn Ngoà	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Riêng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sáng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 12"	106° 37' 32"					F-48-58-A-d
bản Khòn Vạc	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 37' 04"					F-48-58-A-c
bản Khòn Yên	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 37' 35"					F-48-58-A-d
bản Lũng Hủ	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 30"	106° 34' 15"					F-48-58-A-c
bản Lũng Lỵ	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 37"	106° 37' 17"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Thúm	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 12"	106° 35' 11"					F-48-58-A-c
bản Mò Pài	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 17"	106° 36' 42"					F-48-58-A-c
thôn Nà Chanh	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 40"	106° 37' 40"					F-48-58-A-d
bản Nà Khưa	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 36' 36"					F-48-58-A-c
bản Na Lặng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 38"	106° 35' 09"					F-48-58-A-c
bản Nà Lùm	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 35' 21"					F-48-58-A-c
bản Nà Pài	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 36' 25"					F-48-58-A-c
bản Nà Pò	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 38' 04"					F-48-58-A-d
hang Ngườm Nặm	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 36"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
bản Pắc Đầy	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 35"	106° 36' 26"					F-48-58-A-c
thôn Phai Làng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 51"					F-48-58-A-c
hang Phia Lộng (Phya Lộng)	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Ồi	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 02"	106° 35' 37"					F-48-58-A-c
bản Pò Riêng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 38"	106° 36' 51"					F-48-58-A-c
bản Sanh Chải	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 55"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c
khau Sen	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 37' 39"					F-48-58-A-d
bản Thâm Duốc	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 38' 10"					F-48-58-A-d
thôn Túng Nọi	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 34' 03"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tùng Tây	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 36' 59"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan							
thôn Bản Pằng	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 00"	106° 33' 41"					F-48-58-A-c
bản Bó Phan	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c
núi Cốc Tàu Phôi	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 15"	106° 34' 06"					F-48-58-A-c
thôn Kéo Còi	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 33' 43"					F-48-58-A-c
núi Kéo Xốp	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 46"					F-48-58-A-c
thôn Khau Thán	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 34' 52"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Cát	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 35' 10"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Làng	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 31"	106° 35' 07"					F-48-58-A-c
bản Khòn Thon	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 26"	106° 34' 12"					F-48-58-A-c
bản Lũng Hà	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Tàu - Lũng Pha	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 26"					F-48-58-A-c
bản Nà Hấy	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 33' 57"					F-48-58-A-c
thôn Nà Mu - Nà Lá	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 56"	106° 34' 16"					F-48-58-A-c
bản Phiên Mậu	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 29"	106° 34' 24"					F-48-58-A-c
núi Say Khau	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 38"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
bản Thàng Tắm	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 34' 52"					F-48-58-A-c
bản Thí	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 35' 22"					F-48-58-A-c
thôn Bản Bang	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 25' 54"					F-48-57-B-d
suối Bản Bang	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 58"	106° 25' 47"	21° 47' 08"	106° 26' 34"	F-48-57-B-d
thôn Bản Châu	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 48"	106° 27' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Châu 1	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 46' 28"	106° 25' 36"	21° 47' 08"	106° 26' 34"	F-48-57-B-d
suối Bản Châu 2	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 45' 34"	106° 27' 53"	21° 47' 17"	106° 27' 23"	F-48-57-B-d
bản Bó Vú	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 25' 37"					F-48-57-B-d
bản Ca Hường	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 25' 54"					F-48-57-B-d
đèo Canh Khuyết	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 27' 20"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chọc Cối	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 28' 25"					F-48-57-B-d
núi Co Cam	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 28' 23"					F-48-57-B-d
bản Cốc Sa	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 08"	106° 25' 08"					F-48-57-B-d
đèo Cướm	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 06"	106° 28' 31"					F-48-57-B-d
thôn Đèo Luông	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 28"	106° 28' 19"					F-48-57-B-d
núi Keng Hán	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 28' 34"					F-48-57-B-d
núi Keng Lân	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 24' 23"					F-48-57-B-d
bản Kéo Chải	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
bản Khau Phai	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 07"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Khòn Dăm	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
thôn Khòn Vả	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 27' 44"					F-48-57-B-d
bản Khum Mần	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 26' 47"					F-48-57-B-d
núi Khum Mần	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 26' 38"					F-48-57-B-d
đèo Lân	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 06"	106° 25' 03"					F-48-57-B-d
bản Lọ Phải	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 25' 24"					F-48-57-B-d
đèo Lũng Chiêu	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 29' 22"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phòn	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 43"	106° 24' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Phúc	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 31"	106° 26' 54"					F-48-57-B-d
bản Lũng Vàn	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 26' 28"					F-48-57-B-d
bản Lũng Vĩ	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 28' 04"					F-48-57-B-d
thôn Nà Bó	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
thôn Nà Châu	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 25' 48"					F-48-57-B-d
thôn Nà Chuông	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 58"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
suối Nà Chuông	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 17"	106° 27' 23"	21° 48' 40"	106° 27' 57"	F-48-57-B-d
núi Nà Hà	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 27' 08"					F-48-57-B-d
đèo Nà Khảo	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
bản Nà Lạt	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 10"	106° 26' 10"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Lày	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 27' 28"					F-48-57-B-d
bản Nà Lin	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 39"					F-48-57-B-d
bản Nà Loóc	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 52"					F-48-57-B-d
bản Nà Mu	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 27' 57"					F-48-57-B-d
bản Nà Mực	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 21"	106° 27' 16"					F-48-57-B-d
bản Nà Pát	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 53"	106° 27' 27"					F-48-57-B-d
bản Phai Tênh	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 30"	106° 28' 14"					F-48-57-B-d
bản Phấn	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 25' 19"					F-48-57-B-d
đèo Pò Chải	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 26' 23"					F-48-57-B-d
bản Quan Tài	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 47"	106° 27' 18"					F-48-57-B-d
núi Sa Thần	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 09"	106° 28' 00"					F-48-57-B-d
bản Tát Lùng	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 27"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
thôn Thuồng Duống	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 59"	106° 27' 12"					F-48-57-B-d
quốc lộ 1B	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 05"	106° 28' 09"	21° 51' 08"	106° 30' 42"	F-48-57-B-d
cầu Bản Giềng	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 58"	106° 28' 28"					F-48-57-B-d
thôn Bản Mù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 42"	106° 28' 44"					F-48-57-B-d
khe Bản Mù	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 52' 04"	106° 28' 51"	21° 51' 32"	106° 28' 44"	F-48-57-B-d
thôn Bó Cáng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 30"					F-48-57-B-d
cầu Bó Pia (Bó Pya)	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 03"	106° 30' 26"					F-48-58-A-c
núi Cốc Càng	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 27' 55"					F-48-57-B-b
bản Giềng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 28' 47"					F-48-57-B-d
sông Hang	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 01"	106° 28' 24"	21° 50' 44"	106° 29' 49"	F-48-57-B-d
thôn Hang Nà	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 29' 18"					F-48-57-B-d
núi Hìn Phéc	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 29' 39"					F-48-57-B-d
núi Khau Phai	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 27' 16"					F-48-57-B-d
núi Khau Quan	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 27' 23"					F-48-57-B-b
bản Khòn Khoang	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khum Khinh	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 28"	106° 27' 49"					F-48-57-B-d
bản Khum Nhù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 27' 46"					F-48-57-B-d
bản Khuổi Loỏng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 27' 40"					F-48-57-B-d
suối Khuổi Loỏng	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 49' 36"	106° 27' 48"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
núi Lăng Ca	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 21"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Lăng Đình	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Cải	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 17"	106° 30' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Chiêu	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 49"	106° 29' 19"					F-48-57-B-d
bản Lũng Noong	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 32"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phúc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 25"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
núi Lũng Sláy	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 30' 38"					F-48-58-A-c
núi Mạ Tiểu Kha	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 30' 49"					F-48-58-A-c
sông Mô Pia	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 44"	106° 29' 49"	21° 51' 10"	106° 30' 42"	F-48-58-A-c
bản Mù Trên	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 28' 46"					F-48-57-B-d
bản Nà Chèng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 28' 32"					F-48-57-B-d
suối Nà Chèng	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 48' 40"	106° 27' 57"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
thôn Nà Đông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 13"	106° 29' 09"					F-48-57-B-b
thôn Nà Lốc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 29' 43"					F-48-57-B-b
sông Nà Lốc	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 53' 53"	106° 29' 07"	21° 52' 15"	106° 29' 58"	F-48-57-B-d
núi Nà Ngần	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 26"	106° 27' 20"					F-48-57-B-b
bản Nà Phưong	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 11"	106° 28' 35"					F-48-57-B-d
bản Nà Quạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Pá Pháy	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 09"					F-48-57-B-d
bản Pắc Kéo	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
suối Phi Pha	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 54' 05"	106° 28' 44"	21° 53' 53"	106° 29' 07"	F-48-57-B-b
bản Phiêng Niếng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 46"	106° 29' 57"					F-48-57-B-d
bản Sào Thông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 57"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
thôn Thanh Lạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 29' 11"					F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 34' 43"	21° 52' 58"	106° 37' 27"	F-48-58-A-a
thôn Bản Làn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 10"	106° 36' 33"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Nhuận	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 28"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Cốc Ngàn	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 26"	106° 35' 18"					F-48-58-A-a
khối Diềm He 1	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 40"	106° 35' 51"					F-48-58-A-a
thôn Đông Pha	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 38"	106° 36' 58"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Háo	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 21"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 54' 30"	106° 35' 44"	F-48-58-A-a
đèo Lũng Pa	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 34' 43"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 02"	106° 36' 36"					F-48-58-A-a
thôn Phai Cam	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Phai Và	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 04"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Văn Mộng	H. Văn Quan			21° 56' 26"	106° 33' 03"	21° 54' 42"	106° 33' 52"	F-48-58-A-a
đèo Cầu Tập	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 54' 53"	106° 33' 46"					F-48-58-A-a
núi Cốc Mìn	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 17"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Cải	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Duông	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 29"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Lạn	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 33' 17"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Tầu Ư' (Khòn Tầu)	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 52"	106° 33' 15"					F-48-58-A-a
núi Lăng Khuyển	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 16"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
bản Lũng Liu	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 39"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pua	DC	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 00"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
núi Phai Lý	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 32' 57"					F-48-58-A-a
núi Tềnh Bó	SV	xã Văn Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 32"	106° 33' 20"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 59"	106° 33' 59"	21° 56' 26"	106° 33' 03"	F-48-58-A-a
đèo Cốc Quán	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 45"	106° 32' 48"					F-48-58-A-a
đèo Đá	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 02"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Bó	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 37"	106° 33' 07"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Coọng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 10"	106° 32' 36"					F-48-58-A-a
núi Lũng Pán	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 16"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
núi Lũng Tàn	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 34"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
bản Nà Lài	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 37"	106° 32' 49"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lũng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 13"	106° 33' 37"					F-48-58-A-a
thôn Nà Me	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 50"	106° 33' 26"					F-48-58-A-a
thôn Nà Rằng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 57"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
suoối Phả Lạn	TV	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 38"	106° 33' 15"	21° 58' 24"	106° 32' 59"	F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 44"	106° 33' 12"	21° 53' 01"	106° 34' 12"	F-48-58-A-a
thôn Bản Bắc	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 52' 58"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
thôn Bản Lải	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 33' 36"					F-48-58-A-a
núi Bó Nộc	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 17"	106° 34' 29"					F-48-58-A-a
cầu Hát Bon	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 14"	106° 34' 00"					F-48-58-A-a
sông Mô Pia	TV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 32' 57"	21° 55' 12"	106° 34' 39"	F-48-58-A-a
thôn Nà Bung	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 22"	106° 34' 06"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lọc	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 09"	106° 33' 35"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pồ	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 42"	106° 34' 47"					F-48-58-A-a
thôn Nà Súng	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tềnh	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 29"	106° 33' 55"					F-48-58-A-a
núi Phai SLuông	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 33' 22"					F-48-58-A-a
núi Tùng Lầy	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 52"	106° 33' 56"					F-48-58-A-a
thôn Bản Coóng 1	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 22"	106° 31' 20"					F-48-58-A-c
thôn Bản Coóng 2	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 34"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
thôn Bản Dạ	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 36"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
núi Bó Phi	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 33' 18"					F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan			21° 49' 26"	106° 31' 41"	21° 51' 20"	106° 31' 39"	F-48-58-A-c
bản Cốc Loi	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 33' 07"					F-48-58-A-c
thôn Cườm Dưới	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 32' 56"					F-48-58-A-c
thôn Cườm Trên	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 16"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
núi Kéo Nòn	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 28"	106° 32' 34"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Khê	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Lũng Khoang	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 32' 18"					F-48-58-A-c
khau Muồng	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 33' 01"					F-48-58-A-c
thôn Nà Bảnh	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 10"	106° 31' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Đa	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 13"	106° 32' 53"					F-48-58-A-c
núi Nặm Tấu	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 51"	106° 32' 39"					F-48-58-A-c
núi Pha Lầy Về	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
quốc lộ 279	KX	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 47' 28"	106° 32' 12"	21° 45' 06"	106° 32' 33"	F-48-58-A-c
thôn Bắc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 19"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
khau Cang	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
thôn Chợ Bãi	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 18"	106° 32' 17"					F-48-58-A-c
bản Cốc Mìn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 32' 08"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cốc Mỹ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 03"	106° 32' 10"					F-48-58-A-c
bản Hùng Phác	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 04"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Kéo Đầy	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 22"	106° 32' 19"					F-48-58-A-c
bản Khau Kít	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 08"	106° 30' 33"					F-48-58-A-c
bản Khôn Am	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 27"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Khôn Cạng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 31' 47"					F-48-58-A-c
bản Khôn Choòng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 32' 13"					F-48-58-A-c
bản Khôn Chùa	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 26"	106° 31' 54"					F-48-58-A-c
bản Khôn Kéo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 11"	106° 30' 45"					F-48-58-A-c
bản Khôn Linh	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 23"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
bản Khôn Quặc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 57"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Khôn Săn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 30' 47"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sào	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 24"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sây	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 18"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
bản Khum Khẩu	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 49"	106° 32' 31"					F-48-58-A-c
bản Khum Lũng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
đèo Lũng Cát	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 16"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Lũng Quân	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 30' 11"					F-48-58-A-c
suoối Mơ	TV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 47' 05"	106° 32' 09"	F-48-58-A-c
bản Moòng Luông	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 13"	106° 30' 14"					F-48-58-A-c
bản Nà Bon	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 16"	106° 33' 15"					F-48-58-A-c
bản Nà Khau	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 34"	106° 32' 33"					F-48-58-A-c
bản Nà Lặng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 15"	106° 32' 52"					F-48-58-A-c
bản Nà Mèo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Nà Om	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
bản Nà Thăm	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 36"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Nà Thươn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 38"	106° 32' 26"					F-48-58-A-c
bản Nhà Trung	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Pác Lũng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 31' 15"					F-48-58-A-c
bản Pắc Tạng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 57"	106° 32' 32"					F-48-58-A-c
bản Phai Ca	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 51"	106° 32' 14"					F-48-58-A-c
bản Phai Mới	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 15"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
núi Phai Tàn	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 33' 24"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sa Bó	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 31' 48"					F-48-58-A-c
bản Sào Mạ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 32' 51"					F-48-58-A-c
thôn Tây A	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 31' 59"					F-48-58-A-c
bản Thiên Tăng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 31' 30"					F-48-58-A-c
núi Xa Khế	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 32"	106° 29' 28"					F-48-57-B-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc